

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 366 – Chúa nhật 17.11.2019

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

SỰ PHÁT TRIỂN ĐÍCH THỰC VỀ CON NGƯỜI Thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS (QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ XÃ HỘI).....	CỦA ĐỨC THÁNH CHA GIOAN-PHAOLÔ II
TUYÊN XƯƠNG, SỐNG VÀ LÀM CHỨNG CHO ĐỨC TIN	ĐTGM. Giuse Nguyễn Năng
TRUNG THÀNH VÀ BÌNH AN	Lm. Antôn Nguyễn Văn Độ
KHI SỐNG LẠI, NGƯỜI TA... ..	Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, ofm
CHUẨN BỊ ĐÓN CHỜ CHÚA ĐẾN	LM ĐAN VINH - HHTM
NHÂN THÁNG GIÁO HỘI DÀNH CẦU CHO CÁC LINH HỒN, CẦN BIẾT LUYỆN NGỰC VÀ HỎA NGỰC LÀ GÌ, Ở ĐÂU VÀ DÀNH CHO AI?	Lm. Ngô Tôn Huấn, Doctor of Ministry
THÁNG CÁC LINH HỒN: NHỮNG NGÔI NHÀ	Jos. Hoàng Mạnh Hùng
Hội thảo Văn hóa: Bốn Trăm Năm Hình Thành Và Phát Triển Chữ Quốc Ngữ Trong Lịch Sử Loạn Báo Tin Mừng Tại Việt Nam	Ủy ban Văn hóa, HĐGMVN
TÁC PHẨM KÍNH CHÀO NỮ VƯƠNG RẤT THÁNH - MẸ THIÊN CHÚA QUA LỜI CHÚA (CHƯƠNG 5)	Tiến sĩ Trần Mỹ Duyệt chuyển ngữ
CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ KIỆT TÁC PHẨM “ PIETÀ” CỦA THIÊN TÀI MICHELANGELO... ..	Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp
CARBOHYDRAT	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD
GỖ ĐẦU TRẺ	Chuyện phiếm của Gã siêu

SỰ PHÁT TRIỂN ĐÍCH THỰC VỀ CON NGƯỜI

LTS. Đặc San GSVN đã phổ biến rộng rãi bản dịch DoCat của UBCL&HB, HĐGMVN. Nay chúng con xin lần lượt phổ biến tất cả các thông điệp của các Đức Thánh Cha, từ thời Đức Lêô XIII (1891), với thông điệp Tân Sự (Rerum Novarum) cho tới Đức Thánh Cha Phanxicô (2015), với thông điệp Chúc tụng Chúa (Laudato Si). Tất cả các văn kiện này chính là "nền" cho Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội. Xin chân thành cảm ơn các trang

mạng đã cung cấp cho Dân Chúa và Dân Chúng Việt Nam những tư liệu rất quý báu này, đặc biệt xin chân thành cảm ơn các dịch giả đã thực hiện các bản dịch Việt Ngữ.

Thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS
(QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ XÃ HỘI)
CỦA ĐỨC THÁNH CHA GIOAN-PHAOLÔ II
Nhân dịp kỷ niệm 20 năm thông điệp
POPULORUM PROGRESSIO
CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHAOLÔ VI

bản dịch của Lm. Fx. Hoàng Đình Mai

Nguồn: <https://daminhtamhiep.net/2012/06/thong-diep-sollicitudo-rei-socialis-quan-tam-den-van-de-xa-hoi/>

(Tiếp theo)

IV. SỰ PHÁT TRIỂN ĐÍCH THỰC VỀ CON NGƯỜI

27- Thông điệp mời gọi chúng ta nhìn vào thế giới hiện đại để trước hết nhận thấy rằng sự phát triển không phải là một tiến trình theo đường thẳng, dường như máy móc và không có giới hạn, cứ với một số điều kiện, nhân loại sẽ phải tiến nhanh tới một thứ hoàn thiện mơ hồ nào đó (49). Một quan niệm như thế, được liên kết với khái niệm về “tiến bộ” do những suy tư đặc biệt của nền triết học ánh sáng hơn là với khái niệm về “phát triển”, được hiểu theo nghĩa chuyên về kinh tế và xã hội (50), dường như ngày nay đang bị xét lại một cách nghiêm chỉnh, nhất là sau kinh nghiệm bi đát của hai trận thế chiến, của cuộc tàn sát đã được tính toán, và phần nào đã được thực hiện đối với toàn bộ những vùng dân cư, của hiểm họa nguyên tử đang đè nặng. Thay vì gây thương lạc quan một cách máy móc, người ta có lý để lo âu cho vận mạng nhân loại.

28- Nhưng đồng thời, quan niệm về “kinh tế” hay “kinh tế chủ nghĩa”, liên kết với từ ngữ phát triển, đã đi vào khủng hoảng. Thực vậy, ngày nay người ta hiểu rõ hơn rằng việc đơn thuần tích lũy của cải và những tiện ích, mặc dù cho đa số, cũng không đủ đem lại cho con người hạnh phúc. Và do đó, việc có sẵn nhiều mối lợi thực sự mà khoa học và kỹ thuật trong những thời gian gần đây đã mang lại, kể cả ngành công nghệ thông tin, cũng không đưa tới sự giải thoát khỏi mọi hình thức nô lệ. Trái lại, kinh nghiệm của những năm mới đây nhất cho thấy nếu tất cả những nguồn tài nguyên và tiềm năng được dành cho con người sử dụng mà không được quản trị theo một ý hướng đạo đức và một quyết tâm hướng tới lợi ích đích thực của nhân loại, thì sẽ dễ dàng quay lại chống đối hầu làm khổ con người.

Một nhận xét gây ngạc nhiên về thời kỳ mới đây nhất sẽ rất hữu ích : bên cạnh những nỗi thống khổ, không thể chấp nhận được, do tình trạng kém phát triển gây nên, chúng ta chứng kiến một loại phát triển quá độ, cũng không thể chấp nhận được vì giống như tình trạng trên, nó đi ngược lại với lợi ích và hạnh phúc đích thật. Thực vậy, sự phát triển quá độ, khiến một số tầng lớp xã hội có quá nhiều mọi thứ của cải vật chất, dễ dàng làm con người trở thành nô lệ cho sự “chiếm hữu” và hưởng thụ tức khắc, không còn một chân trời nào khác ngoài việc tăng thêm nhiều vật dụng hay liên tục thay thế những vật dụng đã có bằng những thứ khác hoàn hảo hơn. Người ta gọi đó là văn minh “tiêu dùng”, kèm theo biết bao nhiêu đồ “bỏ đi” và “phế thải”. Một vật đã có và nay đã lỗi thời, bị xếp vào hàng “phế thải” vì có một vật khác hoàn hảo hơn, không đếm xỉa gì tới giá trị trường tồn nơi vật ấy hay để cho một người khác nghèo túng hơn.

Tất cả chúng ta đều có thể nắm bắt được bằng tay những hậu quả đáng buồn của việc mù quáng chạy theo sự tiêu dùng thuần túy : trước hết đó là một hình thức duy vật tầm thường, và đồng thời là một sự hoàn toàn không được thỏa mãn, vì người ta hiểu ngay rằng càng có thì lại

càng muốn thêm, trong khi những khát vọng sâu xa nhất vẫn chưa được thỏa mãn, có thể còn bị bóp nghẹt, nếu không được bảo vệ chống lại những lời quảng cáo dồn dập và việc không ngừng cung cấp đầy quyền dũ những sản phẩm tiêu dùng.

Thông điệp của Đức Phaolô VI đã nêu lên sự khác biệt, mà ngày nay thường rất được nhấn mạnh (51), đó là sự khác biệt giữa cái “có” và cái “là”, sự khác biệt này đã được Công Đồng Vatican II diễn tả trước với những ngôn từ chính xác (52). “Có” những đồ vật và của cải tự nó không làm cho con người nên hoàn thiện, nếu không góp phần cho cái “là” của mình thêm trưởng thành và phong phú, nghĩa là góp phần vào việc thực hiện ơn gọi làm người của mình.

Chắc hẳn, sự khác biệt giữa “là” và “có”, nguy cơ liên quan đến việc thuần túy tăng thêm hay thuần túy thay thế những vật dụng đã có đối với giá trị của cái “là”, nhất thiết không được biến thành một sự mâu thuẫn. Một trong những bất công to lớn nhất của thế giới hiện đại chính là việc một số tương đối ít người lại có được nhiều của cải, trong khi nhiều người hầu như chẳng có gì. Đó là sự bất công trong việc phân phối sai trật của cải và những tiện ích vốn được dành cho mọi người.

Vậy đây là bức tranh : có những người – một số ít nhưng lại có nhiều – không thực sự đạt tới cái “là”, bởi vì do một đảo ngược bậc thang giá trị, họ bị sự tôn thờ cái “có” ngăn cản, và có những người – dù nhiều nhưng lại có ít hay chẳng có gì – cũng không thực hiện được ơn gọi căn bản làm người của họ, bởi vì họ thiếu cả những của cải sơ đẳng nhất.

Điều xấu không hệ tại nơi cái “có”, nhưng nơi việc chiếm hữu một cách không tôn trọng phẩm chất và bậc thang giá trị những của cải mình có, phẩm chất và bậc thang giá trị ấy bắt nguồn từ việc đặt của cải vào cái thể phụ thuộc và sử dụng chúng cho cái “là” của con người và cho ơn gọi đích thực của con người.

Như vậy, thật rõ ràng nếu sự phát triển cần có một chiều kích kinh tế vì nó phải giúp cho tuyệt đại đa số dân cư trên thế giới có được những của cải cần thiết để “là”, thì sự phát triển ấy cũng không bị giới hạn vào chiều kích này, bằng không nó sẽ quay lại chống đối những kẻ mà người ta muốn giúp đỡ.

Đức Phaolô VI đã mô tả những đặc tính của một sự phát triển toàn diện, “nhân bản” hơn, có thể giữ được vẻ cao quý ơn gọi đích thực của người nam cũng như người nữ, mà không chối bỏ những đòi hỏi kinh tế.

29- Một sự phát triển không phải chỉ có tính cách kinh tế mà còn phải được đánh giá và định hướng theo thực tại và ơn gọi của con người một cách toàn diện, nghĩa là theo một thông số riêng từ bên trong. Dĩ nhiên sự phát triển ấy cần đến những của cải vật chất và những sản phẩm của kỹ nghệ, liên tục được phong phú hơn nhờ tiến bộ của khoa học và kỹ thuật. Và việc luôn có mới những của cải vật chất, để đáp ứng những nhu cầu, mở ra một chân trời mới. Nguy cơ lạm dụng sự tiêu dùng và việc xuất hiện những nhu cầu giả tạo không được ngăn cản người ta quý trọng và sử dụng những của cải mới và những tài nguyên mới đã được trao cho chúng ta; chúng ta phải nhìn thấy ở đó một ơn huệ của Thiên Chúa và một sự đáp trả ơn gọi của con người, được thực hiện đầy đủ trong Đức Kitô.

Tuy nhiên để theo đuổi sự phát triển đích thực không bao giờ được quên thông số ấy vốn nằm trong bản tính riêng của con người được Thiên Chúa dựng nên theo hình ảnh Ngài và giống như Ngài (x St 1,26). Trong bài tường thuật thứ hai về công cuộc tạo dựng, bản tính có xác và có hồn được tượng trưng bằng hai yếu tố : đất được Thiên Chúa dùng để làm nên thân xác con người, và sinh khí được thổi vào lỗ mũi (x St 2,7).

Như vậy con người có một sự tương hợp nào đó với các tạo vật khác : được mời gọi sử dụng chúng, chăm sóc chúng và, vẫn theo bài tường thuật của sách Sáng thế (2,15), con người

được đặt vào vườn địa đàng, có nhiệm vụ canh tác và gìn giữ vườn, Thiên Chúa để con người trở vượt trên mọi tạo vật khác, bắt chúng phải ở dưới quyền thống trị của con người (x St 1,25-26). Nhưng đồng thời con người phải phục tùng ý muốn của Thiên Chúa, Đấng ấn định cho con người những giới hạn đối với việc sử dụng và thống trị các sự vật (x St 2,16-17), cùng hứa ban cho con người ơn bất tử (x St 2,9; Kn 2,23). Như vậy, vì là hình ảnh của Thiên Chúa, con người cũng có một sự tương hợp với Ngài.

Từ giáo huấn trên, người ta thấy rằng sự phát triển không chỉ hệ tại việc sử dụng, thống trị và chiếm hữu không giới hạn các sự vật Thiên Chúa dựng nên và các sản phẩm do kỹ thuật con người làm ra, nhưng đúng hơn hệ tại việc bắt sự chiếm hữu, thống trị và sử dụng phải tùy thuộc vào việc con người được dựng nên giống Thiên Chúa và được mời gọi trở nên bất tử. Đó là thực tại siêu việt của con người mà chúng ta thấy được ngay từ ban đầu cho một đôi nam nữ (St 1,2), và như vậy là tự căn bản có đặc tính xã hội.

30- Theo Kinh Thánh, khái niệm phát triển không phải chỉ mang ý nghĩa “thế tục” hay “phàm trần”, nhưng còn là một diễn tả mới mẻ về một chiều kích chính yếu của ơn gọi làm người, mà vẫn giữ được đặc tính kinh tế-xã hội.

Thực vậy, có thể nói con người không được dựng nên trong trạng thái bất động và bất biến. Hình ảnh đầu tiên được Kinh Thánh trình bày cho thấy rõ con người là như tạo vật và hình ảnh, được xác định trong thực tại thâm sâu của mình bởi nguồn gốc và sự tương hợp làm nên con người. Thế nhưng tất cả những điều đó đem vào trong con người, nam cũng như nữ, mầm mống và đòi hỏi một bổn phận nguyên thủy phải chu toàn, hoặc bởi mỗi cá nhân riêng rẽ hoặc bởi từng đôi. Hiên nhiên bổn phận “thống trị” trên các tạo vật khác, “canh tác thửa vườn”, phải được chu toàn trong khuôn khổ vâng phục lề luật của Thiên Chúa và do đó trong sự kính trọng hình ảnh đã lãnh nhận, nền tảng rõ ràng của quyền thống trị được nhìn nhận nơi con người có liên quan với việc hoàn thiện bản thân mình (x St 1,26-30; 2,15-16; Kn 9,2-3).

Khi con người không vâng lời Thiên Chúa và từ chối tuân phục quyền bính của Ngài, thì thiên nhiên nổi dậy chống lại con người và không còn nhìn nhận con người là như chủ tể của mình nữa, bởi vì con người đã làm lu mờ hình ảnh Thiên Chúa nơi mình. Lời mời gọi chiếm hữu và sử dụng những phương tiện được dựng nên vẫn luôn có giá trị, nhưng sau khi đã phạm tội, việc thi hành trở nên khó khăn và chất đầy đau khổ (x St 3,17-19).

Thực vậy, chương tiếp theo của sách Sáng Thế cho chúng ta thấy dòng dõi Cain xây một “thành phố”, lo chăn nuôi, chuyên tâm vào nghệ thuật (âm nhạc) và kỹ thuật (luyện kim), đồng thời người ta bắt đầu “kêu cầu danh Chúa” (x St 4,17-26).

Kể cả sau khi con người rơi vào vòng tội lỗi, Kinh Thánh đã trình bày lịch sử nhân loại là lịch sử của những thành tựu liên tục, luôn bị đặt lại vấn đề và bị đe dọa bởi tội lỗi, vẫn được tái diễn, được thêm phong phú và lan rộng như một đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa mà ngay từ đầu đã được dành riêng cho người nam cũng như người nữ (x St 1,26-28) và được khắc ghi trong hình ảnh họ đã lãnh nhận.

Ít là đối với những ai tin vào Lời Thiên Chúa, thật là hợp lý khi kết luận rằng sự “phát triển” hôm nay phải được coi như một thời điểm của lịch sử đã bắt đầu cùng với công cuộc tạo dựng và liên tục bị đe dọa vì không trung thành với ý định của Đấng Tạo Hóa, nhất là vì bị cám dỗ thờ ngẫu tượng, nhưng tự căn bản vẫn phù hợp với những nguyên tắc của nó. Người nào muốn từ khước nhiệm vụ, tuy khó khăn nhưng đầy phấn khởi, phải cải thiện số phận của mỗi người và của mọi người, viện cớ là đã quá mệt mỏi vì phải đấu tranh và cố gắng không ngừng để vượt qua bản thân, hay vì đã từng bị thất bại phải trở lại điểm khởi hành, người đó sẽ không đáp trả lại ý định của Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa. Từ quan điểm trên, trong thông điệp *Laborem exercens*, tôi đã dựa vào ơn gọi lao động của con người, để nhấn mạnh ý tưởng chính con người luôn nắm vai trò chủ chốt trong công cuộc phát triển (54).

Hơn thế nữa, chính Chúa Giêsu trong dụ ngôn những nén vàng, đã nhấn mạnh đến thái độ nghiêm khắc dành cho kẻ đã dám chôn vùi ơn huệ đã nhận lãnh : “ Hỡi tên đầy tớ xấu xa và biếng nhác! Người biết ta gặt chỗ không gieo, thu nơi không phát...Vậy các ngươi hãy lấy nén vàng của nó và trao cho người đã có mười nén” (Mt 25,26-28). Là những người đã lãnh nhận những ơn huệ của Thiên Chúa để sinh lời, chúng ta có bổn phận phải “gieo” và phải “gặt”. Nếu không làm như vậy, thì ngay cả cái chúng ta đang có cũng sẽ bị lấy đi.

Việc đào sâu những lời nghiêm khắc trên có thể thúc đẩy chúng ta hiến thân một cách quyết liệt hơn cho bổn phận cộng tác vào việc phát triển toàn diện con người : “phát triển toàn diện con người và toàn thể mọi người”, vốn là bổn phận cấp bách cho mọi người ngày hôm nay.

31- Niềm tin vào Đức Kitô, Đấng Cứu Độ, vừa mang đến một soi sáng từ bên trong về bản chất của việc phát triển, vừa là một hướng dẫn trong việc cộng tác. Qua bức thư thánh Phaolô gửi tín hữu Côlôê, chúng ta đọc thấy rằng Đức Kitô là “Trưởng Tử giữa mọi tạo vật và mọi sự được tạo dựng do Ngài và cho Ngài (Cl 1,15-16). Thực vậy, tất cả đều “tồn tại nơi Ngài” vì “Thiên Chúa đã muốn làm cho tất cả sự viên mãn hiện diện ở nơi Ngài cũng như muốn nhờ Ngài mà làm cho muôn vật được giao hòa với mình” (Cl 1,20).

Trong kế hoạch trên đây của Thiên Chúa, khởi đầu từ vịnh cửu trong Đức Kitô, “hình ảnh” trọn hảo của Chúa Cha, và đạt được tuyệt đỉnh nơi Đấng, là “Trưởng Tử giữa các kẻ chết” (Cl 1,15.18), lịch sử của chúng ta được ghi khắc trong kế hoạch ấy, được mang dấu ấn những cố gắng của chúng ta cá nhân cũng như tập thể để nâng cao thân phận con người, lướt thắng những trở ngại không ngừng nảy sinh trên con đường của chúng ta, chuẩn bị cho chúng ta tham dự vào sự viên mãn “hiện diện nơi Chúa” và được thông ban cho “Thân Thể Ngài, là Giáo hội” (Cl 1,18, x Eph 1,22-23) (55), trong khi tội lỗi không ngừng theo đuổi chúng ta và làm phung hại những thành tựu của con người, thì nó đã bị đánh bại và được chuộc lại nhờ việc “hòa giải” Đức Kitô đã thực hiện (x Cl 1,20).

Ở đây, các viễn tượng được mở rộng. Người ta tìm lại được giấc mơ về một sự “tiến bộ không cùng”, được biến đổi tận gốc rễ nhờ một nhãn quan mới do đức tin Kitô giáo mở ra, đảm bảo với chúng ta rằng một sự tiến bộ như thế chỉ có thể vì Chúa Cha đã quyết định ngay từ đầu cho con người tham dự vào vinh quang của Ngài trong Đức Kitô phục sinh, “Trong Ngài chúng ta được cứu độ, nhờ máu Ngài, được tha thứ tội lỗi” (Eph 1,7), và trong Ngài, Chúa Cha đã muốn chiến thắng tội lỗi và bắt nó phục tùng lợi ích lớn lao nhất của chúng ta (56), hoàn toàn vượt trên tất cả những gì mà tiến bộ có thể thực hiện được.

Vậy – trong khi chúng ta vụng vầy giữa những tầm tối và những thiếu thốn của tình trạng kém phát triển và phát triển thái quá – chúng ta có thể nói được rằng một ngày kia “cái thân xác hư nát này sẽ mặc lấy sự bất tử” (x 1Co 15,54), khi Chúa “trao vương quyền lại cho Thiên Chúa Cha” (1Co 15,24) và mọi công trình và mọi hành động xứng đáng nơi con người sẽ được cứu chuộc.

Hơn thế nữa, sự nhận thức do đức tin sẽ cho thấy rõ những lý do thúc đẩy Giáo hội phải quan tâm tới sự phát triển, phải coi nó như một bổn phận của thừa tác vụ, phải khuyến khích mọi người suy nghĩ về bản chất và những đặc tính của sự phát triển đích thực về con người. Nhờ những cố gắng của mình, một đảng Giáo hội muốn phục vụ chương trình của Thiên Chúa nhằm làm cho mọi sự qui về sự viên mãn ở trong Đức Kitô (x Cl 1,19) và chính Ngài đã thông ban cho Thân Thể Ngài, đảng khác Giáo hội muốn đáp trả ơn gọi căn bản của mình là “bí tích”, nghĩa là “dấu chỉ và phương tiện cho sự kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa và cho sự hợp nhất tất cả nhân loại” (57).

Nhận thức trên đã gợi ý cho một số Giáo Phụ, với lối trình bày độc đáo, đã đưa ra một quan niệm về ý nghĩa của lịch sử và của lao động nơi con người, như được hướng tới một mục đích cao cả hơn và luôn được xác định bằng mối liên hệ với công trình của Đức Kitô. Nói cách khác, có thể tìm thấy trong giáo huấn của các Giáo Phụ một cái nhìn lạc quan về lịch sử và lao

động, nghĩa là về giá trị trường tồn những thành tựu đích thực của con người, vì được Đức Kitô cứu chuộc và được dành cho Nước Chúa đã hứa (58).

Như vậy trong lời giảng dạy và trong cách thực hành cổ xưa nhất, Giáo hội tin tưởng rằng do ơn gọi đòi buộc, – chính Giáo hội, các thừa tác viên và mỗi thành phần của Giáo hội – phải làm giảm bớt nỗi khổ của những người đang đau khổ, dù gần hay xa, và phải làm việc đó không những với “của dư thừa” mà còn với “của cần thiết”. Trong trường hợp túng thiếu, không được dành ưu tiên cho việc trang trí dư thừa tại những ngôi thánh đường và cho những đồ thờ phượng quý giá; trái lại, có thể buộc phải bán đi những của cải đó để có đồ ăn, thức uống, áo quần và nhà ở cho những kẻ thiếu thốn (59). Ở đây, như đã ghi nhận, chúng ta thấy có một bậc thang giá trị trong khuôn khổ quyền tư hữu – giữa cái “có” và cái “là” – nhất là khi “cái có” của một vài người có thể làm thiệt hại cho “cái là” của nhiều người khác.

Dựa vào hiến chế mục vụ “Gaudium et Spes, trong thông điệp của mình, Đức Phaolô VI đã đi theo đường lối giáo huấn trên. Về phần tôi, tôi còn muốn nhấn mạnh về tính cách nghiêm trọng và khẩn cấp của nó, bằng cách cầu xin Chúa ban cho tất cả các Kitô hữu sức mạnh để được trung thành đem ra áp dụng thực hành.

32- Nghĩa vụ hiến thân cho việc phát triển các dân tộc không phải chỉ là một bổn phận cá nhân, lại càng không mang tính cách cá nhân chủ nghĩa, như có thể được thực hiện chỉ bằng những cố gắng riêng rẽ của mỗi người. Đó là một mệnh lệnh cho mọi người và cho mỗi người nam và như nữ, cũng như cho các đoàn thể và các quốc gia, cách riêng nó đòi buộc Giáo hội công giáo, các Giáo hội khác và các Cộng đồng giáo hội mà chúng ta hoàn toàn sẵn sàng cộng tác vào lãnh vực này. Trong ý nghĩa đó, như chúng tôi, những người công giáo, mời gọi các anh em Kitô hữu tham dự vào những sáng kiến của chúng tôi, cũng vậy chúng tôi tuyên bố sẵn sàng cộng tác vào những sáng kiến của họ, vui mừng đón nhận những lời mời gọi được gửi đến cho chúng tôi. Trong công cuộc tìm kiếm sự phát triển toàn diện con người, chúng tôi cũng có thể làm được nhiều cùng với các tín hữu thuộc các tôn giáo khác, như đã được làm ở nhiều nơi.

Thực vậy, cộng tác vào việc phát triển toàn bộ con người và toàn thể mọi người là một bổn phận của tất cả đối với tất cả, và đồng thời phải là việc chung cho khắp bốn phương : Đông và Tây, Bắc và Nam, hay theo từ ngữ thường dùng, là bổn phận chung cho các “thế giới” khác nhau. Trái lại, nếu người ta tìm cách thực hiện chỉ từ một phía, chỉ trong một thế giới, việc đó gây thiệt hại cho những người khác; và ở đâu việc đó bắt đầu, cũng như những người khác bị quên lãng, thì ở đấy việc đó sẽ bành trướng quá và dẫn tới hư hỏng.

Các dân tộc hay các quốc gia cũng có quyền được phát triển toàn diện, như đã nói, nếu phát triển bao gồm những khía cạnh kinh tế và xã hội, thì cũng phải bao gồm cả bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc và việc hướng tới siêu việt. Không bao giờ được lấy nhu cầu phát triển làm lý do để áp đặt cho những người khác nếp sống và niềm tin tôn giáo riêng của mình.

33- Một mô hình phát triển không tôn trọng và không cổ vũ cho những quyền lợi của con người, cá nhân và xã hội, kinh tế và chính trị, kể cả những quyền lợi của các quốc gia và các dân tộc, thì sẽ không thật sự xứng đáng với con người.

Có thể ngày nay còn hơn cả trong dĩ vãng, người ta nhận thấy rõ ràng hơn sự mâu thuẫn nội tại của một cuộc phát triển bị giới hạn vào một khía cạnh kinh tế mà thôi. Nó dễ làm cho con người cùng với những nhu cầu sâu xa nhất bị lệ thuộc vào những đòi hỏi của việc kế hoạch hóa kinh tế hay việc độc quyền chiếm hữu lợi nhuận.

Mối liên kết nội tại giữa công cuộc phát triển đích thực và việc tôn trọng những quyền lợi của con người một lần nữa lại biểu lộ đặc tính luân lý : không thể thực sự nâng cao con người, phù

hợp với ơn gọi tự nhiên và lịch sử của mỗi người, bằng cách chỉ sử dụng những của cải và những tiện ích dư thừa, hay bằng cách sẵn sàng giúp đỡ những cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh.

Khi những cá nhân và những cộng đồng không thấy các đòi hỏi về luân lý, văn hóa và tinh thần được tôn trọng một cách nghiêm túc, vốn đặt nền tảng trên phẩm giá con người và trên bản sắc riêng của mỗi cộng đồng, bắt đầu từ gia đình và các đoàn hội tôn giáo, tất cả những thứ còn lại – như của cải sẵn có, khả năng dồi dào về kỹ thuật áp dụng vào đời sống thường ngày, một mức độ an toàn nào đó về vật chất – đều được coi là không đủ và về lâu về dài, còn trở nên đáng khinh. Chính Chúa đã xác quyết rõ ràng trong Tin Mừng khi lưu ý mọi người về bậc thang giá trị : “ Vì nếu người ta được cả thế giới mà phải thiệt mất mạng sống, thì nào có lợi gì?” (Mt 16,26).

Theo những đòi hỏi riêng của con người, đàn ông hay đàn bà, trẻ em, trưởng thành hay già cả, thì một sự phát triển đích thực phải bao gồm, nhất là nơi những người tích cực tham gia và có trách nhiệm trong tiến trình này, một ý thức sống động về giá trị các quyền lợi của mọi người và của mỗi người, cũng như sự cần thiết phải tôn trọng quyền của mỗi người được sử dụng đầy đủ những lợi ích mà khoa học và kỹ thuật đã mang lại.

Trên bình diện nội bộ của mỗi nước, việc tôn trọng mọi quyền nắm giữ một vai trò rất quan trọng, đặc biệt quyền được sống ở mọi giai đoạn của cuộc đời, những quyền của gia đình, xét như một cộng đồng xã hội căn bản, hay như một “tế bào của xã hội”, sự công bằng trong các liên hệ về lao động, các quyền liên quan mật thiết tới đời sống của cộng đồng chính trị, những quyền đặt nền tảng trên ơn gọi siêu việt của con người, bắt đầu bằng quyền tự do được tuyên xưng và thi hành niềm tin tôn giáo riêng của mình.

Trên bình diện quốc tế, bình diện những mối quan hệ giữa các quốc gia hay theo ngôn ngữ thông thường là giữa các “thế giới” khác nhau, cần phải tôn trọng trọn vẹn bản sắc của mỗi dân tộc, với những đặc tính lịch sử và văn hóa của họ. Như thông điệp *Populorum Progressio* đã mong ước, cũng cần phải thừa nhận mỗi dân tộc đều có cùng một quyền được “ngồi vào bàn tiệc”, thay vì như Lagiarô nằm ngoài cửa, trong khi “mấy con chó cứ đến liếm ghè chốc anh ta” (x Lc 16,21). Các dân tộc cũng như các cá nhân phải được hưởng sự bình đẳng căn bản (62), vốn đã là nền tảng, chẳng hạn như cho Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, một sự bình đẳng làm nền tảng cho quyền mọi người được tham dự vào tiến trình phát triển toàn diện.

Để trở nên toàn diện, sự phát triển phải được thực hiện trong khuôn khổ của tình liên đới và tự do, không bao giờ được hy sinh cái này cho cái kia vì bất cứ lý do nào. Đặc tính luân lý của việc phát triển và sự cần thiết phải thăng tiến được nổi bật khi người ta hết sức nghiêm chỉnh tôn trọng mọi đòi hỏi thuộc phạm vi chân lý và sự thiện, là phạm vi của con người thụ tạo. Ngoài ra, người Kitô hữu, vì đã học biết nhìn thấy nơi con người hình ảnh của Thiên Chúa được mời gọi thông phần vào chân lý và sự thiện là chính Thiên Chúa, nên họ không quan niệm việc dấn thân cho sự phát triển và cho việc thực hiện phát triển mà lại không nhìn nhận và tôn trọng phẩm giá duy nhất của “hình ảnh” đó. Nói cách khác, sự phát triển đích thực phải được xây dựng trên tình yêu Thiên Chúa và tha nhân, phải làm cho những mối liên hệ giữa các cá nhân và xã hội được dễ dàng. Đó là nền “văn minh tình thương” mà Đức Thánh Cha Phaolô VI luôn nói đến.

34- Đặc tính luân lý của việc phát triển không thể loại trừ lòng tôn trọng đối với các vật làm nên thế giới hữu hình mà người Hy Lạp, để phân biệt khi ám chỉ rất đúng về trật tự, đã gọi là vũ trụ. Những thực tại này cũng đòi phải được tôn trọng dựa vào ba nhận định cần suy nghĩ chín chắn.

Nhận định thứ nhất là nên ý thức nhiều hơn rằng không thể xử dụng một cách vô thường vô phạt những loại thụ tạo khác nhau – các vật hữu sinh hay vô sinh, động vật, thảo mộc, khoáng chất – như người ta muốn, theo những nhu cầu kinh tế riêng của mình. Trái lại, phải để ý tới

bản tính của mỗi vật và những mối liên hệ với của chúng trong một hệ thống có trật tự là “vũ trụ”.

Nhận định thứ hai dựa trên việc ngày càng nhận thấy một cách rõ ràng hơn, tính cách giới hạn của các tài nguyên thiên nhiên, trong đó một số không thể phục hồi được, như người ta thường nói. Việc sử dụng những tài nguyên như chúng không thể cạn kiệt, với một quyền bá chủ tuyệt đối, sẽ đe dọa nghiêm trọng khả năng cung cấp không những cho thế hệ hiện tại, mà nhất là cho những thế hệ tương lai.

Nhận định thứ ba liên quan trực tiếp đến những ảnh hưởng mà một mô hình phát triển nào đó mang lại về phẩm chất cuộc sống trong những vùng kỹ nghệ hóa. Tất cả chúng ta đều biết việc kỹ nghệ hóa thường gây ra như hậu quả, trực tiếp hay gián tiếp, sự ô nhiễm môi trường, với những ảnh hưởng nghiêm trọng cho sức khỏe dân chúng.

Một lần nữa, thật hiển nhiên là sự phát triển, ý muốn kế hoạch hóa hướng dẫn phát triển, việc sử dụng và cách thức sử dụng các tài nguyên không thể tách rời khỏi sự tôn trọng những đòi hỏi luân lý. Một trong những đòi hỏi ấy chắc chắn đặt ra những giới hạn cho việc sử dụng vạn vật hữu hình. Quyền bá chủ được Đấng Tạo Hóa trao ban cho con người không phải là một quyền hành tuyệt đối và người ta có thể nói tới một thứ tự do “sử dụng và lạm dụng”, hay định đoạt những sự vật như mình muốn. Giới hạn được Đấng Tạo Hóa đặt ra ngay từ ban đầu và được diễn tả một cách tượng trưng bằng lệnh cấm không được “ăn trái cây” (x St 2,16-17), cho thấy một cách khá rõ trong khuôn khổ vạn vật hữu hình, chúng ta phải tuân giữ những qui luật không chỉ có tính cách sinh học, mà còn có tính cách luân lý, mà nếu vi phạm sẽ bị trừng phạt.

Một ý niệm đúng đắn về phát triển không thể bỏ qua những nhận định kể trên – liên quan đến việc sử dụng những yếu tố thiên nhiên, việc tái tạo những tài nguyên và những hậu quả của việc kỹ nghệ hóa một cách vô trật tự – một lần nữa đặt ra cho chúng ta chiều kích luân lý nhờ đó phân biệt được sự phát triển. (63).

V. MỘT CÁCH NHÌN NHỮNG VẤN ĐỀ HIỆN ĐẠI THEO QUAN ĐIỂM THẦN HỌC

35- Được soi dẫn nhờ đặc tính luân lý, yếu tố chính yếu của việc phát triển, chúng ta phải xem xét các trở ngại trong cùng một cái nhìn ấy. Như vậy, trong những năm vừa qua kể từ khi thông điệp của Đức Phaolô VI được công bố, nếu công cuộc phát triển không được thực hiện – hay chỉ được thực hiện trong một mức độ khiêm tốn, cách không đều đặn, nếu không muốn nói là cách mâu thuẫn – thì những nguyên nhân không phải chỉ có tính cách kinh tế. Như đã nói ở trên, những động cơ chính trị cũng đã can thiệp. Thực vậy, những quyết định làm gia tăng hay kìm hãm “công cuộc phát triển của các dân tộc” không gì khác hơn là những yếu tố chính trị. Để khắc phục những cơ chế xấu đã được nhắc tới trên kia, và để thay thế bằng những cơ chế mới, công bằng hơn và thích hợp hơn với lợi ích chung của nhân loại, cần phải có một quyết tâm hữu hiệu về chính trị. Tiếc thay, sau khi đã phân tích tình hình, phải kết luận rằng quyết tâm này đã không đủ.

Trong một văn kiện mục vụ, như thông điệp này, sẽ không đầy đủ nếu việc phân tích chỉ hoàn toàn xét tới những nguyên nhân kinh tế và chính trị của sự chậm phát triển (và đôi lại cũng phải xét đến điều được gọi là phát triển thái quá). Vì vậy, cần phải nhận rõ những nguyên nhân thuộc phạm vi luân lý can thiệp để kìm hãm tiến trình phát triển và ngăn cản việc thực hiện đầy đủ, những nguyên nhân ấy xét theo khía cạnh cư xử của những con người, được coi như là có trách nhiệm,

Cũng vậy, khi có được những phương tiện khoa học và kỹ thuật giúp các dân tộc tiến tới một sự phát triển đích thực nhờ vào những quyết định cụ thể và cần thiết trong phạm vi chính trị, người ta chỉ vượt qua được những trở ngại quan trọng, nhờ vào những lập trường chủ yếu có

tính cách luân lý, mà đối với các tín hữu, nhất là đối với các Kitô hữu, những lập trường này được bắt nguồn từ những nguyên lý đức tin, với sự trợ giúp của ơn Chúa.

36- Vì vậy, phải nhấn mạnh rằng một thế giới bị phân chia thành những khối, do những ý thức hệ cứng nhắc chi phối với nhiều hình thức đế quốc thay vì lệ thuộc lẫn nhau và liên đới cùng nhau, thì chỉ có thể là một thế giới phức tạp “những cơ cấu tội lỗi”. Tất cả những yếu tố tiêu cực đi ngược lại với ý thức chân thực về lợi ích chung của nhân loại và bản phận phải cố võ cho lợi ích chung ấy, mang lại cảm tưởng là đã tạo nên, nơi những cá nhân cũng như nơi những nơi những chế độ, một trở ngại thoát nhìn thì rất khó vượt qua. (64).

Nếu tình trạng hiện nay cho thấy những khó khăn khác nhau, thì đây là lúc phải nói tới những “cơ cấu tội lỗi”, như tôi đã trình bày trong tông huấn *Reconciliatio et paenitentia*, những cơ cấu này bắt nguồn từ tội lỗi cá nhân và do đó luôn liên kết với với những hành vi cụ thể của những con người, làm nảy sinh ra chúng, củng cố chúng và gây khó khăn cho việc loại trừ chúng (65). Như vậy, những cơ cấu ấy được tăng cường, được tràn lan và trở thành nguồn gốc của những tội lỗi khác, đồng thời chi phối cách sống của con người.

“Tội lỗi” và những “cơ cấu tội lỗi” là những phạm trù ít được áp dụng vào tình trạng thế giới hiện nay. Tuy nhiên, không dễ gì mà hiểu được cách sâu xa thực tại xuất hiện dưới mắt chúng ta, mà không chỉ rõ gốc rễ những tội ác đang tác động chúng ta.

Quả thật, người ta có thể nói tới thái độ “ích kỷ” và “thiển cận”, người ta có thể nghĩ đến “những tính toán chính trị sai lầm”, “những quyết định kinh tế thiếu khôn ngoan”. Và trong mỗi phê phán về giá trị người ta đều nêu lên một yếu tố có tính cách đạo đức và luân lý. Thân phận con người tự nó khó mà phân tích được một cách sâu xa những hành vi và những thiếu sót của những con người mà không thêm vào, bằng cách này hay cách khác, những phê phán hay những qui chiếu thuộc phạm vi đạo đức.

Tự bản chất, phê phán này mang tính cách tích cực, nhất là nếu được liên kết chặt chẽ cho tới cùng và được dựa trên niềm tin vào một Thiên Chúa và lề luật Ngài truyền phải làm lành tránh dữ.

Đó chính là sự khác biệt giữa kiểu phân tích theo chính trị-xã hội và việc qui chiếu chính xác vào “tội lỗi” và “những cơ cấu tội lỗi”. Theo ý niệm này, cần phải quan tâm tới ý muốn của Thiên Chúa chí thánh với dự định của Ngài về con người, với sự công bằng và lòng thương xót của Ngài. Thiên Chúa, Đấng giàu lòng thương xót, Đấng cứu độ con người, chủ tể và tác giả của sự sống, đòi buộc con người phải có những thái độ rõ rệt, được diễn tả qua hành động hay qua những thiếu sót đối với tha nhân.. Điều này liên quan tới “bia đá thứ hai” của mười điều răn (x Xh 20,12-17, Tl 5,16-21); vì không tuân giữ những điều răn này, người ta xúc phạm đến Thiên Chúa và gây thiệt hại cho tha nhân bằng cách đem vào thế giới những qui định và những trở ngại vượt khỏi những hành động của một cá nhân cũng như vượt khỏi quãng thời gian ngắn ngủi của đời mình. Như vậy, người ta cũng vi phạm trong quá trình phát triển các dân tộc mà sự trì trệ hay chậm chạp phải được hiểu theo sự soi dẫn trên.

37- Người ta có thể thêm vào việc phân tích tổng quát thuộc phạm vi tôn giáo này một số những nhận định riêng biệt để thấy được rằng trong số những hành vi hay những thái độ trái với ý muốn của Thiên Chúa và lợi ích của tha nhân, cũng như những “cơ cấu” chúng đưa tới, có hai yếu tố mà ngày nay được coi là đặc thù nhất : một đằng là ước muốn thái quá về lợi nhuận, một đằng là khát vọng quyền lực với mục đích áp đặt ý muốn của mình trên người khác. Để định nghĩa một cách chính xác hơn về mỗi thái độ người ta có thể dùng cách diễn tả “bằng mọi giá”. Nói cách khác, chúng ta phải đối diện với việc tuyệt đối hóa những thái độ của con người với tất cả những hậu quả từ đó mà ra.

Dẫu rằng tự bản chất hai thái độ ấy có thể tách biệt nhau, có thái độ này thì không có thái độ kia, nhưng trong toàn cảnh dưới mắt chúng ta, cả hai đều được liên kết bất khả phân ly, dù thái độ này hay thái độ kia vượt trội hơn.

Dĩ nhiên không phải chỉ những cá nhân mà cả những quốc gia và những khối đều có thể là nạn nhân của hai thái độ tội lỗi trên. Điều đó còn giúp làm phát sinh thêm “những cơ cấu tội lỗi” mà tôi đã nói đến. Nếu để ý xem xét một số những hình thức “đế quốc” hiện thời dưới ánh sáng những tiêu chuẩn luân lý, người ta sẽ khám phá ra rằng đằng sau một số những quyết định, mà bên ngoài chỉ hoàn toàn dựa vào những lý do kinh tế hay chính trị, đều ẩn dấu những hình thức đích thực của việc tôn thờ ngẫu tượng như tiền bạc, ý thức hệ, giai cấp, kỹ thuật.

Sở dĩ tôi muốn đưa vào đây kiểu phân tích trên nhất là để cho thấy đâu là bản chất đích thực của sự dữ mà người ta phải đối đầu trong vấn đề phát triển các dân tộc; đó là sự dữ mang tính cách luân lý, do nhiều tội lỗi đã tạo nên những “cơ cấu tội lỗi”. Chẩn đoán sự dữ như thế giúp xác định một cách chính xác, trên bình diện nếp sống của con người, đường nẻo phải theo để vượt thắng sự dữ.

38- Đó là một con đường dài và phức tạp, hơn thế nữa lại luôn bất ổn, hoặc vì những dự định và những thực hiện của con người, hoặc vì những đổi thay không thể đoán trước được. Tuy nhiên, cần phải có can đảm để lên đường và khi đã đi được một vài bước hay đã vượt qua được một phần hành trình, thì phải đi tới cùng.

Trong toàn bộ những suy nghĩ trên, quyết định lên đường và tiếp tục bước đi, trước hết mang một giá trị luân lý mà người tín hữu nam cũng như nữ nhận biết như là ý muốn của Thiên Chúa, nền tảng duy nhất và đích thực của một nền đạo đức đòi buộc một cách tuyệt đối.

Ước gì những người nam và nữ dù không có một niềm tin rõ rệt vẫn xác tín rằng những trở ngại cho việc phát triển toàn diện không phải chỉ thuộc phạm vi kinh tế, mà còn tùy thuộc vào những thái độ sâu thẳm hơn được diễn tả, đối với con người, bằng những giá trị có tính cách tuyệt đối. Vì thế, phải hy vọng rằng những người có trách nhiệm, bằng cách này hay cách khác, lo cho anh em đồng loại có được một cuộc sống xứng đáng với con người hơn, thì dù có niềm tin tôn giáo hay không, họ cũng nhận thức đầy đủ về sự cần thiết phải gấp rút thay đổi những thái độ tinh thần vốn là đặc điểm những mối liên hệ của con người với bản thân, với tha nhân, với những cộng đồng nhân loại dù xa xôi nhất và với thiên nhiên; sở dĩ như vậy là vì những giá trị cao cả hơn như ích lợi chung, hay để lấy lại cách diễn tả thích đáng của thông điệp *Populorum Progressio*, là “sự phát triển của toàn bộ con người và của toàn thể mọi người” (66).

Đối với các Kitô hữu, cũng như đối với tất cả những ai hiểu biết ý nghĩa thần học chính xác của danh từ “tội lỗi”, thì thay đổi cách cư xử, nếp sống hay nếp sống được gọi là “hoán cải”, theo ngôn ngữ Kinh Thánh (x Mc 1,15; Lc 13,3.5; Is 30,15). Cuộc hoán cải này nói lên một cách chính xác mối tương quan với Thiên Chúa, với lỗi phạm, với những hậu quả của nó và như vậy với tha nhân, cá nhân hay cộng đồng. Thiên Chúa, Đấng “cầm trong tay trái tim của những kẻ quyền thế” (67) và trái tim của mọi con người, theo lời đã hứa, Ngài có thể dùng Thánh Thần biến đổi “những trái tim bằng đá” thành “những trái tim bằng thịt” (x Ed 36,26).

Trên con đường hoán cải được mong ước, dẫn tới việc lướt thắng những trở ngại luân lý cho việc phát triển, người ta có thể nhấn mạnh tới ý thức ngày càng gia tăng về sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các cá nhân và các quốc gia, như giá trị tích cực và luân lý. Sự kiện có những người nam và nữ, ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới, cảm thấy bản thân mình có liên quan tới những bất công và những vi phạm nhân quyền xảy ra tại những nước xa xôi mà chắc chắn họ chưa bao giờ đặt chân đến, đó là một dấu chỉ khác cho thấy một thực tại đã được tiềm ẩn trong lương tâm, như vậy là mang một ý nghĩa luân lý.

Trước hết, do sự lệ thuộc lẫn nhau, được cảm nhận như một hệ thống cần thiết cho những quan hệ trong thế giới hiện đại, cùng với những yếu tố cấu thành mang tính cách kinh tế, văn hóa, chính trị và tôn giáo, được nâng lên hàng phạm trù luân lý. Khi sự lệ thuộc lẫn nhau được nhìn nhận như vậy, thì câu trả lời thích hợp là tình liên đới, như một thái độ luân lý và xã hội, đồng thời như một “nhân đức”. Vậy tình liên đới không phải là một tình cảm thương xót mơ hồ hay xúc động hời hợt trước những khổ đau mà biết bao nhiêu người gần hay xa phải chịu. Trái lại, đó là một quyết tâm mạnh mẽ và bền bỉ phải làm việc cho ích lợi chung, nghĩa là cho lợi ích của mọi người và của mỗi người vì tất cả chúng ta đều thực sự có trách nhiệm đối với mọi người. Một quyết tâm như vậy được xây dựng trên niềm xác tín chắc chắn rằng việc phát triển toàn diện đang bị lòng ham hố lợi nhuận và khao khát quyền lực làm cản trở như đã nói. Chỉ có thể vượt thắng được những thái độ và những “cơ cấu tội lỗi” – dĩ nhiên là với sự trợ giúp của ơn Chúa – nhờ vào một thái độ hoàn toàn trái ngược : cố gắng lo cho lợi ích của tha nhân, theo ý nghĩa của Tin Mừng, bằng cách sẵn sàng “bị mất đi” cho người khác thay vì bóc lột họ, sẵn sàng phục vụ họ thay vì đàn áp họ bởi lợi lộc riêng tư của mình (x Mt 10,40-42; 20,25; Mc 10,42-45; Lc 22,25-27).

39- Việc thực thi tình liên đới bên trong mọi xã hội hoàn toàn có giá trị khi các phần tử nhìn nhận nhau như những con người. Những ai có khả năng hơn, vì có nhiều của cải và nhiều tài năng hơn, phải cảm thấy có trách nhiệm đối với những người khác yếu kém hơn và phải sẵn sàng chia sẻ với họ những gì mình có. Về phần những người yếu kém hơn, cũng trong chiều hướng của tình liên đới, không được giữ một thái độ hoàn toàn tiêu cực hay phá hoại tổ chức xã hội, nhưng phải làm những gì thuộc về mình nhằm lợi ích của mọi người, trong khi vẫn bảo vệ những quyền lợi chính đáng của mình. Tới lượt mình, các nhóm trung gian cũng không được quan tâm tới những lợi ích riêng tư một cách ích kỷ, nhưng phải tôn trọng những lợi ích của người khác.

Trong thế giới hiện nay, người ta tìm thấy như những dấu chỉ tích cực của việc gia tăng ý thức về tình liên đới giữa người nghèo với nhau, là các việc họ làm để nâng đỡ lẫn nhau, những cuộc biểu tình công khai trên lãnh vực xã hội mà không dùng tới bạo động, nhưng bằng cách đòi hỏi những nhu cầu và những quyền lợi của mình trước sự bất lực và thối nát của chính quyền. Nhờ việc dần thân theo Tin Mừng, Giáo hội cảm thấy được mời gọi đứng về phía những đám đông nghèo khổ, công nhận những đòi hỏi của họ là chính đáng, góp phần giải quyết những đòi hỏi ấy, mà không quên đi lợi ích của cá nhân trong khuôn khổ lợi ích chung.

Tương tự như thế, tiêu chuẩn đó cũng được áp dụng trong những quan hệ quốc tế. Sự lệ thuộc lẫn nhau phải biến thành tình liên đới, được xây dựng trên nguyên tắc của cải được tạo thành phải dành cho mọi người, những gì do kỹ nghệ làm ra bằng cách chế biến các nguyên liệu với sự đóng góp của công sức lao động, cũng phải phục vụ một cách đồng đều cho lợi ích của mọi người.

Vượt lên trên mọi hình thức đế quốc chủ nghĩa và ý muốn bảo vệ quyền bá chủ của mình, các quốc gia hùng mạnh nhất và giàu có nhất phải ý thức về trách nhiệm luân lý đối với các quốc gia khác, hầu tạo được một hệ thống đích thực mang tính cách quốc tế, được chi phối bởi nguyên tắc mọi dân tộc phải được bình đẳng và mọi khác biệt chính đáng của họ phải được tôn trọng. Các nước yếu kém nhất về kinh tế hoặc đang ở ranh giới của sự sống còn, với sự giúp đỡ của các dân tộc khác và của cộng đồng quốc tế, chính họ cũng phải có thể đóng góp vào lợi ích chung nhờ những kho tàng nhân bản và văn hóa của họ, bằng không sẽ bị mất đi vĩnh viễn. Tình liên đới giúp chúng ta nhìn tha nhân – con người, dân tộc hay quốc gia – không phải là như bất kỳ một dụng cụ nào mà người ta ít tốn kém khi khai thác khả năng lao động và sức mạnh dẻo dai nơi thân xác họ, để rồi loại bỏ khi không còn phục vụ được nữa, nhưng là như “đồng loại của chúng ta”, một “trợ tá” (x St 2,18-20), khiến chúng ta phải cho tham dự, ngang hàng với chúng ta, vào bàn tiệc cuộc đời mà Thiên Chúa đã kêu gọi mọi người. Từ đó, việc quan trọng là phải thức tỉnh lương tâm tôn giáo nơi những cá nhân và nơi các dân tộc.

Như vậy phải loại bỏ sự bóc lột, đàn áp và tiêu diệt người khác. Trong tình trạng thế giới bị phân chia thành những khối kinh chống nhau, những sự kiện trên được nối kết lại tạo thành nguy cơ chiến tranh và quá lo lắng cho nền an ninh, rất nhiều khi làm tổn thương đến quyền tự chủ, quyền tự do quyết định và đến cả sự toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia yếu kém nhất để rồi rơi vào những nơi được gọi là “vùng ảnh hưởng”, hay “vòng đai an toàn”.

Các “cơ cấu tội lỗi” và các tội lỗi do các cơ cấu ấy gây nên, cũng hoàn toàn chống lại nền hòa bình và sự phát triển, bởi vì theo sự diễn tả nổi tiếng trong thông điệp của Đức Phaolô VI thì phát triển chính là “tên gọi mới của hòa bình” (68).

Như vậy tình liên đới chúng ta đề nghị là con đường hòa bình và đồng thời cũng là con đường phát triển. Thực vậy, nền hòa bình thế giới là điều không thể hiểu được nếu những người có trách nhiệm không đi tới chỗ nhìn nhận rằng sự lệ thuộc lẫn nhau tự nó đòi phải vượt lên trên khuynh hướng chính trị theo khối, phải từ bỏ mọi hình thức đế quốc về kinh tế, quân sự hay chính trị, và phải biến sự nghi ngờ lẫn nhau thành sự cộng tác. Sự cộng tác này chính là hành vi đặc biệt của tình liên đới giữa những cá nhân và những quốc gia.

Vị tiền nhiệm đáng kính của tôi, Đức Piô XII, đã lấy câu “Opus justitiae pax” hòa bình là kết quả của công lý, làm khẩu hiệu. Ngày nay, người ta có thể nói một cách cũng xác đáng và mạnh mẽ dựa theo Kinh Thánh (Is 32,17; Gc 3,18) rằng : Opus solidaritatis pax, hòa bình là kết quả của tình liên đới.

Mục tiêu của hòa bình, mà mọi người đều mong ước, chắc chắn sẽ đạt được nhờ việc thực thi công bằng xã hội và quốc tế, nhưng cũng nhờ việc thực thi các nhân đức giúp chúng ta biết chung sống với nhau và dạy chúng ta biết sống hòa hợp để xây dựng một xã hội mới và một thế giới tốt đẹp hơn trong tinh thần hợp nhất, bằng cách biết cho và biết nhận.

40- Chắc hẳn tình liên đới là một nhân đức Kitô giáo. Từ phần khai triển trên, người ta có thể thoáng thấy nhiều điểm giống nhau giữa tình liên đới và tình yêu thương, vốn là dấu chỉ đặc biệt của các môn đệ Đức Kitô (x Ga 13,35)

Dưới ánh sáng đức tin, tình liên đới phải vượt lên trên bản chất của mình, để mang lấy những chiều kích đặc thù của Kitô giáo là hoàn toàn vô vị lợi, tha thứ và hòa giải. Lúc đó tha nhân không phải chỉ là một con người với những quyền lợi và sự bình đẳng căn bản đối với mọi người, mà còn trở nên hình ảnh sống động của Thiên Chúa Cha, được máu Đức Kitô cứu chuộc và là đối tượng hoạt động của Chúa Thánh Thần. Vì vậy, tha nhân phải được yêu thương ngay khi còn là thù địch, bằng tình yêu thương mà Chúa đã yêu thương họ và người ta phải sẵn sàng hy sinh cho họ, dù phải hy sinh đến cùng : “Hiến mạng sống cho anh em mình” (x 1Ga 3,16).

Lúc đó ý thức về tình phụ tử chung của Thiên Chúa, về tình huynh đệ của mọi người trong Đức Kitô, “những người con trong Chúa Con”, về sự hiện diện và hoạt động ban sự sống của Chúa Thánh Thần, đem lại cho cái nhìn của chúng ta về thế giới một tiêu chuẩn mới để giải thích. Bên trên những mối liên hệ nhân đạo và tự nhiên, vốn rất mạnh mẽ và chặt chẽ, ánh sáng đức tin còn cho thấy rõ một kiểu mẫu mới để hợp nhất nhân loại, mà tình liên đới phải dựa vào đó như động lực cuối cùng. Kiểu mẫu hợp nhất tuyệt vời này, phản ánh đời sống thân mật của Thiên Chúa Ba Ngôi, chính là điều người Kitô hữu chúng ta diễn tả qua từ ngữ “hiệp thông”. Sự hiệp thông đặc biệt của Kitô giáo, được duy trì một cách cẩn thận, được mở rộng và được phong phú nhờ sự trợ giúp của Chúa, chính là linh hồn của ơn gọi kêu mời Giáo hội trở nên “bí tích” theo ý nghĩa đã trình bày.

Vậy tình liên đới phải góp phần vào việc thực hiện ý định của Thiên Chúa trên bình diện cá nhân cũng như trên bình diện xã hội của quốc gia và quốc tế. Những “cơ chế xấu xa” và những “cơ cấu tội lỗi” chúng ta đã nói đến, chỉ có thể bị đánh bại bằng việc thực thi tình liên đới

mang tính cách nhân bản và Kitô giáo, mà Giáo hội không ngừng mời gọi và cổ vũ. Chỉ bằng cách này nhiều tiềm năng tích cực mới được hoàn toàn giải phóng để làm lợi cho phát triển và hòa bình.

Nhiều vị thánh được Giáo hội tôn phong đã cống hiến những chứng tá tuyệt vời về tình liên đới và có thể dùng làm gương mẫu trong những hoàn cảnh khó khăn hiện nay. Trong số các vị đó, tôi muốn nhắc tới thánh Phêrô Claver đã phục vụ các nô lệ tại Carthagène thuộc Nam Mỹ, và thánh Maximiliano Kolbe đã hiến mạng sống mình cho một người tù không quen biết trong trại tập trung Auschwitz-Oswiecim.

còn tiếp

chú thích

49- Xem *Th Familiaris Consortio* (22.11.1981), số 6 : AAS 74 (1982), trang 88 : “...Lịch sử không đơn thuần là một sự tiến bộ nhất thiết tiến về cái hay hơn, tốt hơn, nhưng là một diễn biến của tự do, và hơn thế nữa còn là một cuộc chiến giữa những mối tự do đối nghịch nhau...”.
50- Chính vì thế trong bản văn của Thông điệp này, người ta thích dùng chữ “phát triển” thay vì chữ “tiến bộ”, hầu mang lại cho chữ “phát triển” một ý nghĩa đầy đủ nhất.

51- *Tđ Populorum Progressio* số 19, quyển C, trang 266-267 : “Có thêm của cải, đối với các dân tộc cũng như đối với mỗi người, không phải là mục đích tối hậu. Mọi sự triển nở đều có hai mặt {...} Việc quá kiếm tìm để có thêm của cải làm trở ngại cho việc triển nở con người và chống lại với vẻ cao cả đích thực của con người; đối với các quốc gia cũng như đối với mỗi người, tính hà tiện là hình thức rõ ràng nhất của tình trạng kém phát triển về luân lý”; Xem Phaolô VI, *Tt Octogesima adveniens* (14.5.1971), số 9 : AAS 63, (1971), trang 407-408.

52- Xem Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*, số 35; Phaolô VI, *Diễn từ đọc trước Ngoại giao đoàn* (7.1.1965), số 9 : AAS 57 (1965), trang 232.

53- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 20-21, quyển C, trang 267-268.

54- Xem *Tđ Laborem Exercens* (16.9.1981) số 4 : AAS 73 (1981), trang 584-585; Phaolô VI *Tđ Populorum Progressio* số 15, quyển C, trang 265.

55- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 42, quyển C, trang 278.

56- Xem *Praeconium pascale*, Sách lễ Roma, phát hành 1975, trang 272 : “Tội Adong đã được tẩy xóa nhờ sự chết của Đức Kitô. Ôi, Tội hồng phúc vì đã cho chúng ta một Đấng Cứu chuộc cao sang như thế”.

57- *Cđ Vat II*, Hiến chế tín lý về Giáo hội *Lumen Gentium*, số 1.

58- Xem chẳng hạn thánh Basiliô Cả, *Regulae fusius tractatae, interrogatio XXXVII*, 1-2 : PG 31, 1009-1012; Theodoret ce Cyr, *De Providentia*, *Oratio VII* PG 83, 665-666; Thánh Augustinô, *De Civitate Dei*, XIX, 17 : CCI 48, 683-685,

59- Xem chẳng hạn thánh Gioan Kim Khẩu, trong *Phúc âm theo thánh Matthêu*, bài giảng 50, 3-4 : PG 58, 508-510; Thánh Ambrôsiô *De Officiis Ministrorum*, cuốn II, XXVIII, 136-140 : PL 16, 139-141; Possidius, *Vita S. Augustini Episcopi*, XXIV, PL 32, 53-54.

60- *Tđ Populorum Progressio* số 23, quyển C, trang 268 : “Nếu ai có của cải thế gian và thấy anh em mình lâm cảnh túng thiếu, mà chẳng động lòng thương, thì làm sao tình yêu Thiên Chúa ở lại trong người ấy được ? (1Ga 3,17). Chúng ta biết các Giáo phụ của Hội Thánh đã mạnh mẽ xác định về thái độ những người giàu sang phải có khi đứng trước những người túng thiếu”. Trong số trước, Đức Thánh Cha đã trích dẫn số 69 của Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes* của *Cđ Vat II*.

61- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 47, quyển C, trang 280 : “...Một thế giới ở đó tự do không phải là một danh từ trống rỗng và ở đó người nghèo khổ Lagiarô có thể ngồi cùng bàn với người giàu”.

62- Xem *Tlđđ*, số 47 : Quyển C, trang 280 : “Cần xây dựng một thế giới, ở đó mọi người, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, quốc gia, đều có thể sống một cuộc sống xứng hợp với con người một cách đầy đủ, thoát khỏi cảnh nô lệ do con người đem lại...”; cũng xem *Cđ Vat II* Hiến

ché mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes* số 29 : Sự bình đẳng căn bản là một trong những lý do tại sao Giáo hội vẫn luôn chống lại mọi hình thức kỳ thị chủng tộc.

63- Xem bài giảng tại Val Visdende, Ý (12.7.1987), số 5 : *L'Osservatore Romano*, 13-14.7.1987; Phaolô VI, *Tt Octogesima adveniens* (14.5.1971), số 21: *AAS* 63 (1971), trang 416-417.

64- Xem *Cđ Vat II*, Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*, số 25.

65- *Th Reconciliatio et Paenitentia* (2.12.1984), số 16 : “Thật vậy, khi Giáo hội nói đến những tình trạng tội lỗi, hoặc khi Giáo hội tố giác một số tình trạng hoặc một số thái độ chung của một nhóm người lớn hay nhỏ, hoặc ngay cả thái độ của toàn thể các nước hay khối các nước, như là những tội xã hội, thì Giáo hội ý thức và tuyên bố rằng những tội xã hội ấy là kết quả, là sự tích lũy và chất chứa nhiều tội cá nhân. Đây là tội hoàn toàn cá nhân, do những người xúi giục hay chấp nhận sự bất công, và tệ hơn nữa còn khai thác sự bất công ấy; do những người có quyền để làm một việc gì khả dĩ đẩy xa, khử trừ, hay ít nhất hạn chế một vài tệ trạng xã hội, nhưng đã né tránh không làm vì thờ ơ, vì lo sợ mà im lặng, vì đồng lõa nhưng giả vờ hoặc vì vô tâm; do những người tìm cách bào chữa quan điểm cho rằng không còn cách nào thay đổi được thế giới và cũng do những người không muốn cố gắng và ngại hy sinh với những lý do siêu nhiên này khác. Những trách nhiệm phải thực sự là của những con người cụ thể. Một tình trạng – hay một định chế, một cơ cấu xã hội – tự nó không phải là chủ thể của các hành vi luân lý, vì thế tự bản chất, nó không thể là tốt hay xấu”. *AAS* 77 91985), trang 217.

66- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 42, quyển C, trang 278.

67- Xem *Phụng vụ các giờ kinh*, Thứ ba tuần ba Mùa thường niên, Kinh chiều.

68- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 87, quyển C, trang 299.

VỀ MỤC LỤC

TUYÊN XƯƠNG, SỐNG VÀ LÀM CHỨNG CHO ĐỨC TIN

+ ĐTGM. Giuse Nguyễn Năng

1- Không một tôn giáo nào có một lịch sử kỳ lạ như Kitô giáo. Quả vậy, không một tôn giáo nào bị bách hại nhiều, lâu dài và đau thương như Kitô giáo; và cho dù bị bách hại nhiều, lâu dài và đau thương, Kitô giáo không hề bị tiêu diệt, trái lại vẫn không ngừng tăng trưởng cả về phẩm chất lẫn số lượng. Đó là những bí ẩn của lịch sử không thể lý giải bằng lý lẽ tự nhiên, nhưng chỉ có thể hiểu được trong ánh sáng của niềm tin.

Quả vậy, ngay từ những năm tháng đầu tiên loan báo Tin Mừng, Hội Thánh đã trải qua 300 năm bị bách hại dưới thời các hoàng đế Roma. Rồi từ đó, Phúc Âm được rao giảng ở đâu, thì ở đó không sớm thì muộn, các Kitô hữu cũng bị bắt bớ và giết chết, Hội Thánh bị bách hại và loại trừ. Lịch sử Hội Thánh là một lịch sử đầy những cuộc tử đạo, ở khắp mọi miền trên thế giới, vào hết mọi thời kỳ trong lịch sử.

Ngay trong thời đại chúng ta, trong thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI này, nếu tính tổng cộng tất cả các Kitô hữu, gồm Công giáo, Chính thống, Anh giáo và Tin lành, thì hàng năm có khoảng 170.000 người tử đạo, 200.000.000 người chịu bách hại vì đức tin Kitô giáo.

Trên mảnh đất Việt Nam thân yêu này, 117 vị thánh đã được phúc tử đạo trong một giai đoạn bách hại kéo dài đúng 117 năm, tính từ hai vị tử đạo tiên khởi vào năm 1745 đến vị cuối cùng vào năm 1862, qua các triều đại vua Lê chúa Trịnh, Tây Sơn và các triều nhà Nguyễn. Đó là chưa kể chân phước Anrê Phú Yên tử đạo vào năm 1644, và hàng trăm ngàn tín hữu chết vì đức tin nhưng chưa được phong thánh.

Bức tranh trên đây là một thực tế, và đó cũng là một điều bí ẩn của lịch sử Hội Thánh. Các Kitô hữu bị ghét, vì trước hết, chính Chúa Giêsu đã bị ghét và đã chịu tử hình trên thánh giá. Chúa Giêsu chính là vị tử đạo đầu tiên vì Tin Mừng mà Ngài rao giảng. Ngài là con đường dẫn đến sự sống đích thực, nhưng thế gian lại yêu sự tối tăm hơn ánh sáng.

Chúa nói: “Vì anh em không thuộc về thế gian, và Thầy đã chọn, đã tách anh em khỏi thế gian, nên thế gian ghét anh em... Nếu họ đã bắt bớ Thầy, họ cũng sẽ bắt bớ anh em... Họ chống lại anh em, vì anh em mang danh Thầy, bởi họ không biết Đấng đã sai Thầy” (Ga 15, 19-21). Đơn giản chỉ là thế. Sâu xa là như vậy.

Tuy nhiên, Chúa đã hứa ở cùng Hội Thánh mọi ngày cho đến tận thế, và Chúa đã tuyên bố không quyền năng nào có thể tiêu diệt Hội Thánh. “Trong thế gian, anh em sẽ phải gian nan khốn khó. Nhưng can đảm lên, Thầy đã thắng thế gian” (Ga 16, 33).

2- Ngày lễ các thánh tử đạo tại Việt Nam hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau ôn lại đời sống đức tin của các thánh tử đạo Việt Nam để xem các ngài đã tuyên xưng, đã sống và làm chứng cho đức tin thế nào.

Tại sao các Kitô hữu bị ghét bỏ, bị bắt bớ và giết chết? Các thánh tử đạo đã làm gì?

Các thánh tử đạo bị giết chỉ vì tuyên xưng lòng tin vào Chúa Giêsu. Lòng tin ấy biểu lộ qua việc tôn thờ thánh giá Chúa. Thánh Anrê Kim Thông nói với quan tỉnh: “Thánh giá tôi kính thờ, tôi giẫm lên sao được!” Thánh Têôphan Ven nói: “Tôi đã suốt đời thuyết giảng về đạo thập giá, nay tôi lại đạp lên thập giá thế nào được? Tôi thiết nghĩ sự sống đời này đâu quý hoá đến độ tôi phải bỏ đạo mà mua!”

Chắc chắn không phải vì các ngài đã theo đạo Tây mà phản bội tổ quốc và dân tộc. Các ngài tôn trọng vua quan và hết lòng vì quê hương. Thánh linh mục Tự đối đáp với quan tòa: “Tôi kính Thiên Chúa như Thượng Phụ, kính vua như trung phụ, và kính song thân như hạ phụ. Không thể nghe cha ruột để hại vua, tôi cũng không thể vì vua mà phạm đến Thượng Phụ là Thiên Chúa được”.

Nhiều vị thánh đã ở trong hàng ngũ quân đội bảo vệ đất nước. Thánh Trần Văn Trung là một binh sĩ, đã bị giết vì khảng khái tuyên bố: “Tôi là Kitô hữu, tôi sẵn sàng đi đánh kẻ thù của đất nước, nhưng bỏ đạo thì không bao giờ”. Thánh linh mục Khuông từng tuyên bố: “Đạo Giatô không những cấm tín hữu chống lại triều đình, mà còn khuyến khích để họ cầu nguyện và góp phần giúp quê hương an ninh thịnh vượng”.

Yêu nước không có nghĩa là phải thù ghét loại trừ các Kitô hữu và chống lại Kitô giáo.

3- Lời tuyên xưng của các thánh tử đạo không chỉ là lời tuyên bố trong một khoảnh khắc nhất thời trước khi chết, nhưng đó là hoa trái kết tinh từ một đời sống thấm nhuần Lời Chúa. Các ngài đã sống đức tin, đã thể hiện Tin Mừng yêu thương trong chính đời sống của mình.

Trước hết, đời sống đức tin của các thánh tử đạo được biểu lộ ngay trong bốn phận hàng ngày của đời sống gia đình.

Dù thời đó, chế độ đa thê vẫn đang thịnh hành trong xã hội Việt Nam, nhưng các thánh tử đạo đã trung thành với giáo huấn một vợ một chồng của Phúc Âm. Dĩ nhiên có những vị lúc đầu đã không trung thành với lời cam kết hôn nhân, như các thánh Gẫm, binh sĩ Huy, Cai Thìn, quan Hồ Đình Hy... đã có thời gian sa ngã, thế nhưng sau đó tất cả đều biết trở về để vun đắp lại mái ấm gia đình của mình.

Các thánh chu toàn bổn phận nuôi dạy con cái theo tinh thần đức tin. Thánh Thọ căn dặn các con vào thăm trong tù: “Các con thân mến, cha không còn làm gì giúp các con ở thế gian này được nữa, cha chỉ còn lo chuẩn bị tâm hồn đón nhận những thử thách cuối cùng. Ý Chúa đã muốn cha xa lìa các con mãi mãi, nhưng các con còn có mẹ, hãy cố gắng vâng lời mẹ. Các con lớn hãy nhớ quan tâm săn sóc em mình. Các con nhỏ phải biết kính trọng vâng lời anh chị. Hãy thương yêu nhau, siêng năng làm việc đỡ đần mẹ. Hãy nhớ đọc kinh tối sáng và lần chuỗi Mân Côi hằng ngày. Chúa trao cho mỗi người một thánh giá riêng, hãy vui vẻ vác theo chân Chúa và kiên trung giữ đạo”.

Về phần thánh Anê Lê Thị Thành, vị thánh nữ duy nhất trong số các vị tử đạo, người con gái thứ hai của ngài là cô Anna Năm xác nhận: “Bố mẹ chúng tôi chỉ gả các con gái cho những người thanh niên đạo hạnh. Sau khi tôi kết hôn, mẹ tôi thường đến thăm chúng tôi và khuyên bảo những lời tốt lành. Có lần mẹ dạy tôi: “Tuân theo Ý Chúa, con lập gia đình là gánh rất nặng. Con phải ăn ở khôn ngoan, đừng cãi lời cha mẹ chồng. Hãy vui lòng nhận thánh giá Chúa gửi cho”. Người cũng thường khuyên vợ chồng tôi: “Hai con hãy sống hoà hợp, vui vẻ, đừng để ai nghe chúng con cãi nhau bao giờ”.”

Kể đến, sống đức tin là sống Tin Mừng yêu thương.

Thánh y sĩ Phan Đắc Hòa rộng tay giúp người nghèo khổ, riêng bệnh nhân túng thiếu, không những ông chữa bệnh miễn phí, lại còn giúp tiền giúp lúa. Thánh Martinô Thọ nói: “Công bằng chưa đủ, phải có bác ái nữa, mà muốn thực thi bác ái phải có điều kiện”, nên ngài trồng thêm vườn dâu kiếm tiền giúp người thiếu thốn. Người cùng tử đạo với ngài là Gioan Cồn từng mạnh dạn đấu tranh cho người nghèo chống lại chính sách đòi sưu cao thuế nặng. Thánh Năm Thương là ân nhân của viện cô nhi trong vùng. Còn thánh Trùm Đích thường xuyên thăm viếng trại cùi và sẵn sàng nuôi người mắc bệnh dịch tại nhà mình.

Điều quan trọng trong đời sống đức tin của các thánh tử đạo là lòng tha thứ.

Nếu lòng anh dũng giúp các vị tử đạo bình thản đón nhận cái chết không run sợ, không quy lụy khóc than, thì chính lòng bao dung thứ tha mới là đặc tính phân biệt vị tử đạo với những vị anh hùng vì lý do khác.

Các tín hữu chỉ thực sự chết vì đạo nếu biểu lộ được tình yêu, lòng nhân ái, sự bao dung của Tin Mừng. Các vị chắc chắn không đồng ý với bản án bất công của triều đình, nhưng như Đức Giêsu trên thánh giá vẫn cầu nguyện cho quân lính giết hại mình, các chứng nhân tử đạo vẫn tiếp tục yêu thương vua quan và những người hành xử mình.

Khi viên quan nói: “Tôi phải theo lệnh vua, đừng giận tôi nhé”, linh mục Théophane Ven đáp: “Tôi chẳng ghét gì ai cả, tôi sẽ cầu nguyện nhiều cho quan”. Thánh Hoàng Lương Cảnh làm cho quan quân phá lên cười khi ngài đọc: “Cầu Chúa Giêsu, xin cho các quan trị nước cho yên càng ngày càng thịnh”.

4- Lời tuyên xưng và đời sống đức tin của các thánh tử đạo đã làm trở sinh hoa trái phong phú trên quê hương Việt Nam thân yêu này.

Chính đời sống của các thánh tử đạo đã cảm hóa và chiếm được tình cảm của bà con hàng xóm. Dù triều đình nhà Nguyễn ra chiếu chỉ bách hại, bà con hàng xóm vẫn tỏ dấu hiệu thân ái với người công giáo.

Thánh linh mục Vũ Bá Loan là niên trưởng 84 tuổi, được mọi người kính trọng gọi bằng “cụ”, ngài không bị đánh đòn; và trong ngày xử, mười lý hình chạy trốn, đến người thứ mười một, đã lịch sự xin phép: “Việc vua truyền cháu phải làm, xin cụ xá lỗi cho. Cháu sẽ cố giúp cụ chết êm ái. Khi về trời cụ nhớ đến cháu nhé”.

Trong vụ án thánh linh mục Gioan Đạt, viên cai ngục nói: “Tôi thấy cụ khôn ngoan, đạo đức, thì muốn kết nghĩa huynh đệ lắm, ngặt vì cụ sắp bị án tử rồi. Tôi xin hứa biếu cụ một cỗ quan tài để biếu lộ lòng tôi quý cụ.”

Hơn nữa, ngay trong lúc bị giam tù, các ngài đã đưa hàng trăm người đến với Chúa. Và từ đó đến nay, hạt giống Tin Mừng không ngừng lớn lên trong đất nước này. Tin Mừng như men đang thấm vào mọi sinh hoạt xã hội để đưa thế gian đi theo con đường của chân lý Phúc Âm.

Là con cháu các thánh tử đạo, chúng ta hãy phát huy gia sản đức tin mà cha ông đã để lại cho chúng ta. Đức tin ấy đã lớn lên trong máu và nước mắt, trong hy sinh và gian khổ. Bao nhiêu thế hệ đã nằm xuống để chúng ta được trung kiên với đức tin tông truyền.

Ngày nay, tuy không còn phải chịu những đau thương dữ dội như trong quá khứ, nhưng chúng ta đang phải đối diện với một cuộc tấn công khác có thể còn nguy hiểm gấp bội, đó là sức mạnh của tiền bạc, địa vị, khoái lạc, tự do buông thả. Những sức mạnh này đã làm cho bao nhiêu tín hữu gục ngã, đã lôi kéo bao nhiêu Kitô hữu rời xa Hội Thánh, đã làm cho biết bao người quên Thiên Chúa.

Chúng ta hãy bắt chước các thánh tử đạo tuyên xưng đức tin một cách xác tín, ý thức. Chúng ta có thể nói như thánh Phaolô không: “Tôi biết tôi đã tin vào ai?” (2 Tm 1,12). Hãy để cho lòng tin vào Chúa thấm nhuần và biến đổi cuộc sống chúng ta, để tất cả mọi hành vi, ứng xử, chọn lựa, thái độ, của chúng ta luôn tỏa chiếu sức mạnh của Tin Mừng và tạo nên một sức hấp dẫn đối với những người chung quanh để đưa họ đến với Chúa Giêsu Cứu Thế. .

VỀ MỤC LỤC

TRUNG THÀNH VÀ BÌNH AN

SUY NIỆM TIN MỪNG CHÚA NHẬT XXXIII - C

(Lc 21, 20-28)

Kính mời theo dõi video bài giảng tại đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=RjPio5ctLj4&feature=youtu.be>

Chu kỳ Năm Phụng vụ mở ra với ngày tháng dần trôi đang từ từ khép lại. Chúng ta đang ở Chúa nhật áp chót của năm. Nhưng tâm điểm vẫn là Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa nhập thể làm người, chịu chết và sống lại, lên trời và sẽ trở lại trong vinh quang như lời Người đã phán. Sống đời Kitô hữu là sống niềm tin và hy vọng vào Chúa, nhất là trung thành với Đức tin đã lãnh nhận ngày chịu phép Rửa tội, chúng ta sẽ được bình an trong ngày Chúa đến.

Chúa nhật thứ XXXIII thường niên C làm chúng ta nhớ lại, khởi đầu Năm Phụng Vụ, Giáo hội đã kêu gọi con cái mình chuẩn bị tâm hồn đón Chúa Kitô đến lần thứ nhất mang ơn cứu độ là chính Người đến cho nhân loại. Chúa nhật hôm nay, Giáo hội lấy lại lời Chúa Giêsu báo trước về ngày giờ Chúa đến lần thứ hai, giúp chúng ta nghĩ về những thực tại mai hậu của con người là: sự chết, sự phán xét, thiên đàng và luyện ngục. Nhưng trước khi những việc ấy xảy ra thì sẽ có các tiên tri giả, nên lời Chúa mời gọi chúng ta cảnh giác và sống trong tỉnh thức cũng như hy vọng, nhất là bền đỗ đến cùng trong niềm tin cậy vào Chúa (x. Lc 21, 5 – 19).

Nghe đoạn Tin Mừng Luca (21, 5 – 19) hôm nay với những lời tiên báo của Chúa Giêsu như: Đền thờ Giêrusalem bị phá hủy, xuất hiện các tiên tri giả, các dân nước chống lại nhau, nạn ôn dịch xảy đến... Dĩ nhiên người ta hỏi Chúa: Khi nào thì điều ấy xảy ra? Đây là những dấu hiệu? Nhưng Chúa Giêsu chuyển sự chú ý của họ đối với những khía cạnh cụ thể bao giờ xảy ra, sẽ như thế nào, sang những vấn đề đích thực.

Có hai vấn đề. Thứ nhất: là đừng để mình bị những tiên tri giả đánh lừa, và đừng để mình bị tê liệt vì sợ hãi. Thứ hai: sống thời gian chờ đợi như thời gian làm chứng và kiên trì. Và chúng ta đang ở trong thời gian chờ đợi Chúa đến.

Lời cảnh tỉnh xưa của Chúa Giêsu vẫn luôn có tính chất thời sự, kể cả đối với chúng ta là những người đang sống trong thế kỷ 21. Chúng ta cần phải phân định, đâu là tinh thần của Chúa và đâu là tinh thần của thần dữ. Đúng vậy, ngày nay cũng có những cứu thế giả, toan tính thay thế Chúa Giêsu: thủ lĩnh của thế gian này muốn thu hút về mình tâm trí của người khác, nhất là của những người trẻ. Chúa Giêsu cảnh giác chúng ta: *“Các con đừng đi theo chúng!”*.

Trong thực tế, những gì mà Chúa Giêsu tiên báo liên quan đến ngày tận thế đã, đang và chắc chắn sẽ xảy ra. Chẳng hạn gần với thời của Người là Đền thờ Giêrusalem bị phá tan bình địa vào năm 70 sau đó như Người tuyên bố. Các biến cố khác như chiến tranh, giặc giã, đói khát, động đất, chết chóc, nước này nổi lên chống đối nước kia... đang không ngừng ập đến trong nhân loại từ nơi này đến nơi khác dưới mọi hình thức, rõ ràng nhất là sự tận cùng đời người của mỗi chúng ta. Hằng ngày có không biết bao nhiêu nhân mạng tan biến đi thành tro bụi trên trái đất này. Như thế, điều Chúa Giêsu tiên báo về ngày tận thế không phải là sự dọa nạt, nhưng thức tỉnh chúng ta, hướng chúng ta về cuộc sống an bình, hạnh phúc trong sự đợi chờ của niềm tin và lòng cậy trông vững vàng vào sự quan phòng và quyền năng Thiên Chúa.

Chúa nhắc nhở rằng: *“Dù một sợi tóc trên đầu các con cũng sẽ chẳng hư mất”* (Lc 21,18). Chúng ta hoàn toàn ở trong tay Thiên Chúa! Những nghịch cảnh chúng ta gặp vì đức tin và vì lòng gắn bó với Tin Mừng là những cơ hội để làm chứng tá; những nghịch cảnh ấy không làm chúng ta xa Chúa, nhưng thúc đẩy chúng ta càng phó thác vào Chúa, sức mạnh của Thánh Linh và ơn thánh của Ngài.

Lời Chúa nói đây: *“Các con cứ bền đỗ đến cùng, các con sẽ giữ được linh hồn các con”* (Lc 21,19). Những lời trên của Chúa Giêsu chứa chan niềm hy vọng. Lời ấy như tiếng mời gọi chúng ta sống hy vọng và kiên nhẫn, chờ đợi những thành quả của ơn cứu độ, tin thác nơi ý nghĩa sâu xa của cuộc sống và lịch sử: những thử thách và khó khăn là điều thuộc về một kế hoạch rộng lớn hơn; Chúa là chủ tể lịch sử, ngài hướng dẫn mọi sự đến chỗ viên mãn. Dầu có những xáo trộn và tai ương làm chao đảo thế giới, nhưng kế hoạch từ nhân và thương xót của Thiên Chúa sẽ viên mãn! Và đây là niềm hy vọng của chúng ta: tiến bước như thế trên con đường này, trong ý định của Thiên Chúa sẽ được hoàn thành. Đó là niềm hy vọng của chúng ta.

Lạy Chúa, chúng con tin cậy vào Chúa, Lời Chúa là ngọn đèn soi cho chúng con bước, là Ánh Sáng chỉ đường cho chúng con đi, Lời ấy tồn tại mãi cho dù mọi sự qua đi.

Lm. Antôn Nguyễn Văn Độ

VỀ MỤC LỤC

KHI SỐNG LẠI, NGƯỜI TA...

Cách đây ít lâu, trong giờ giáo lý về đề tài “Tứ chung, những sự cuối cùng,” dành cho các anh chị sắp theo Đạo... Tôi giật mình khi có một chị giờ tay phát biểu : *“Em không tin.”* Chả là hôm đó đang nói về đề tài : *“Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại”*... nên phát biểu *“Em không tin”* tức là *“Em không tin có sự sống lại”*.

Không phải chỉ có cô học viên đó mà cả tỉ người hiện nay cũng chẳng tin. Mà không chỉ thời nay, thời đại khoa học kỹ thuật, mà thời xưa, thời Đức Giêsu, cũng đã có không ít người chẳng tin, trong đó có phái Sadốc mà hôm nay Luca ghi lại cho chúng ta hay. Tin xác loài người ngày sau sống lại là một niềm tin khó nuốt nhất của Kitô giáo, của Đạo chúng ta.

Bởi vì nếu tin xác loài người sẽ sống lại, thì cả nghìn câu hỏi sẽ đặt ra mà không giải đáp : Sống lại tất cả chỗ đâu mà ở ? Lấy gì mà sống ? Lấy xác nào mà sống lại: xác ông già nếu mình chết lúc già, xác trẻ thơ nếu mình chết khi còn măng sữa, xác xồn xồn nếu mình tắt thở tuổi trung niên, hay là xác nào ? Hoặc xác không còn một tí gì nữa : hoá thiêu rồi, trở thành bụi mùn theo thiên niên kỷ, hoặc vung vãi tứ tung không thu được thì lấy xác nào mà sống lại ? Và khi sống lại rồi như vậy chuyện vợ chồng xưa sẽ ra làm sao ? Đúng là cả trăm câu hỏi. Chỉ xin dừng lại ở câu hỏi cuối phù hợp với bài Tin Mừng hôm nay : *khi sống lại chuyện cưới vợ gã chồng sẽ thế nào – nếu như người Sadốc đặt vấn nạn cho Chúa : một bà kia lần lượt lấy 7 anh em ruột. Khi sống lại, bà là vợ của ai, vợ anh cả hay vợ của em út ?*

Cũng phải cảm ơn phái Sadoc vì nhờ một hạch hỏi có vẻ không tưởng của họ : 7 anh em ruột phải lấy một vợ, mà ta có được câu trả lời là bài dạy duy nhất của Chúa Giêsu về sự sống lại sẽ thế nào.

Một vài lần Đức Giêsu có nói về sống lại: *Ta là sự Sống lại*. Nhưng sống lại sẽ thế nào, thì đây là bài dạy duy nhất của Chúa Giêsu trả lời cho bè Sadoc : *khi sống lại không còn dựng vợ gã chồng nữa*.

Câu trả lời đầy đủ của Chúa Giêsu là : *Con cái đời này mới cưới vợ lấy chồng, chứ những ai xét là xứng đáng hưởng hạnh phúc đời sau và sống lại từ cõi chết, thì không cưới vợ lấy chồng nữa, vì họ giống như các thiên thần. Họ là con cái của sự sống lại*.

Từ câu trả lời của Chúa, ta thử đặt thành 2 vế :

1. **Vế xuôi** : Tại sao khi sống lại, người ta không còn dựng vợ gã chồng nữa ? Chúa Giêsu đưa ra 2 lý do :

a) *Vì họ không chết nữa*. Tại sao không chết lại liên quan tới chuyện hôn nhân ? Vì hôn nhân là nhằm sinh con đẻ cái, một hành động kéo dài cuộc sống của mình. Khi mình chết đi thì sự sống của mình sẽ nằm nơi con cái. Nói cách khác, sinh con đẻ cái, cha truyền con nối là muốn mình được sống mãi trong con cái. Bỏ họ Nguyễn con họ Nguyễn cháu nội họ Nguyễn chất nội họ Nguyễn ; Bỏ là Ken-nơ-đi, con là Kennedy, cháu cũng Kennedy.... Có con cái thì chết mà vẫn sống.

Vậy khi sống lại, không còn chết nữa thì chẳng cần gì phải kéo dài sự sống nơi con cái, do đó chẳng có chuyện hôn nhân nữa. Nhưng lý lẽ này ít thuyết phục được ai, nên Chúa Giêsu đưa thêm một lý lẽ nữa, đó là :

b) Khi sống lại người ta không còn dựng vợ gã chồng nữa, vì người ta *sống như các thiên thần*. Chúng ta giải thích thêm : Chúa nói : khi sống lại, người ta sống tựa như các thiên thần.

Chữ *“như”* ở đây không phải là giống hệt đâu. Bởi vì thiên thần là loài thiêng liêng – và chỉ thiêng liêng mà thôi. Còn con người là thiêng liêng và cả xác thể nữa, dù cho xác đó là xác phục sinh. Con người sống lại vẫn khác thiên thần. Vì thế chữ *NHƯ* mà Chúa Giêsu nói nhằm đến “công việc” : như các thiên thần, nghĩa là chẳng còn mãi lo chuyện gì khác ngoài việc phụng sự tán dương yêu mến Chúa. Do đó cũng chẳng còn lo chi đến chuyện cưới gã chồng con vợ cái. Để hoá giải những thắc mắc mà trong phần đầu chúng ta đề ra : nào là chỗ đâu mà ở, lấy gì mà sống, hôn nhập xác nào đây, xác Mỹ hay xác Việt, xác già hay trẻ, xác gãy chân cụt tay hay xác lành lặn tươi tốt; hay đã tiêu tán ra ma, lấy gì mà nhập lại, thì chữ *“như”* các thiên thần trong câu trả lời của Chúa giúp ta thành thoi.

“Nhu” có nghĩa là tựa tựa, hao hao. Thiên thần là loài thiêng liêng, sáng láng. Ta sống lại cũng hao hao sáng láng như vậy. Đến đây ta nghe các nhà khoa học – mà là khoa học cao cấp: khoa học nguyên tử lên tiếng về xác sống lại : Họ nói : *chuyện xác sống lại không phải là chuyện khó tin vì vật chất và ánh sáng có họ gần với nhau.*

Khi đạt đến một điều kiện nào đó thì vật chất biến thành ánh sáng (đây là khởi điểm của bom nguyên tử) và ánh sáng kết tinh lại là vật chất.

Vậy tại sao chúng ta lại ngạc nhiên, lại khó tin khi theo chương trình của Tạo Hoá : thân xác vật chất của chúng ta sẽ biến thành ánh sáng. Nếu uranium, plutonium huỷ đi, phải vỡ nguyên tử nó ra thì mới biến thành sức nóng năng lượng ánh sáng chói loà được, thì thân xác của chúng ta cũng phải chết đi, huỷ ra, tan ra, mới trở thành thân xác sáng láng vinh quang được. Chúa Giêsu và thánh Phaolô đã lấy hình ảnh hạt lúa để so sánh với sự sống lại. Hạt lúa có chết đi có huỷ tan mới nảy sinh cây lúa.

Vậy chẳng có gì khó tin khi đến một ngày nào đó thân xác tan rã của chúng ta biến thành thân xác sáng láng tựa như thiên thần.

Ta đã bước vào tín điều khó nuốt nhất: xác loài người sống lại. Nếu xác sống lại cũng giống như xác bây giờ, cũng ăn cũng ngủ cũng lập gia đình... thì quả khó tin; nhưng nếu là xác sáng láng thì lại được, khả tín, có thể tin.

2. **Về ngược.** Để kết thúc, ta từ câu trả lời của Chúa ta mở ra một góc cạnh khác. Nếu khi sống lại trên thiên quốc, người ta không còn dựng vợ gả chồng nữa, thì khi đang sống tại trần gian, những người không lấy vợ lấy chồng, họ là ai ? Thừa họ là những người **sống trước, những người tiên báo cuộc sống phục sinh mai sau.** Đó chính là các tu sĩ với lời khấn khiết tịnh, các linh mục với lời hứa độc thân. Cuộc sống của họ minh chứng và tiên báo cho sự sống lại mai sau. Nhưng ngoài họ ra, tất cả những ai đang sống độc thân, tự nguyện hay do cảnh ngộ, những người không lấy ai, hay chẳng ai lấy, những người ở vậy nuôi con và những người không đi bước nữa, họ cũng cách này cách khác sống trước mầu nhiệm phục sinh. Tất cả đều có thể là dấu chỉ cho sự phục sinh mai sau. Vì khi thân xác sống lại, người ta không còn dựng vợ gả chồng nữa. Amen.

Anphong Nguyễn Công Minh, ofm

VỀ MỤC LỤC

CHUẨN BỊ ĐÓN CHỜ CHÚA ĐẾN

HIỆP SỐNG TIN MỪNG

CHÚA NHẬT 33 THƯỜNG NIÊN C

MI 3,19-20a ; 2Tx 3,7-12 ; Lc 21,5-19.

I.HỌC LỜI CHÚA

1. TIN MỪNG: Lc 21,5-19

(5) Nhân có mấy người nói về Đền thờ được trang hoàng những viên đá đẹp và những đồ dâng cúng, Đức Giê-su bảo: (6) “Những gì anh em đang chiêm ngưỡng đó sẽ có ngày bị tàn phá hết, không còn tảng đá nào trên tảng đá nào”. (7) Họ hỏi Người: “Thưa Thầy, vậy bao giờ các sự việc đó sẽ xảy ra, và khi sắp xảy ra thì có điềm gì báo trước?” (8) Đức Giê-su đáp: “Anh em hãy coi chừng kẻo bị lừa gạt. Vì sẽ có nhiều người mạo danh Thầy đến nói rằng: “Chính Ta đây, và thời kỳ đã đến gần”. Anh em chớ có theo họ. (9) Khi anh em nghe có chiến tranh loạn lạc, thì đừng sợ hãi. Vì những việc đó phải xảy ra trước. Nhưng chưa

phải là chung cục ngay đâu”. (10) Rồi Người nói tiếp: “Dân này sẽ nổi dậy chống dân kia, nước này chống nước nọ. (11) Sẽ có những trận động đất lớn, và nhiều nơi sẽ có ôn dịch và đói kém. Sẽ có những hiện tượng kinh khủng và điềm lạ lớn lao từ trời xuất hiện”. (12) Nhưng trước khi tất cả các sự ấy xảy ra, thì người ta sẽ tra tay bắt và ngược đãi anh em, nộp cho các hội đường và nhà tù, và điệu đến trước mặt vua chúa quan quyền vì danh Thầy. (13) Đó sẽ là cơ hội để anh em làm chứng cho Thầy. (14) Vậy anh em hãy ghi lòng tạc dạ điều này, là anh em đừng lo nghĩ phải bào chữa cách nào. (15) Vì chính Thầy sẽ cho anh em ăn nói thật khôn ngoan, khiến tất cả địch thủ của anh em không tài nào chống chọi hay cãi lại được”. (16) Anh em sẽ bị chính cha mẹ, anh chị em, bà con và bạn hữu bắt nộp. Họ sẽ giết một số người trong anh em. (17) Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét. (18) Nhưng dù một sợi tóc trên đầu anh em cũng không bị mất đâu. (19) Có kiên trì, anh em mới giữ được mạng sống mình.

2. Ý CHÍNH: Bài Tin mừng hôm nay mở đầu "diễn từ chung luận" (x. Lc 21,5-36). Trọng tâm của bài Tin Mừng hôm nay là Đức Giê-su loan báo việc đền thờ Giê-ru-sa-lem sẽ bị phá hủy và liên kết với việc tàn phá đền thờ, Đức Giê-su đề cập đến ngày tận thế. Trong khi chờ đợi “Ngày của Chúa” tức là ngày Chúa đến lần thứ hai, các tín hữu sẽ phải trải qua nhiều gian nan thử thách, phải qua một thời kỳ bị bách hại. Nhưng họ đừng sợ, hãy cứ kiên trì vì sự bách hại sẽ là một cơ hội để họ làm chứng cho Tin Mừng. Chính Chúa sẽ giúp họ chiến thắng với điều kiện họ phải luôn kiên trì giữ vững đức tin và trung thành với Chúa cho đến cùng.

3. CHÚ THÍCH:

- **C 5-7: + Có mấy người nói về Đền thờ được trang hoàng những viên đá đẹp và những đồ dâng cúng:** Đền thờ nói đây đã được vua Hê-rô-đê Cả trùng tu vào năm 19 trước Công nguyên và bốn mươi sáu năm sau mới hoàn thành (x. Ga 2,20). Vì Đền thờ vừa được xây xong nên rất đẹp. + **“Những gì anh em đang chiêm ngưỡng đó, sẽ có ngày bị tàn phá hết, không còn tảng đá nào trên tảng đá nào”:** Nhiều ngôn sứ đã tiên báo Đền thờ thứ nhất sẽ bị tàn phá (x. Mk, Gr, Ed), tượng trưng cho Giao ước sẽ bị phá hủy, vì dân Do thái đã bất trung với Giao ước ấy. Hôm nay Đức Giê-su lại tiên báo Đền thờ mới này cũng sẽ trở nên hoang tàn vì tội của dân Ít-ra-en đã từ chối Đấng Thiên Sai. Lời tuyên bố này về sau sẽ trở thành lý do khiến Đức Giê-su bị kết án (x. Mt 26,61). Tuy nhiên lời tiên báo này đã được ứng nghiệm vào năm 70 sau Công Nguyên, khi Đền thờ bị quân Rôma đốt cháy và đã sụp đổ thành bình địa. + **“Vậy bao giờ các sự việc đó sẽ xảy ra, và khi sắp xảy ra, thì có điềm gì báo trước?”:** Nghe Đức Giê-su tiên báo về sự sụp đổ của Đền Thờ, mọi người đều sợ hãi. Họ muốn biết đích xác ngày giờ xảy ra cùng những điềm báo trước để chuẩn bị.

- **C 8-9: + Đức Giê-su đáp: Anh em hãy coi chừng...:** Đức Giê-su không trả lời trực tiếp câu hỏi về thời gian và dấu chỉ tiên báo Đền Thờ sắp bị phá hủy, nhưng dựa vào đó Người mặc khải về ngày tận thế sẽ xảy ra giống như vậy. + **Khi anh em nghe có chiến tranh loạn lạc thì đừng sợ hãi, vì những việc đó xảy ra trước, nhưng chưa phải là chung cục ngay đâu:** Đức Giê-su cảnh giác các môn đệ là đừng tưởng chiến tranh loạn lạc là dấu chỉ của ngày tận thế. Những điều đó sẽ xảy ra, nhưng chưa phải là dấu tiên báo ngày tận thế đã đến.

- **C 10-11: + Dân này sẽ nổi dậy chống dân kia...:** Chiến tranh và những thiên tai như động đất, ôn dịch, đói kém, cùng những điềm lạ trên trời cũng không phải là những dấu chỉ của ngày tận thế, vì nó luôn xảy ra và hầu như thời nào cũng có. Nó chỉ cho thấy vũ trụ này sẽ không tồn tại mãi mãi.

- **C 12-15: + Người ta sẽ tra tay bắt và ngược đãi anh em....:** Đức Giê-su tiên báo về một thời kỳ lịch sử, trong đó các môn đệ phải chu toàn sứ mệnh làm chứng cho Người giữa những cơn bách hại. Nhưng như Đức Ki-tô phải chịu khổ hình rồi mới vào vinh quang (x. Lc 24,26), thì các môn đệ cũng phải trải qua thử thách giống như Thầy mình. + **Nộp cho các hội đường và nhà tù:** Tại mỗi hội đường địa phương đều có nơi dành riêng cho việc xét xử và phạt tù các tội nhân vi phạm các tội thông thường về tôn giáo. Còn các tội nghiêm trọng sẽ được xét xử trước Thượng Hội Đồng tại thủ đô Giê-ru-sa-lem. + **Đó sẽ là cơ hội để anh em làm chứng cho Thầy:** Trong Tin mừng Lu-ca, việc làm chứng cho Đức Giê-su là sứ mệnh của Nhóm Mười Hai (x. Lc 24,48) và của Phao-lô (x. Cv 22,15). Làm chứng là công bố Đức Giê-su đã chết, đã sống

lại và được đặt làm “Chúa”. Sau này *làm chứng* còn có nghĩa là tử vì đạo. + **Vì chính Thầy sẽ cho anh em ăn nói thật khôn ngoan:** Đức Giê-su hứa chính Người sẽ trợ giúp các chứng nhân của Người (x. Ga 14,21), và sẽ sai Thánh Thần đến giúp đỡ các ông (Lc 12,11-12).

- **C 16-19: + Anh em sẽ bị chính cha mẹ, anh chị em... bắt nộp:** Sự thử thách của các tín hữu xảy ra từ gia đình, nơi được coi là an toàn nhất. + **Họ sẽ giết một số người trong anh em:** Một số tín hữu sẽ bị giết, một số khác sẽ bị bắt bớ (x. Lc 11,49). + **Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét:** Kiểu nói bị mọi người thù ghét không có ý nói theo nghĩa tuyệt đối là hết mọi người, nhưng chỉ muốn nói là: Những kẻ chối bỏ Thiên Chúa sẽ thù ghét các môn đệ Đức Giê-su. + **Nhưng dù một sợi tóc trên đầu anh em cũng không bị mất đâu:** Đây là lời động viên các tín hữu hãy can đảm và tin thác mọi sự trong tay Chúa quan phòng. + **Có kiên trì, anh em mới giữ được mạng sống mình:** Trong bất cứ cơn thử thách nào, nếu biết kiên trì, trung thành với đức tin thì chắc chắn các tín hữu sẽ được vào Nước Thiên Chúa (x. Cv 14,22).

4. CÂU HỎI: 1) Như các ngôn sứ xưa, Đức Giê-su đã tiên báo thế nào về số phận của Đền thờ Giê-ru-sa-lem ? Tai họa của Đền thờ tượng trưng cho điều gì sau này ? 2) Theo Đức Giê-su thì chiến tranh loạn lạc và các điềm lạ cả thể trên trời có phải là dấu hiệu của ngày tận thế đã đến hay chưa ? 3) Đức Giê-su tiên báo về số phận của các tín hữu sẽ như thế nào ? 4) Người dạy họ phải có thái độ ra sao khi bị bách hại?

II. SỐNG LỜI CHÚA

1. LỜI CHÚA: “Có kiên trì, anh em mới giữ được mạng sống mình” (Lc 21,19).

2. CÂU CHUYỆN:

1) MỌI SỰ XẢY RA ĐỀU HỮU ÍCH CHO PHẦN RỜI CỦA TÔI:

Một người kia có đức tin mạnh vào sự quan phòng của Thiên Chúa. Trong bất cứ hoàn cảnh nào dù may hay rủi, anh ta cũng đều cầu nguyện: “Lạy Chúa, con tạ ơn Chúa về điều Chúa mới để xảy ra cho con, vì con tin rằng điều đó hữu ích cho phần rời đời đời của con”. Một hôm, anh ta mua vé tàu sang nước Anh. Sáng hôm ấy vì thức dậy trễ, nên anh vội leo lên tắc-xi yêu cầu tài xế lái thật nhanh đến bến tàu cho kịp giờ tàu chạy. Nhưng khi xe chở anh tới bến cảng thì cũng là lúc con tàu bắt đầu nhổ neo khởi hành. Anh vội chạy ra bến và hét gọi thật to, vẫy tay ra hiệu cho con tàu dừng lại. Nhưng dường như thuyền trưởng không nhìn thấy anh ta và con tàu vẫn từ từ rời khỏi bến cảng ra khơi. Trong lúc chạy theo con tàu, chẳng may anh vấp chân vào một mấu sắt trời lên ở cầu tàu và bị té ngã. Chiếc va-li nặng đang cầm trên tay đè lên làm gãy một chân của anh. Mọi người đổ xô đến giúp đỡ và chở anh đến bệnh viện gần nhất cấp cứu. Sau khi hồi tỉnh và được các phóng viên hỏi cảm tưởng khi bị trễ tàu và bị gãy chân, thì anh đã trả lời rằng: “Tôi cảm tạ Chúa vì Người đã ban cho tôi bị trễ chuyến tàu này”. Họ lại hỏi: “Bị trễ tàu và gãy chân như thế mà là ơn lành của Thiên Chúa sao?” Anh ta trả lời: “Tôi không biết lý do tại sao, nhưng tôi tin rằng Chúa quan phòng biết rõ điều đó có ích cho tôi. Đối với tôi như thế đã là đủ lắm rồi”.

Quả thật, chỉ mấy ngày sau, báo chí đã đồng loạt đăng lên trang nhất tin một con tàu rời bến cảng vào đúng buổi sáng ngày anh bị trễ tàu, và sau đó đã đụng phải đá ngầm ở ngoài khơi và bị chìm khiến tất cả hành khách trên con tàu ấy đều bị chết chìm ! Bấy giờ anh chàng bị què chân kia lại càng thêm xác tín rằng: chính Chúa quan phòng đã thương gìn giữ anh tránh được một cái chết thê thảm, bằng cách để anh bị trễ tàu và còn để anh bị té gãy chân nữa. Qua câu chuyện trên, chúng ta cũng có thể rút ra bài học này là: Thiên Chúa có thể rút từ sự dữ ra sự lành cho những ai biết cậy trông phó thác trong tình thương quan phòng của Ngài.

2) NHẬT KÝ ANNE FRANK:

Anne Frank là một cô bé người Do Thái đã bị bọn Đức Quốc Xã bắt giam vào trong trại tập trung người Do thái. Tại đây cô đã chứng kiến bao cảnh đau khổ, đã thấy có nhiều người vì quá khổ mà đã đánh mất nhân phẩm, mất lý tưởng, mất cả đức tin của mình. Chính cô cũng gặp nhiều đau khổ và có lần đã tự hỏi: “Có Thiên Chúa không? Có công lý không?” Nhưng sau những lúc giao động ấy, cô vẫn giữ vững được đức tin của mình: Cô tin rằng dù con người có

những hành vi gian ác như thế nào chẳng nữa thì trong lòng họ vẫn là người tốt; Dù hiện tại có xấu xa đến đâu đi nữa nhưng cuối cùng sự thiện cũng sẽ chiến thắng sự ác; Dù hiện nay xem ra Thiên Chúa vắng mặt, nhưng chính Thiên Chúa sẽ có tiếng nói cuối cùng. Những suy tư ấy đã được cô ghi lại trong nhật ký hằng ngày. Sau chiến tranh thế giới thứ II, quyển “Nhật ký Anne Frank” đã được xuất bản, được dịch ra nhiều thứ tiếng, và nổi tiếng khắp thế giới.

Trong Tin Mừng Chúa Giê-su đã nói với các môn đệ: “Anh em đừng sợ hãi”. “Đừng sợ” không có nghĩa là không có cảm giác sợ, mà là không để cho cảm giác ấy đè bẹp mình, nhưng phải làm chủ cảm giác ấy và chiến thắng nó như có người đã nói: “Anh hùng không phải là người không biết sợ mà là người chiến thắng được nỗi sợ” (Solzhenitsyn)

3) TA PHẢI LÀM GÌ ĐỂ CHUẨN BỊ CHO NGÀY TẬN THẾ ?

JULIANÔ là một vị hoàng đế Rôma, lên làm vua vào năm 360. Ông là người rất ghét đạo công giáo, nên đã ra lệnh cấm đạo. Ông biến nhà thờ thành chùa miếu. Cấm việc rao giảng Tin Mừng và giết các tín hữu. Ông muốn làm cho lời tiên báo của Chúa Giê-su về đền thờ Giê-ru-sa-lem không đúng sự thật. Trong Phúc Âm Chúa Giêsu đã bảo: Sẽ tới một ngày Đền Thờ không còn hòn đá nào chồng trên hòn đá nào. Mặc dù điều này đã xảy ra vào năm 70 khi tướng Ti-tus đem quân vây hãm Giê-ru-sa-lem. Thế nhưng hoàng đế Ju-li-a-nô vẫn ra lệnh xây dựng một đền thờ mới để dâng kính các thần minh ngay trên nền của đền thờ Giê-ru-sa-lem. Theo các sử gia thì khi đào bới để đặt nền móng cho ngôi đền thờ mới này, những người thợ đã kinh hoàng và sợ hãi vì một sức nóng bốc lên từ lòng đất khiến họ không thể tiếp tục công việc.

Vậy chúng ta phải làm gì để chuẩn bị không phải chỉ cho ngày tận thế chung, nhưng còn cho ngày tận thế riêng là giờ chết của mỗi chúng ta, khi đó ta sẽ gặp gỡ Chúa.

3. SUY NIỆM:

Tin mừng Chúa Nhật hôm nay ghi lại lời Đức Giê-su tiên báo về sự hủy diệt Đền thờ Giê-ru-sa-lem. Đây cũng là dịp để chúng ta suy nghĩ về giờ chết của mỗi người chúng ta và về ngày tận thế chung của toàn thể nhân loại. Đồng thời chúng ta biết nên làm gì để chuẩn bị cho ngày ấy.

1) TIÊN BÁO VỀ ĐỀN THỜ BỊ PHÁ HỦY VÀ NHỮNG ĐIỀM BÁO TRƯỚC:

Tin mừng Lu-ca ghi lại lời Đức Giê-su tiên báo về sự hủy diệt của Đền thờ Giê-ru-sa-lem như sau: “Những gì anh em đang chiêm ngưỡng đó sẽ có ngày bị tàn phá hết, không còn tảng đá nào trên tảng đá nào” (Lc 21,6).

Nghe Đức Giê-su tiên báo về sự sụp đổ của Đền Thờ như vậy, mọi người đều kinh hãi và muốn biết rõ hơn về thời gian và dấu chỉ báo trước cho biến cố ấy. Đức Giê-su đã cho biết một số điềm báo về ngày này, ám chỉ ngày tận thế của nhân loại, khi Người sẽ tái lâm trong vinh quang để phán xét chung như sau:

-Sẽ có nhiều người sẽ mạo danh Người đến nói rằng: “Chính Ta đây, và thời kỳ đã đến gần”.

-Sẽ có chiến tranh loạn lạc: Dân này sẽ nổi dậy chống dân kia, nước này chống nước nọ.

-Sẽ có những trận động đất lớn, và nhiều nơi sẽ có ôn dịch và đói kém.

-Sẽ có những hiện tượng kinh khủng và điềm lạ lớn lao từ trời xuất hiện.

-Nhưng trước khi các sự ấy xảy ra, các tín hữu sẽ trải qua thời kỳ bị bắt bớ ngược đãi, bị nộp cho các hội đường và nhà tù, bị điệu đến trước mặt vua chúa quan quyền vì danh Đức Giê-su.

2) PHẢI ỨNG PHÓ THẾ NÀO ?:

-Hãy kiên trì và đừng nản chí: Đức Giê-su đã khích lệ các môn đệ như sau: “Có kiên trì, anh em mới giữ được mạng sống mình” (Lc 21,19). Kiên trì là dù gặp phải những gian truân thử thách, họ cũng không được chùn bước, không nản chí bỏ cuộc, nhưng phải luôn kiên trì giữ vững đức tin và quyết tâm đi theo con đường của Đức Giê-su là: “Qua đau khổ vào trong vinh quang” (x. Lc 18,32). Cụ thể là “Từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo” (Lc 9,23).

-Làm chứng cho Chúa bằng lòng tin thác cậy trông:

Đối với Đức Giê-su, bách hại và thử thách không đáng sợ, nhưng là cơ hội để các môn đệ "làm chứng" cho Chúa, dù phải chịu thử thách đau khổ kể cả sự chết, như thánh Phao-lô đã quả quyết như sau: "Tôi tin chắc rằng: Cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, chiều cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta" (Rm 8,38-39).

Đây cũng là thời gian thuận tiện để các tín hữu chúng ta làm chứng đức tin về sự hiện hữu của một thế giới mới đầy ánh sáng và tình thương, trong đó mọi người đều tin thờ một Thiên Chúa là Cha và đối xử với nhau như anh chị em trong đại gia đình của Thiên Chúa. Thế giới ấy bắt đầu từ Hội Thánh hôm nay và sẽ biến thành "Trời Mới Đất Mới" là thiên đàng mai sau (x. Kh 21,1-4).

3) CHUẨN BỊ THẾ NÀO CHO GIỜ CHẾT VÀ NGÀY TẬN THẾ:

- **Đừng sợ hãi lo lắng trước cái chết:** Đức Giê-su dạy các môn đệ "Đừng sợ !" không có nghĩa không được sợ, nhưng phải biết làm chủ cảm giác sợ ấy và chiến thắng nó như Đức Giê-su trong vườn Cây Dầu: tuy lo sợ đổ mồ hôi máu khi đối diện với cái chết đang tới gần (x. Lc 22,44), nhưng Người đã can đảm thưa với Chúa Cha: "Đừng theo ý con mà xin vâng ý Cha" (Mt 26,38-39).

- **Chu toàn việc bổn phận:** Thời thánh Phao-lô có nhiều tín hữu ở Thê-sa-lô-ni-ca tưởng làm ngày tận thế đã đến gần, nên bỏ bê công việc làm ăn rồi chỉ biết ăn bám vào người khác. Ngài đã cảnh cáo họ như sau: "Khi còn ở với anh em, chúng tôi đã chỉ thị cho anh em: Ai không chịu làm thì cũng đừng ăn! Thế mà chúng tôi nghe nói: trong anh em có một số người sống vô kỷ luật, chẳng làm việc gì, mà việc gì cũng xen vào. Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, chúng tôi truyền dạy và khuyên nhủ những người ấy hãy ở yên mà làm việc, để có của nuôi thân" (2 Ts 3,10-13). Cũng vậy, trong khi chờ đợi giờ Chúa đến, mỗi người chúng ta cần phải chu toàn các việc bổn phận của mình. Phải luôn kiên trì giữ vững đức tin dù gặp phải bất cứ khó khăn ngược đãi nào để được hưởng ơn cứu độ như lời Chúa: "Có kiên trì, anh em mới giữ được mạng sống mình" (Lc 21,19).

- **Dọn mình chết lành:** Hiện nay có nhiều người sống như không bao giờ phải chết. Họ không biết mình sống để làm gì và không biết chết rồi sẽ ra sao ? Do đó, họ chỉ lo hưởng thụ các đam mê lạc thú bất chính và không làm gì để chuẩn bị cho đời sau. Còn các tín hữu hôm nay cần ý thức về ngày giờ chết của mình để chuẩn bị chết lành, bằng việc thực hiện những việc như sau: Thanh toán nợ nần sông phẳng, hồi tâm sám hối mỗi tội và năng lãnh bí tích Hòa giải, dọn mình dự lễ rước lễ mỗi ngày. Thực hành các việc bác ái cụ thể như kinh "Thương Người có mười bốn mối" và "Kinh Hòa Bình" (của thánh Phan-xi-cô) đề ra. Ngoài ra còn phải chu toàn công việc bổn phận như: học tập, nội trợ, lao động trí óc chân tay... Làm được như vậy thì khi giờ chết đến gần, chúng ta sẽ không cảm thấy bồn chồn lo lắng, nhưng sẽ vui mừng chờ đón Chúa đến trong niềm tin tưởng cậy trông sẽ được Người thương đón nhận vào hưởng hạnh phúc Nước Trời đời sau.

4. THẢO LUẬN: 1) Câu chuyện bị trể tàu và thoát chết cho thấy đức tin của nhân vật chính thế nào ? 2) Đã bao giờ bạn gặp hoàn cảnh "rủi biến thành may" như anh chàng này chưa ? 3) Bạn quyết tâm làm gì để chuẩn bị giờ chết bất ngờ có thể đến với bạn ?

5. NGUYỆN CẦU

LẠY CHÚA GIÊ-SU. Chính tiền tài, danh vọng, quyền lực và những đam mê lạc thú bất chính làm cho tâm hồn chúng con luôn cảm thấy bất an. Xin cho chúng con biết sáng suốt xác định cùng đích đời mình là Nước Trời đời sau. Xin cho chúng con biết luôn chu toàn các việc bổn phận và sẵn sàng đón Chúa đến bất cứ lúc nào trong giờ chết để xứng đáng nhận được ơn cứu độ của Chúa.

X) HIỆP CÙNG MẸ MA-RI-A.- Đ) XIN CHÚA NHẬM LỜI CHÚNG CON

LM ĐAN VINH - HHTM

NHÂN THÁNG GIÁO HỘI DÀNH CẦU CHO CÁC LINH HỒN, CẦN BIẾT LUYỆN NGỤC VÀ HỎA NGỤC LÀ GÌ, Ở ĐẦU VÀ DÀNH CHO AI?

Nhân tháng cầu cho các linh hồn (tháng 11 DL) xin cha giải thích 3 thắc mắc sau đây:

1. Hỏa ngục là gì và dành cho ai ?
2. Luyện ngục là gì và khác với hỏa ngục như thế nào ?
3. Tín điều các Thánh thông công là gì ?

Trả lời :

1. Hỏa ngục là gì và dành cho ai ?

Tôi đã nhiều lần nói rõ : Thiên Chúa, CHA chúng ta ở trên trời, là tình thương, Người chậm bất bình và hay tha thứ. Người tạo dựng con người chỉ vì yêu thương vô vị lợi và “ **muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý.**” (1 Tm 2 : 4). Nghĩa là Chúa mong muốn cho mọi người được vui hưởng hạnh phúc vĩnh cửu với Người trên Thiên Đàng, là nơi không còn đau khổ , bệnh tật, nghèo đói, bóc lột, bất công , gian ác, kỳ thị , khủng bố , chiến tranh, động đất, bão lụt và chết chóc nữa.

Hạnh phúc Thiên Đàng là hạnh phúc mà “ **mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe lòng người chưa hề nghĩ tới, đó lại là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai yêu mến Người.**” (1 Cor 2: 9) Như Thánh Phaolô đã dạy.

Nhưng muốn hưởng hạnh phúc Thiên Đàng thì phải yêu mến Chúa và tuân giữ các giới răn của Người.

Tại sao ? tại vì Thiên Chúa là “ **tình thương**” nên “ **ai không yêu thương thì không biết Thiên Chúa**” (1 Ga 4 : 8)

Hơn thế nữa, quan trọng không kém là phải cậy nhờ công nghiệp cứu chuộc cực trọng của Chúa Kitô , Đấng đã quên mình là Thiên Chúa, đồng bản thể với Chúa CHA và Chúa Thánh Thần để xuống trần gian làm CON NGƯỜI và hy sinh mạng sống mình “ **làm giá chuộc cho muôn người.**” (Mt 20:28)

Biết Thiên Chúa là tình thương , mà quả thật Người là tình thương, thì lẽ tự nhiên ta phải yêu mến Người với tất cả tâm trí và nghị lực để đáp trả phần nào tình thương quá lạ lùng của THIÊN CHÚA dành cho mọi người chúng ta. Và Lại, yêu mến Chúa thì chỉ có lợi cho ta chứ Chúa không được lợi lộc gì vì Người đã quá đủ hạnh phúc , vinh quang và giàu sang phú quý rồi , nên không cần ai thêm gì cho Người nữa.

Tuy nhiên, vì Thiên Chúa tạo dựng con người với hai đặc tính độc đáo là có **lý trí** (Intelligence) và **ý muốn tự do** (free will) và Thiên Chúa đã ban tặng và hoàn toàn tôn trọng cho con người sử dụng hai khả năng đó. Vì thế vấn đề thưởng phạt chỉ được đặt ra cho riêng con người mà thôi. Nghĩa là nếu con người , qua lý trí, nhận biết có Thiên Chúa là CHA trọn tốt trọn lành, là Đấng tạo thành trời đất và muôn loài muôn vật – trong đó có con người- thì con người phải sử dụng ý muốn tự do của mình để chọn yêu mến Chúa và sống theo đường lối của Người để được cứu rỗi và vui hưởng hạnh phúc Nước Trời với Chúa trên cõi vĩnh hằng.

Nhưng con người phải tỏ thiện chí muốn yêu mến Chúa bằng hành động cụ thể để chứng minh, chứ không thể nói suông ngoài môi miệng được, như Chúa Giê su đã nói rõ với các môn đệ xưa là:

“ Không phải bất cứ ai thưa với Thầy : Lạy Chúa !, Lạy Chúa ! là được vào Nước Trời cả đâu, nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời mới được vào mà thôi.” (Mt 7 : 21)

Nhưng thế nào là thi hành ý muốn của Chúa Cha ,Đấng ngự trên Trời?

Chúa Giêsu đã chỉ cho ta cách thi hành ý muốn của Chúa Cha như sau :.

“ ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy

Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy

Cha của Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy.” (Ga 14: 23)

Giữ lời Thầy có nghĩa là thực thi những gì Chúa đã rao giảng và dạy bảo , cụ thể là hai Điều Răn quan trọng nhất, đó là mến Chúa và yêu người, như Chúa đã nói với một luật sĩ Do Thái xưa. (Mt 22: 37-39)

Như vậy , thực thi hai Điều Răn đó là cách chứng minh cụ thể lòng ta yêu mến Chúa để xứng đáng được **“ Cha Thầy và Thầy đến ở ”** với ta như Chúa Giêsu nói trên đây.

Là con người , ai lại không muốn hạnh phúc, sung sướng và bình an ? nên yêu mến Chúa là yêu mến chính nguồn hạnh phúc, an vui vĩnh cửu đó.Như thế, chỉ có lợi cho con người khi chọn yêu mến Chúa, chứ tuyệt đối không có lợi lộc gì cho Chúa hết. Chúng ta phải xác tín điều này, để đừng ai nghĩ rằng Thiên Chúa được lợi lộc gì khi ta yêu mến và tuân giữ các giới răn của Người. .

Đó là điều chắc chắn ta phải tin khi thi hành các Điều Răn của Chúa để không giết người, trộm cắp, gian dâm, thông dâm, mãi dâm, ấu dâm, phá thai, ly dị, thù oán người khác, kỳ thị chủng tộc, nói xấu , vu cáo làm hại danh dự và đời tư của người khác, bắt công , bóc lột người làm công cho mình, và dừng dừng trước sự đau khổ, nghèo đói của anh chị em đồng loại,- và nhất là- , buôn bán phụ nữ và trẻ gái cho kỹ nghệ mãi dâm và ấu dâm rất khốn nạn và tội lỗi, như thực trạng của thế giới tục hóa vô luân vô đạo hiện nay.

Nếu ta tuân giữ các Điều Răn của Chúa để không làm những sự dữ hay tội lỗi nói trên, thì chúng ta đã yêu mến Chúa cách cụ thể để được **“ ở lại trong tình thương của Người”** như Chúa Giêsu đã dạy trên đây. Ngược lại, nếu ai dùng “ ý muốn tự do= **free will** để làm những sự dữ nói trên thì đã tự ý và công khai khước từ Thiên Chúa và tình thương của Người. Như thế họ phải lãnh chịu mọi hậu quả của việc mình làm vì tự do chọn lựa này.

Chính vì con người có tự do để chọn lựa , hoặc sống theo đường lối của Chúa để được chúc phúc; hay khước từ Chúa để sống theo ý riêng mình và chạy theo những lôi cuốn của thế gian tội lỗi , nhất là những cám dỗ của ma quỷ để tôn thờ tiền bạc, của cải vật chất và mọi thú vui vô luân vô đạo, như thực trạng sống của biết bao con người ở khắp nơi trong thế gian tục hóa ngày nay.Nếu ai chọn sống như vậy, thì cũng đã tự ý chọn nơi cư ngụ cuối cùng cho mình, sau khi phải chết trong thân xác có ngày phải chết đi này.Thiên Chúa yêu thương con người và đã cứu chuộc con người nhờ Chúa Kitô. Nhưng Thiên Chúa cũng ghét mọi tội lỗi, vì tội lỗi và sự dữ đi ngược lại hoàn toàn với bản chất yêu thương, công bình và thánh thiện của Người. .

Nhưng cho dù Thiên Chúa quá yêu thương con người như vậy, mà con người không cộng tác với ơn cứu chuộc của Chúa Kitô, bằng quyết tâm sống theo đường lối của Chúa và xa tránh mọi sự dữ và tội lỗi thì Chúa vẫn không thể cứu ai được. Lý do là Chúa Kitô đã chết thay để cứu chuộc con người, nhưng Chúa không tiêu diệt hết mọi tội lỗi xuất phát từ bản tính yếu

đuổi của con người, từ thế gian với đầy rẫy gương xấu và dịp tội, nhất là từ ma quỷ, kẻ thù của mọi người chúng ta, luôn cám dỗ với muôn vàn chiến lược tinh quái; Thêm vào đó là vì con người còn có tự do để cộng tác với ơn cứu chuộc của Chúa, hay khước từ ơn cứu chuộc này để sống theo thế gian, theo những đòi hỏi bất chính của bản năng và đầu hàng ma quỷ để làm những sự dữ sự tội.

Như vậy, nếu **Thiên Đàng** là nơi dành cho những ai thực tâm yêu mến Chúa, tuân giữ các giới răn của Người và quyết tâm xa tránh mọi tội lỗi, thì **hỏa ngục** phải là nơi dành cho những ai đã cố ý khước từ Chúa và tình thương của Người để sống theo ma quỷ và làm những sự dữ nói trên, như thực tế đang diễn ra ở khắp nơi trên thế giới trống vắng niềm tin này. Như thế, phải có hỏa ngục dành cho những kẻ gian ác đã tự ý chọn cho mình nơi ở vĩnh viễn xa lìa Thiên Chúa ngay từ ở đời này. Nghĩa là họ đã tự ý chọn hỏa ngục vì cách sống của họ, chứ không phải tại Thiên Chúa muốn phạt ai ở chốn này, vì Người là Cha đầy yêu thương và “**không muốn cho ai phải diệt vong, nhưng muốn cho mọi người đi tới chỗ ăn năn hối cải.**” (2 Pr 3 : 9).

2. Sự khác biệt giữa hỏa ngục và Luyện tội :

Chúa Giê su thường nói đến hỏa ngục là nơi lửa không bao giờ tắt (Mt 5: 22).

Thánh Gioan Tông Đồ đã coi những kẻ sát nhân là những kẻ không có sự sống đời đời, tức là phải xa lìa Thiên Chúa trong nơi gọi là hỏa ngục:

“ Phàm ai ghét anh em mình, thì là kẻ sát nhân

Và anh em biết:

Không kẻ sát nhân nào có sự sống đời đời ở lại trong nó” (1 Ga: 15)

Nhưng cần phân biệt điều này: con người dù tội lỗi đến đâu, mà biết sám hối ăn năn thì vẫn được Chúa thương tha thứ. Cụ thể là Chúa Giêsu đã tha thứ cho người gian phi (kẻ trộm lành) cùng chịu đóng đinh với Chúa. Anh đã nhận biết tội mình và xin Chúa tha thứ. Chúa đã tha thứ và nói với anh như sau:

“ Tôi bảo thật anh, hôm nay anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.” (Lc 23: 39-43) .

Ngược lại, chỉ những ai tội lỗi mà không hề sám hối để xin Chúa tha thứ, đặc biệt là tội phạm đến Chúa Thánh Thần, tức tội hoàn toàn từ chối lòng thương xót của Chúa cho đến chết, thì sẽ không bao giờ được tha thứ, như Chúa Giê su đã nói rõ trong Tin Mừng Thánh Marcô.(Mc 3: 29)

Lại nữa, những ai chết đang khi mắc tội trọng (mortal sin) thì cũng phải chịu hình phạt hỏa ngục, căn cứ theo giáo lý của Giáo Hội. (X SGLGHC, số 1035) . Tuy nhiên, cần nói lại là Thiên Chúa không tiền định cho ai phải xuống hỏa ngục, hoặc muốn phạt ai trong nơi “**lửa không hề tắt**” này. Nhưng vì con người có tự do trong đời sống thiêng liêng, nên nếu ai dùng tự do này để xa lìa Chúa, để tự do làm những sự dữ mà không hề biết ăn năn từ bỏ để xin Chúa thứ tha thì đã tự ý chọn hỏa ngục làm nơi cư ngụ cuối cùng cho mình.

Trái với hỏa ngục, Luyện ngục hay Luyện tội (Purgatory) là nơi các linh hồn thánh (holy souls) đang được thanh luyện để đạt được mức thánh thiện cần thiết trước khi vào Thiên Đàng vui hưởng Thánh Nhan Chúa là nguồn vui hạnh phúc của các thánh và các thiên thần. Các linh hồn đang “ tạm trú” ở Luyện tội là những người đã ra đi trong ơn nghĩa Chúa, tức là được bảo đảm về ơn cứu độ, nhưng vẫn cần được thanh luyện để đạt mức thánh thiện cần xứng trước khi gia nhập hàng ngũ các Thánh trên Thiên Quốc. Các linh hồn thánh này không thể làm thêm việc thiện, và cũng không thể phạm tội được nữa vì thời giờ đã mãn cho họ trên trần gian này. Vì thế, trong khi còn được thanh luyện ở nơi đây, các linh hồn mong đợi các Thánh trên Thiên Đàng và các tín hữu còn sống trên trần gian cứu giúp họ bằng lời cầu nguyện và các việc lành. Ngược lại, các linh hồn cũng có thể cầu xin đặc lực cho các tín hữu còn sống

trên trần thế, trong Giáo Hội lữ hành. Nhưng các Thánh trên Trời, các linh hồn thánh trong Luyện ngục và các tín hữu còn sống trên trần gian, không thể giúp gì cho các linh hồn đã lìa xa Chúa trong hỏa ngục, vì không có sự hiệp thông nào giữa nơi này với Thiên Đàng, Luyện ngục và Giáo Hội đang lữ hành trên trần thế.

3 – Tín điều các Thánh Thông Công (communion of Saints)

Tín điều này dạy: chỉ có sự hiệp thông giữa Giáo Hội Vinh Thắng (Triumphal Church) trên trời và Giáo Hội Lữ Hành (Pilgrim Church) trên trần thế cùng với Giáo Hội đau khổ (Suffering Church) trong Luyện Tội. Nghĩa là các Thánh trên Trời, các linh hồn thánh trong Luyện tội và các tín hữu còn sống và đang hiệp thông với Giáo Hội, cả ba thành phần này được hiệp thông với nhau trong cùng một niềm tin, tôn thờ Thiên Chúa, nhờ Chúa Kitô và trong Chúa Thánh Thần.

Các Thánh nam nữ trên trời hiệp thông với các linh hồn thánh trong Luyện Tội và các tín hữu trên trần gian bằng lời nguyện giúp cầu thay đấng trước Tòa Chúa cho các linh hồn và các tín hữu còn sống. Các linh hồn trong Luyện tội không thể tự giúp mình được nhưng có thể cầu xin cho các tín hữu còn sống. Các tín hữu còn sống có thể làm việc lành như cầu nguyện, làm việc bác ái và xin lễ cầu cho các linh hồn trong Luyện Tội, cách riêng trong tháng 11 là thánh dành cầu nguyện cho các linh hồn được mau vào Thiên Đàng hưởng Thánh Nhan Chúa.

Đó là nội dung tín điều các Thánh thông Công giữa các Thánh trên Thiên Đàng, các linh hồn thánh trong Luyện Tội và các Tín hữu đang lữ hành trên trần thế.

Như thế, chỉ có những ai đang xa lìa Chúa ở chốn hỏa ngục thì không được thông hiệp với các Thánh trên trời, các Linh hồn trong Luyện tội và các Tín hữu còn sống trên trần gian này. Do đó, không ai có thể làm gì để cứu giúp họ được nữa, vì không có sự hiệp thông nào giữa hỏa ngục với các Thánh trên Thiên Đàng, với các linh hồn thánh nơi Luyện tội và với các tín hữu còn đang sống trên trần thế.

Vậy chúng ta hãy cố gắng sống theo Đường lối của Chúa và cậy nhờ công nghiệp cứu chuộc cực trọng của Chúa Kitô, Đấng đã vui lòng vác thập giá và chết đau thương trên thập giá để đền tội thay cho nhân loại để cho ai cậy nhờ công nghiệp cứu chuộc cực trọng này thì sẽ được cứu rồi mà vào Nước Trời hưởng Thánh Nhan Chúa trên cõi vĩnh hằng cùng với các Thánh, các Thiên Thần, sau khi kết thúc hành trình con người trên trần thế này. Amen.

Ước mong những giải đáp trên thỏa mãn những câu hỏi đặt ra.

Lm. Ngô Tôn Huân, Doctor of Ministry

VỀ MỤC LỤC

THÁNG CÁC LINH HỒN: NHỮNG NGÔI NHÀ

Jos. Hoàng Mạnh Hùng

Ngôi nhà gợi lên trong lòng chúng ta bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu kỉ niệm. Có những ngôi nhà to lớn sang trọng với đầy đủ tiện nghi nhưng những người sống trong đó vẫn cảm thấy cô đơn và thiếu vắng tình thương yêu. Có những ngôi nhà bé nhỏ tuềnh toàng nhưng tình yêu thương chan hòa giữa những người thân đã khiến ngôi nhà trở nên một mái ấm.

Thông thường một đời người từ khi sinh ra đến khi nhắm mắt lìa đời có thể sống trong nhiều ngôi nhà: nhà thừa kế, nhà “tình thương - tình nghĩa”, nhà sở hữu “chính chủ” hay nhà thuê trọ, ở mướn Tất cả đều là bến đỗ bình yên, là vỏ bọc an toàn cho con người. Nhưng vẫn có những người vì hoàn cảnh nào đó không có được một chỗ nương thân hay phải rút ruột từ bỏ ngôi nhà của mình.

39 người tị nạn với cái chết kinh hoàng tại Anh vừa qua đã khiến toàn thế giới phải nao lòng. Họ không những phải từ bỏ cha mẹ, người thân, nhà cửa, ruộng vườn để mong có một cuộc sống tốt đẹp hơn mà còn bị tước mất quyền thuộc về cộng đoàn, quốc gia nơi họ đã “chôn nhau, cắt rốn”.

Chắc hẳn họ rất đau đớn vật vã trong không gian tối đen và lạnh lẽo của chiếc container được ví như “ngôi mộ di động” đang dần dần thiếu đi dưỡng khí của sự sống. Những người khỏe hơn thì ra sức dùng tay trần cào cấu đến tóa máu để hi vọng mở được cánh cửa của sự sống. Những người yếu hơn đã cảm thấy cái chết gần kề nên gởi lời trần trời “*xin lỗi ba mẹ*” trước khi chết “*vì không thờ được*” và vì “*con đường đi nước ngoài không thành*”...

Nhưng cả những người được coi là “vô gia cư” cũng có được ngôi nhà đầu tiên do Thiên Chúa an bài trong lòng mẹ. Tuy nhỏ hẹp, nhưng rất ấm áp và đầy đủ nghĩa tình. Nơi đó mỗi người không phải lo lắng đói no, ấm lạnh. Đó là nơi trú ngụ an toàn nhất, đầy đủ nhất trước khi bước vào những ngôi nhà khác trong cuộc trần gian buồn vui - sướng khổ.

Ai cũng có những kỷ niệm trong kí ức lúc thì đẹp lấp lánh như pha lê, lúc lại long lanh gợn buồn như những giọt nước mắt về ngôi nhà gắn bó suốt cuộc đời mình. Nơi đã từng nghe những tiếng khóc đầu đời, chứng kiến tuổi ấu thơ rồi trưởng thành bước vào đời; nụ cười hạnh phúc của ngày tân hôn hay những giọt nước mắt tiễn đưa người thân lần cuối.

Ngôi nhà là tổ ấm thân thương, nơi không có chỗ cho sự sợ hãi. Nơi mỗi người thật sự thoải mái, không phải bận tâm lo lắng vì mọi căng thẳng, áp lực của cuộc sống. Nơi mỗi người có thể sống thật với chính mình để trao đổi tình cảm chân tình với nhau và cũng là nơi người đi trước chuyển giao kinh nghiệm từng trải và khôn ngoan cho những người đi sau.

Ngôi nhà còn là cung thánh sống động, nơi đó người ta học biết những tương quan mang nghĩa “thánh thiêng”. Đẹp thay khi có những nghi thức nho nhỏ trước bữa ăn, giờ kinh nguyện khi đi ngủ và thức dậy. Chính những thói quen đơn sơ này đã trở thành những dấu ấn mà khi vượt ra khỏi hàng rào nhỏ bé của gia đình, mọi người lại cùng nhau hướng về ngôi nhà chung lớn hơn trong những tiếng chuông reo vui rộn rã.

Đó là Thánh đường giáo xứ, nơi mà khi mới chào đời tôi đã được người thân đưa đến nhận bí tích thanh tẩy. Cũng tại đây tôi đã được vỡ lòng về giáo lý, được nghe những tiếng cầu kinh, tiếng hát cùng tiếng đàn phong cầm trầm bổng; được cùng tham dự Thánh lễ, nhận lãnh các bí tích khai tâm. Nơi những người yêu nhau tìm đến kết giao trước mặt Thiên Chúa, nơi con người chào từ biệt lần cuối trước chuyển lữ hành miền viễn...

Ngôi nhà lớn nhất tuy không có hình tượng rõ rệt nhưng lại bao bọc toàn thể nhân loại chính là hành tinh xanh – trái đất của chúng ta. Đức giáo hoàng Phanxicô trong thông điệp *Laudato si'* đã kêu gọi tất cả và từng người - cá nhân, gia đình, tập thể địa phương, quốc gia và cộng đồng quốc tế - hãy đón nhận vẻ đẹp của “chị đất, mẹ đất” và có trách nhiệm dần thân để “săn sóc ngôi nhà chung”. Ngài muốn gửi đến tất cả mọi người một sứ điệp rõ ràng và đầy hy vọng: “*Nhân loại còn có khả năng cộng tác để xây dựng một ngôi nhà chung*”.

Chung cuộc, ai cũng sẽ phải chọn cho mình một ngôi nhà riêng. Có người chọn vài mét vuông đất tại nghĩa trang để ký gởi thân xác của mình. Có người dùng lửa để hóa thân trở lại

kiếp tro bụi với hũ hài cốt bé nhỏ chỉ chiếm không gian vài chục xen-ti-mét trong nhà hài cốt, hoặc muốn được rải tro than mình hòa vào thiên nhiên trên núi hay dòng sông, biển cả.

Nhưng không ai biết được ngôi nhà cuối cùng đã lựa chọn trước có bảo bọc cho mình mãi mãi được không? “Nhất điền thiên vạn chủ”, nơi này hôm nay đang là nghĩa trang đìu hiu quanh quẽ của người chết nhưng sau nhiều lần qui hoạch lại trở thành phố phường đông vui cho người sống. Hoặc thiên tai có thể quét sạch, san bằng những kiến trúc có kết cấu bền vững nhất hướng chi là những nấm mồ liêu xiêu, bất ổn.

”Sinh ký tử quy – sống gửi thác về”, đời sống người Ki-tô hữu như một hành trình “hướng về nhà” và cái chết là được “về đến nhà”. Ngôi nhà này mới thực sự là ngôi nhà cuối cùng, là đích đến cho con người trong cuộc lữ hành trần thế. *Vâng, chúng ta đang lữ hành đến ngày Sabbat vĩnh cửu, đến Giêrusalem mới, ngôi nhà chung ở trên trời.(Laudato si’)*

Vậy ngay khi còn sống tạm ở cõi vật đổi sao dời này, hãy chuẩn bị cho ngày trở về nhà. Hãy chuẩn bị sẵn cho mình một chỗ trong ngôi nhà vĩnh cửu được xây dựng trên nền móng vững chắc không gì có thể lay chuyển nổi như lời Thánh Phao-lô đã xác tín: *”không ai có thể đặt nền móng nào khác ngoài nền móng đã đặt sẵn là Đức Giê-su Ki-tô.” (1Cr 3,11).*

VỀ MỤC LỤC

Hội thảo Văn hóa: Bốn Trăm Năm Hình Thành Và Phát Triển Chữ Quốc Ngữ Trong Lịch Sử Loạn Báo Tin Mừng Tại Việt Nam

VĂN HÓA – GIÁO DỤC

“BỐN TRĂM NĂM CHỮ QUỐC NGỮ” là chủ đề chương trình hội thảo của Ủy ban Văn hóa trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam tổ chức lúc 8g00 vào hai ngày 25 và 26/10/2019 tại Trung tâm Mục vụ Tổng Giáo phận Sài Gòn.



Cùng hiện diện trong buổi hội thảo có Đức Cha (ĐC) Giuse Nguyễn Chí Linh chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam – ĐC Giuse Đặng Đức Ngân chủ tịch Ủy ban Văn hóa (UBVH), ĐC Phêrô Nguyễn Văn Khảm, ĐC Anphongsô Nguyễn Hữu Long, ĐC Emmanuel Nguyễn Hồng Sơn, ĐC Đaminh Nguyễn Văn Mạnh. Ngoài ra còn có Linh mục (Lm) thư ký UBVH kiêm MC chương trình: Giuse Trịnh Tín Ý, các Linh mục, tu sĩ nam nữ, những đại diện nhóm liên tôn (Cao Đài), ông Đặng Ngọc Lệ - Viện trưởng viện Ngôn Ngữ học, Phó giáo sư Tiến sĩ Phạm Quang Hưng, cô Huỳnh thị Hồng Hạnh - trưởng bộ môn ngôn ngữ Đại học Khoa học Xã Hội và Nhân Văn, và MC Tường Anh.

Phần I

Trong diễn từ khai mạc, ĐC Giuse chủ tịch UBVH đã chia sẻ gọi mở để giới thiệu với các hội thảo viên nhìn lại quá trình hình thành và phát triển chữ quốc ngữ, trong lịch sử loan báo Tin Mừng. Với chiều dài xuyên suốt bốn trăm năm, từ khi người Việt còn phải dùng chữ viết hoàn toàn vay mượn, hoặc được cải tiến với các tên gọi: chữ Hán Việt, chữ Nôm. Chính trong bối cảnh này văn học dân gian truyền khẩu trở nên khả dụng, nhưng cũng gây ra tình trạng tam sao thất bản. May mắn trong giai đoạn lịch sử này, vào thế kỷ 15 xuất hiện các giáo sĩ từ phương Tây đến Việt Nam (VN) giảng đạo, phổ biến giáo lý Công giáo. Các vị thừa sai cùng với các thầy giảng VN lúc đó đã nỗ lực nghiên cứu khai sáng chữ quốc ngữ, dựa trên các mẫu tự và văn phạm của ngôn ngữ Latinh. Cũng từ đó công cuộc truyền giáo bằng tiếng Việt của các thừa sai mỗi ngày một thêm tiến triển.

https://www.youtube.com/watch?time_continue=78&v=VCHVSFsSidw&feature=emb_logo

Qua đó ĐC Giuse cũng mời gọi các hội thảo viên trước tiên dành một chút lắng đọng nhớ về cố ĐC Giuse Vũ Duy Thống, nguyên chủ tịch UBVH đã được Chúa gọi về. Khi còn tại thế, ngài luôn thao thức và tâm huyết cho những buổi hội thảo, trong tâm tình đó ĐC Giuse chủ tịch đã chính thức khai mạc chương trình, và buổi thuyết trình được bắt đầu.

Thuyết Trình 1.

Chủ đề: Ảnh hưởng của văn chương Công giáo trên việc truyền bá đức tin ở VN thế kỷ XVII – XVIII.

Thuyết trình viên: Phó Giáo sư Tiến sĩ Lm Antôn Trần Quốc Anh.

https://www.youtube.com/watch?time_continue=2&v=g8Y2BagszUQ&feature=emb_logo

Lm Antôn đã trình bày về lịch sử loan báo Tin Mừng khởi đi từ sự hình thành chữ quốc ngữ và quá trình phát triển:

- Qua các vị tử đạo tại Á Châu.
- Các thể loại văn chương và các tác phẩm tiêu biểu.
- Sự phát triển của các giáo đoàn. Đàng trong. Đàng ngoài.
- Thành lập Giáo hội địa phương.
- Sự cộng tác và đóng góp của các giáo hữu bản địa.
- Francisco de Pina (1585 -1625)
- Alexandre de Rhodes (1593 – 1660).

Chương trình được nối kết giữa thuyết trình viên và hội thảo viên bằng những câu hỏi xoay quanh chủ đề. Phần văn nghệ đan xen giữa buổi hội thảo là những bài hát dân gian, những ca từ làm khơi dậy lòng yêu quê hương tổ quốc, phát đi từ những trái tim đồng cảm sâu sắc, tạo được một không khí sống động vui tươi cho các thuyết trình viên, hội thảo viên, tham dự viên.

Thuyết Trình 2

Chủ đề: Nhà biên soạn thực sự của Mannuductio Ad Linguam Tunkinensem (Văn phạm Việt ngữ thế kỷ XVII đến XVIII)

Thuyết trình viên: Tiến sĩ Phạm Thị Kiều Ly, ngành Khoa học Ngôn ngữ tại Đại học Sorbonne Nouvelle. Cô trình bày luận án của cô có tựa đề: Biên Soạn Ngữ Pháp Tiếng Việt (1615 – 1919).

Lịch sử chữ quốc ngữ từ 1615 - 1919

https://www.youtube.com/watch?time_continue=2&v=B_0pMZbxvvE&feature=emb_logo

Nhà biên soạn thực sự của Mannuductio Ad Linguam Tunkinensem (Văn phạm Việt ngữ thế kỷ XVII đến XVIII)

https://www.youtube.com/watch?time_continue=1&v=EdIKdeAHUX0&feature=emb_logo

Phần II

Sau khi các hội thảo viên đã dùng bữa trưa (Buffer), chương trình được kết nối lại lúc 13g30. Bài hát “Nổi vòng tay lớn” do các hội thảo viên cùng hát làm bầu khí trở nên sống động vui tươi trước khi bước vào phần thuyết trình.

Thuyết Trình 3

Chủ đề: Văn học Tôn giáo từ năm 1620 đến nay.

Thuyết trình viên: Lm Đa Minh Nguyễn Đức Thông - Tiến sĩ Giáo dục Tôn giáo, dòng Chúa Cứu Thế.

https://www.youtube.com/watch?time_continue=631&v=GwzxkQTemcs&feature=emb_logo

Lm Đa Minh là tác giả dịch thuật của 59 quyển sách các loại, ngài đã trình bày những nét chấm phá của chữ quốc ngữ trong nền văn học VN từ năm 1620 cho đến hiện nay:

- Văn học Công giáo với 4 đặc tính quan trọng.
- Sự mạng của văn thi sĩ Công giáo.
- Chữ quốc ngữ trong văn học Công giáo năm từ năm 1862 đến 1919.

Phần II của buổi hội thảo tạm ngưng lúc 15g00, các hội thảo viên chia tay nhau trong tình thân ái và sẽ gặp lại nhau vào 8g00 ngày hôm sau (26/10/2019), để cùng học hỏi, cùng thao thức ôn lại dòng lịch sử văn hóa người Công giáo VN trải dài qua bốn trăm năm thăng trầm, nhưng vẫn giữ nguyên được bản sắc của dân tộc.

Phần III

Không khí rộn rã vui tươi, hòa trong tiếng hát với nhau bài truyền thống tiếng Việt “Cái nhà là nhà của ta” thay cho lời các hội thảo viên chào đón một ngày mới, và chào đón nhau cùng bước vào ngày hội thảo thứ hai. Hiện diện thêm trong chương trình là Giáo sư Đỗ Trinh Huệ - Trưởng ban Pháp văn Đại học Huế, nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Thanh Băng.

Thuyết trình 4.

Để giới thiệu chương trình, Lm MC Giuse Trịnh Tín Ý đã chia sẻ: Đức tin chưa được hội nhập văn hóa là đức tin chưa được suy nghĩ thấu đáo, như một điểm nhấn cho buổi hội thảo mà thuyết trình viên không chỉ nói về một nền văn hóa chữ quốc ngữ, nhưng sẽ nói về con người, về một thi sĩ và một thi đàn.

Chủ đề: Văn học chữ quốc ngữ thế kỷ XIX – Thánh Philipphê Phan Văn Minh (1815 – 1853), cánh én báo mùa Xuân.

Thuyết trình viên: Lm Phanxicô Xaviê Đào Trung Hiệu, OP. đã trình bày tập thơ mang tên “Penan Thi Tập”, người đứng đầu thi đàn này là thánh Philipphê Phan Văn Minh, sự xuất hiện của thánh nhân trên thi đàn như mùa xuân được báo trước cho văn học chữ quốc ngữ giữa thế kỷ XIX.

https://www.youtube.com/watch?time_continue=4&v=Lp6QlgtVHfY&feature=emb_logo

Những trao đổi, những câu hỏi đáp được đưa ra sau phần thuyết trình làm cho buổi hội thảo thêm sôi nổi.

Tiếp theo chương trình là diễn từ đúc kết của ĐC Giuse chủ tịch UBVH gửi tới các hội thảo viên, các thuyết trình viên, tham dự viên, đã ngồi với nhau, lắng nghe, cảm nhận, bàn thảo và cùng suy tư trong hai ngày vừa qua, về dòng chảy của chữ quốc ngữ trong bốn trăm năm. Ngài cảm ơn bốn thuyết trình viên với sự hiểu biết chuyên sâu, đã giúp cho mọi người hiểu biết chữ quốc ngữ từ thời phôi thai, thời kỳ phát triển, hoàn thiện lần thứ nhất, rồi lần thứ hai, đến khi phổ biến vào năm 1865 cho đến ngày nay. Tin Mừng đưa vào văn học chảy dài suốt dòng lịch sử giáo hội, góp phần vào công cuộc truyền giáo. Văn học là nguồn sống đức tin, có khả năng chuyển tải tới tâm hồn con người, để có thể dẫn tới niềm tin Kitô giáo.

https://www.youtube.com/watch?time_continue=1&v=anuQonkZeyU&feature=emb_logo

Tiếp đó ĐC Giuse chủ tịch cũng chân thành cảm ơn sự hiện diện, cộng tác, đóng góp và phục vụ của tất cả mọi người cho chương trình hội thảo. Ý nghĩa của chương trình cũng là thể hiện sự ghi ơn các vị thừa sai, các bậc tiền nhân của dân tộc VN đã nghiên cứu để hình thành, phát triển và phổ biến chữ quốc ngữ từ khởi đầu và tiếp tục đến ngày nay.

Trước khi kết thúc chương trình, ĐC Giuse chủ tịch đã công bố “Văn kiện hướng dẫn việc kính nhớ tổ tiên” của Ủy ban Văn hóa được Hội đồng Giám mục Việt Nam trong Kỳ họp XIV vừa qua (10/2019) chấp thuận áp dụng thử nghiệm trong 3 năm, bắt đầu từ ngày 04/10/2019.

https://www.youtube.com/watch?time_continue=1&v=p_E4mX94b18&feature=emb_logo

Cuối chương trình ĐC Giuse chủ tịch đã tặng quà lưu niệm cho các hội thảo viên, phần quà mỗi người được trao tặng là sách quý do UBVH in soạn. Một quần thể tượng cũng được giới thiệu ra mắt để kỷ niệm bốn trăm năm hình thành và phát triển chữ quốc ngữ.

https://www.youtube.com/watch?time_continue=2&v=FRRWjidl8w0&feature=emb_logo

Sau cùng là một chương trình văn nghệ hoành tráng mang đậm chất dân tộc. Chương trình đã khép lại lúc 11g45. Mọi người ra về mang theo quà tặng, mang theo dấu ấn đỉnh cao của chương trình đã được khắc sâu trong tâm thức, để mãi nhớ ơn và tự hào về văn hóa người Việt Nam.

https://www.youtube.com/watch?time_continue=2&v=6PtIUurjUQ&feature=emb_logo

Nguồn: Ủy ban Văn hóa

Nguồn: <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/hoi-thao-van-hoa-bon-tram-nam-hinh-thanh-va-phat-trien-chu-quoc-ngu-trong-lich-su-loan-bao-tin-mung-tai-viet-nam-35495>

VỀ MỤC LỤC

TÁC PHẨM KÍNH CHÀO NỮ VƯƠNG RẤT THÁNH - MẸ THIÊN CHÚA QUA LỜI CHÚA (CHƯƠNG 5)



Chuyển ngữ: Trần Mỹ Duyệt

Xin giới thiệu bản dịch tác phẩm KÍNH CHÀO NỮ VƯƠNG RẤT THÁNH.

Đây là tác phẩm Thánh Mẫu được một giáo sư thần học viết. Ông trước đây là một mục sư Tin Lành, nên những dẫn chứng và toàn bộ tác phẩm có nền tảng Thánh Kinh rất vững vàng. Sách có thể dùng làm sách giáo khoa hay dùng trong những đề tài trao đổi Thánh Kinh và Thánh Mẫu.

Nguyên tác: Hail, Mary Queen; Tác giả: SCOTT HAHN là giảng sư thần học và Thánh Kinh tại Đại Học Phanxicô ở Steubenville, và gần đây được Đức Giáo Hoàng Benedict XVI chỉ định Khoa Trưởng Thần Học Thánh Kinh và Tuyên Ngôn Phụng Vụ tại Đại Chủng Viện Saint Vincent. Ông là tác giả của hơn một tá tác phẩm, bao gồm The Lamb's Supper; Hail, Mary

Queen; Swear to God; và Understanding the Scriptures. Tiến sỹ Hahn còn là người sáng lập và chủ tịch của the St. Paul Center for Biblical Theology, ở Steubenville, Ohio, cũng là nơi ông đang sống với vợ ông là Kimberly, và sáu người con của họ.

Tác phẩm gồm 8 chương ngoài lời tựa, lời giới thiệu, phụ bản và kê cứu. Đặc San GSVN sẽ hân hạnh phổ biến mỗi kỳ một chương.

CHƯƠNG 5

TỪ GHI CHÉP ĐẾN DẠY DỖ

MẸ LÀ THÔNG ĐIỆP

Nghiên cứu về cấu trúc Thánh Kinh có thể một cách dễ dàng thu hút độc giả nhiệt tâm - hoặc người tìm hiểu tài tử. Một trong cách hấp dẫn của những phương pháp tìm hiểu như Thánh Augustinô đã nói, Tân Ước được bao gồm trong Cựu Ước, và Cựu Ước được mặc khải qua Tân Ước. Tìm hiểu về nguồn gốc sẽ giúp khai mở chiều kích ẩn dấu tại mỗi trang của Thánh

Kinh. Nghiên cứu một cách cẩn thận cho chúng ta biết rằng Thiên Chúa viết lịch sử qua cách thức và ngôn ngữ của con người, và chính Ngài là tác giả của tác phẩm tuyệt vời tinh vi cùng bản nháp tinh xảo. Ngài không phạm một từ nào trong việc mặc khải, không có gì là vô tình hoặc là một tai nạn trong quan phòng của Thiên Chúa.

Khoa khảo cứu về cấu trúc Thánh Kinh rất bao quát. Nó giúp tránh được việc đòi hỏi phải chú tâm vào từng trang sách đang đọc, nhưng phải có sự liên kết với những trang khác trong toàn bộ Thánh Kinh, cũng như thái độ cô lập khỏi truyền thống. Khoa khảo này cũng có thể soi sáng, giải thích sự phong phú của những trang sách trước đây xem như tối nghĩa hoặc không quan trọng.

Thực ra, khoa khảo cứu này có cái nguy hiểm của riêng nó, vì khi bị lợi dụng nó sẽ hướng một số nhà khoa bảng lạc xa khỏi con đường tìm hiểu, và một số khác tiến đến tà giáo. Để tránh những thái quá này, điều quan trọng chúng ta cần phải có, là làm sáng tỏ những mục đích mà chúng ta bắt đầu và kết thúc trong tâm trí. Khi chúng ta đọc Thánh Kinh qua phương pháp khảo cứu nguồn gốc, chúng ta không cố gắng tìm hiểu một điều bí ẩn, hoặc giải quyết một trò chơi ghép hình, hoặc sắp đặt những cái nhìn bất thường về lời đã được linh ứng. Chúng ta đang cố gắng gặp gỡ một người. Chúng ta muốn biết về Thiên Chúa, những đường lối của Ngài, chương trình của Ngài, dân Ngài lựa chọn - và Mẹ của Ngài.

Cho nên, chúng ta cần tránh một nguy hiểm, tôi gọi là thuyết atomism (theo triết học Hy Lạp, một ý tưởng cho rằng vật chất được cấu tạo bằng những phần nhỏ xoay quanh một không gian trống) – một triết thuyết chú trọng đến những hình thức của Thánh Kinh trong cô lập, như những ẩn ý không liên kết hoặc những mẫu thức cá biệt của một mẫu thí nghiệm. Chúng ta cũng không dùng một số hệ thống bí mật của những biểu tượng khi chúng ta nghĩ đến khoa khảo cứu nguồn cội của Evà, Hòm Bia giao ước, và mẫu hậu. Chúng ta đang nhìn vào những tạo vật được phát sinh do quan phòng để biến thành con người hiện thực, con người lịch sử. Cũng như Isaac, Maisen, và Đavít là những con người thật, những người biểu tượng Đáng Cứu Tinh thần linh, Chúa Giêsu, cũng thế Evà, và Hòm Bia, và mẫu hậu được ban cho chúng ta những cái nhìn thoáng qua của sự thật lớn lao, đó là Đức Maria.

Và rồi, Người sẽ phải là mục đích của chúng ta khi chúng ta khảo sát về những đặc trưng của Người. Vì Người chính là và sẽ tiếp tục là một con người thực sự, sống động; con người của mẫu nhiệm không thể giảm bớt, dù một phần hay toàn thể những biểu tượng. Phaolô đã xúc động qua cách thể Chúa Giêsu đã được báo trước qua Adong; nhưng Phaolô đã yêu Chúa Giêsu Kitô. Vì thế chúng ta phải tiến đến sự hiểu biết và yêu mến chính Đức Maria như Người được diễn tả qua những hình ảnh Thánh Kinh.

Đây không phải là những gì tùy ý đối với các Kitô hữu. Nó cũng không phải là những thứ trang trí trong Kinh Thánh. Đức Maria là - trong ý nghĩa thực tế, sống động, và thần thiêng - Mẹ chúng ta. Để hiểu về tình anh em của Chúa Giêsu Kitô, chúng ta phải tiến đến sự hiểu biết về Mẹ, người Mẹ mà chúng ta cùng chia sẻ với Chúa Giêsu Kitô. Ngoài Mẹ ra, sự hiểu biết của chúng ta về Phúc Âm khá lắm cũng chỉ là phiến diện. Ngoài Mẹ, sự hiểu biết của chúng ta về ơn cứu độ sẽ không bao giờ là sự mật thiết gia đình. Nó sẽ căn cứ vào giao ước cũ, ở đó thiên chức người cha của Thiên Chúa được coi như là ẩn dụ, và chức vụ làm con của con người giống như thân phận tôi tớ.

Người nữ này là ai - và người Mẹ này, chiếc bình quý được chọn của Thiên Chúa này và của mọi kẻ tin nhận? Người là một con người lịch sử, và Giáo Hội đã giữ gìn một cách cẩn thận những dữ kiện lịch sử về Người trong những dữ kiện Thánh Kinh và trong những mô thức của tín lý.

Giữ Lấy Đức Tin

Tín lý là gì? Một định nghĩa đúng đắn của Đức Hồng Y Joseph Ratzinger, người đã viết “tín lý được định nghĩa không gì hơn một sự chuyển dịch của Kinh Thánh.”

Ý tưởng của vị Hồng Y đã được xác định do Ủy Ban Thần Học Thế Giới trong tài liệu xuất bản năm 1989 về *việc giải thích của các Tín Điều*: “Trong tín lý của Giáo Hội, đó là điều có liên quan với một giải thích đúng nghĩa của Thánh Kinh”. Vì thế, tín lý là lời chú giải không sai lầm về Thánh Kinh của Giáo Hội.

Có những việc rõ ràng về đời sống Đức Maria mà Thánh Kinh dạy một cách minh bạch: Mẹ đồng trinh khi thụ thai Chúa Giêsu, thí dụ, được nhắc đến một cách rõ ràng và minh bạch trong Phúc Âm của Luca (1: 34-35). Những gì xảy ra khác thì *hiểu ngầm* trong Thánh Kinh mà đã được Giáo Hội giảng dạy, thí dụ, Đức Maria được đưa về trời cả hồn lẫn xác, và việc Người vô nhiễm nguyên tội. Sự thật về những điều hiểu ngầm này cũng không kém quan trọng đối với sự hiểu biết của chúng ta về Thánh Kinh. Thực vậy, những chi tiết hiểu ngầm thường *quan trọng hơn* để tường thuật, bởi vì chúng cho ta biết những gì nhà tường thuật đã dùng để ghi lại. Qua những chi tiết này - về trời, nếu bạn muốn - giữ không nói, chúng làm nên tấm vải mà người tường thuật đã mặc. Không có những hiện diện âm thầm, bản tường trình vỡ mảnh.

Vì vậy, qua các thế kỷ, Giáo Hội đã cẩn thận bảo vệ, che chở, và bênh vực những lời giảng dạy về Đức Maria, bởi vì nếu sao nhãng cũng có nghĩa là sao nhãng Phúc Âm. Để ngăn cấm những điều này sẽ là cướp đoạt người mẹ của gia đình Thiên Chúa. Nếu không có những tín lý, Đức Maria sẽ trở nên không thực tế: một thân thể người phụ nữ nào đó từ Nadarét, một cá nhân không quan trọng, không giá trị đối với tường thuật Phúc Âm. Và khi Đức Maria trở nên không thật sự, thì việc nhập thể của con Thiên Chúa, là điều tùy thuộc vào việc ưng thuận của Đức Maria, việc Chúa Kitô chịu đau khổ trong thân xác, thân xác mà Ngài lấy từ trong lòng Mẹ của Ngài, việc vai trò Kitô hữu như con Thiên Chúa, điều tùy thuộc vào sự chia sẻ của chúng ta qua hình ảnh người nhà của Chúa Giêsu, người con của Đavít, con của Đức Maria cũng không thật.

Tất cả cùng với những trần thuật Thánh Kinh, những tín lý về Đức Maria của Giáo Hội đem chúng ta gần với thực tại nhập thể của gia đình Thiên Chúa. Một lần nữa, đối với những Kitô hữu tin tưởng, thì những tín điều cũng như những sự xuất hiện ấy không phải là triu tượng hoặc bí ẩn. Chúng là những gì đã xảy ra cho một người sống động, người Mẹ của chúng ta.

Liên quan đến tám gương Kitô hữu của Thánh Gioan thành Đamátô, vị Giáo Phụ của Giáo Hội, người yêu mến Thánh Kinh đến nỗi đã rời về Giêrusalem để sống trong khung cảnh của nó. Ngài biết một cách chắc chắn, tất cả mọi hình ảnh của Cựu Ước về Đức Maria và Chúa Giêsu. Và ngài biết những việc xảy ra về cuộc đời của Đức Maria, bao gồm những điều mà không được công bố như những tín điều. Khoảng năm 740 A.D., ngài đã giảng ba bài về sự lên trời của Đức Maria, và ngài đã pha trộn những tín điều của Giáo Hội và những cách thức chúng ta đã trình bày trong sách này: Tân Evà, Hòm Bia Giao Ước, mẫu hậu. Đúng vậy, tuy Thánh Gioan chưa bao giờ giảng về những tư tưởng này; nhưng ngài đã trình bày trong Thánh Kinh khi nói về một người, người được đưa về trời do Thiên Chúa.

Lời cầu xin của ngài khi Đức Maria được đưa về trời là một lời kể đặc biệt: “Đavít là hình ảnh người cha của mẹ, và cha của mẹ trong Thiên Chúa, múa nhảy vui mừng.” Ông nói: “Các thiên thần ca múa với ông, và các tổng thần vỗ tay.” Tường tượng quang cảnh này, Gioan đã không thấy Vua Đavít nhảy múa quanh một tín điều, hoặc quanh một ý tưởng triu tượng về Hòm Bia Giao Ước (2 Sm 6:14). Hơn thế nữa, Gioan đã thấy Đavít múa nhảy vì tình yêu đối với một người, người đó là ái nữ và cũng là mẹ của nhà vua.

Tuy nhiên, đó là tín lý - sự giải thích Thánh Kinh không sai lầm của Giáo Hội - là điều có thể cho chúng ta thấy người Mẹ thật này một cách rõ ràng như Đavít đã thấy. Vì những tín lý là những dữ kiện của Đức Tin gìn giữ một viễn ảnh chắc chắn của gia đình Thiên Chúa.

Dự Án Cứu Độ Của Thiên Chúa:

Đầu Thai Vô Nhiễm

Đầu thai vô nhiễm là giáo lý dạy rằng Thiên Chúa gìn giữ Đức Maria khỏi mọi dấu vết của nguyên tội ngay từ giây phút đầu tiên Người được hoài thai trong lòng thân mẫu. Nhờ thế, Người sống trong tình trạng ơn thánh đã được chiến thắng bởi công phúc của Con mình, Chúa Giêsu. Vì vậy lời chào mừng của thiên thần đối với Đức Maria: “Kính mừng, đầy đủ ơn phúc”, đã được vang lên nhiều năm trước khi Chúa Giêsu chiến thắng sự chết đem lại ân sủng cho nhân loại. Vâng, Đức Maria là, và ngay cả sau đó “đầy ơn phúc”.

Đức Hồng Y John Newman đã dạy rằng, đầu thai vô nhiễm tội là điều theo sau quan trọng đối với vai trò của Đức Maria như Evà Mới. Ngài đã hỏi: “Nếu Evà được nâng lên trên bản tính nhân loại nhờ tặng ân luân lý mà chúng ta gọi là ân sủng, thì có quá đáng để nói rằng Đức Maria còn có cả một hồng ân cao cả hơn thế nữa? ... Và nếu Evà đã nhận được ân huệ cao quý này được ban cho ngay từ giây phút đầu tiên bà hiện diện trong thân xác, thì có thể nào chối bỏ việc Đức Maria cũng đã được ơn ấy ngay từ lúc đầu tiên của Người?”

Newman cũng tìm thấy điều hợp lý đối với Chúa Kitô được sinh bởi người Mẹ vô nhiễm tội.

“Đức Maria không chỉ là dụng cụ trong sự quan phòng của Thiên Chúa. Lời của Thiên Chúa... không chỉ đi qua Người, như Ngài đã đi qua chúng ta trong Thánh Thể. Nó cũng không phải là thân xác bởi trời mà Người Con Muôn Thuở đã vay mượn... Không, Ngài đã hấp thụ, Ngài đã uống máu của Mẹ, và bản thể của Mẹ đã hòa trộn vào trong Con Người Thiên Chúa của Ngài. Ngài trở thành con người từ Mẹ, và nhận lãnh những đường nét khuôn mặt từ Mẹ, và hình hài của mẹ như ngoại diện và thái độ mà qua đó Ngài có thể làm sáng tỏ chính mình cho thế giới. Ngài được biết đến, không nghi ngờ, bằng sự rập khuôn của Ngài với Mẹ, là người Con của Mẹ... Như vậy không đủ chứng tỏ... rằng Người Cha Muôn Thuở chẳng đã chuẩn bị Mẹ cho sứ vụ này bằng sự thánh hóa siêu vời đó sao?”

Đầu thai vô nhiễm nguyên tội là quan niệm thông thường của Giáo Hội tiên khởi. Thánh Ephrem thành Syria đã làm chứng điều này vào thế kỷ thứ tư, cũng như Thánh Augustinô vào thế kỷ thế năm. Thánh Augustinô đã đặt giáo lý này vào một văn mạch rõ ràng, quả quyết, nói rằng nó có thể là một điều phạm đến Chúa Giêsu khi nói rằng Mẹ của Ngài là một tội nhân. Thánh Augustinô đã nói, tất cả chúng ta ai cũng có tội, “ngoại trừ Đức Thánh Trinh Nữ Maria, liên quan đến đáng, để vinh danh Thiên Chúa, Tôi hy vọng sẽ không có câu hỏi nào được nêu lên khi chúng ta nói về tội lỗi. Sau cùng, chúng ta hiểu thế nào về mức độ lớn lao ân sủng đối với một chiến thắng toàn diện trên tội đã được ban cho Người, đáng mang thai và sinh ra Ngài, cũng là Đáng tất cả thừa nhận là vô tội.”

Trong khi các nhà thần học Đông Phương, một cách nào đó, đã dạy về giáo lý mang ý nghĩa tiêu cực, nhấn mạnh đến việc Đức Maria vô nhiễm tội, thì thay vào đó, các giáo hội Tây Phương lại luôn luôn dạy về sự thánh thiện dự thừa của Người. Một từ ngữ thông dụng được có ảnh hưởng về Mẹ là *Panagia*, hoàn toàn thánh thiện; tất cả mọi sự trong Người là thánh thiện.

Dẫu vậy, Giáo Hội đã không tuyên bố tén điều Đầu Thai Vô Nhiễm Nguyên Tội cho đến năm 1954. Trong lúc đó, một số Kitô hữu - ngay cả một số thánh nhân - quan ngại khi cho rằng nói Đức Maria vô tội trước cả ngay giây phút đầu thai có thể một cách nào đó chối bỏ bản tính con người của Mẹ hoặc công việc cứu độ của Chúa Kitô. Do vậy, Đức Giáo Hoàng Piô IX đã bày tỏ sự quan tâm này một cách đầy đủ khi ngài, một cách trang trọng, định nghĩa tín lý “Đức Thánh Trinh Nữ Maria, ngay trong giây phút đầu tiên hoài thai của mình, bởi ơn đặc biệt, và đặc ân được Thiên Chúa Toàn Năng ban cho, trong tầm nhìn về công trạng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Chuộc nhân loại, đã được gìn giữ thoát khỏi mọi dấu vết của Nguyên Tội.”

Nó ngắn hơn một câu viết đơn giản, nhưng nó bao hàm một cách đầy đủ mọi lời giảng dạy. Đức Giáo Hoàng Piô làm cho nó trở nên sáng sủa hơn rằng đầu thai vô nhiễm tội là một biệt lệ (“số ít”) ân sủng của Thiên Chúa, cũng giống như việc nhập thể của Chúa Giêsu là một biến cố duy nhất trong lịch sử. Tiếp theo, ngài tuyên bố một cách không nghi ngờ rằng ơn huệ duy nhất này đã được Chúa Giêsu Kitô chiến thắng cho Đức Maria, Đấng Cứu Độ của Mẹ. Và sau cùng, Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh rằng đầu thai vô nhiễm nguyên tội là một hành động quyền năng để ngăn ngừa - một việc làm của Thiên Chúa, và không phải là hành động của chính Đức Maria.

Đầu thai vô nhiễm nguyên tội, vì thế, là hoa trái của ơn cứu độ ứng dụng cho Đức Maria bằng một cách thức nói lên rằng; ơn cứu độ luôn luôn ở trong ý định của Thiên Chúa hằng sống, Đấng không bị giới hạn bởi thời gian như chúng ta. Và do vậy, ơn cứu chuộc của Chúa Kitô ứng dụng cho bạn và cho tôi, mặc dù chúng ta không ở đó trên đồi Calvary - và nó đã ứng dụng đối với Đức Maria ngay giây phút người được hoài thai, nhờ vào cái chết cứu chuộc của Chúa Kitô sau này. Ơn cứu độ của Người là một hành động ngăn ngừa, trong khi đối với nhân loại là hành động giải thoát.

Ngay cả hôm nay, chúng ta có thể nhìn thấy rằng Chúa Kitô, qua một hình thức so sánh, giải thoát một số tội nhân bằng cách cứu họ và bằng cách ngăn ngừa họ. Một số người quay đầu trở lại với thói quen tội lỗi, thí dụ, ăn cắp trong các siêu thị, sử dụng cần sa ma túy, hoặc ngoại tình, sau khi họ nhận được hồng ân trở lại. Nhưng số khác từ chối thói quen phạm tội ngay khi còn rất trẻ vì Chúa đã ban cho họ một ân huệ là được nuôi dưỡng trong một gia đình Kitô giáo đạo hạnh. Bất cứ cách nào, do ngăn ngừa hoặc giải thoát, ơn cứu độ là một tác động của Thiên Chúa. Trong dự án quan phòng của Ngài, Ngài đã thấy đường lối thích hợp đối với Đức Maria là ngăn ngừa khỏi tội một cách hoàn toàn, suốt mọi ngày trong cuộc sống của Mẹ.

Nếu Đức Maria không có tội, vậy người có thật sự cần Chúa Giêsu cứu độ không? Có. Người cần được cứu độ. Sự ngăn ngừa đặc biệt đã không loại bỏ vai trò không cần ơn cứu độ được chiến thắng cho mọi người bởi Chúa Giêsu. Chúa Giêsu là Thiên Chúa, cũng thế, Ngài vừa là Đấng tạo dựng, là Đấng cứu chuộc chúng ta. Trong việc tạo dựng Đức Maria, Chúa đã giải thoát cho Người khỏi bất cứ những giới hạn thuộc bản tính con người hoặc sự yếu đuối đối với tội lỗi. Người là một tạo vật, nhưng lại là Mẹ của Ngài, và Ngài đã hoàn tất một cách tuyệt vời giới răn tôn kính Người. Ngài đã tôn kính Người trong một cách thể đẹp để siêu việt.

Sức Hấp Dẫn Thai Nhi

Khi chúng ta đọc kinh Kính Mừng, chúng ta vang vọng một trong những danh hiệu cổ xưa nhất mà các Kitô hữu đã xưng tụng Đức Maria: Mẹ Chúa Trời (trong tiếng Hy Lạp, *Theotokos*, một cách văn chương có nghĩa “người mang Thiên Chúa”), Vào khoảng thế kỷ thứ ba (có thể là sớm hơn), Giáo Hội tại Ai Cập đã cầu: “Chúng con chạy đến sự chở che của Mẹ, Ôi, Mẹ thánh thiện của Thiên Chúa...” Những Giáo Phụ sớm hơn trước đó như các Thánh Clémentê thành Alexandria, Origen, và Alexander đã kêu cầu Đức Maria là “Mẹ Thiên Chúa”, hoặc tương tự như “Mẹ của Chúa”. Lời cầu xin này của các tín hữu dựa theo lời khởi hứng của Isave chào

mừng Đức Maria, người chị em của bà: “Và tại sao tôi được Mẹ của Chúa tôi đến với tôi?” (Lc 1:43).

Với lời mang ý nghĩa Thánh Kinh, tước hiệu “Mẹ Thiên Chúa” đã loan truyền không bị ngăn cản vào những thế kỷ đầu của Giáo Hội. Thêm vào đó, là sự bày tỏ theo sau một cách hợp lý từ kiến thức cần thiết của Kitô giáo về thiên tính của Chúa Kitô. Nếu Ngài là Thiên Chúa và Đức Maria là mẹ Ngài, thì người là Mẹ của Thiên Chúa.

Việc xử dụng truyền thống từ “Mẹ Thiên Chúa” tùy thuộc vào một nguyên tắc thần học được gọi là *thông tri của những ngữ pháp đặc biệt của một ngôn ngữ (communication of idioms)*. Theo nguyên tắc này là sự trộn vện của chính Chúa Kitô với hai bản tính, thiên tính và nhân tính được hòa nhập trong Ngài, ở nơi một con người. Do đó, các Kitô hữu có thể nói một cách chắc chắn rằng, Thiên Chúa Ngôi Con chết trên thập giá tại Canvariô, cũng là Thiên Chúa không bao giờ chết. Và cũng vậy, người Kitô hữu luôn tin rằng, Thiên Chúa sinh ra trong máng cỏ ở Belem, cũng là Thiên Chúa hằng sống.

Tuy nhiên, vào thế kỷ thứ năm, một số các nhà thần học bắt đầu nêu lên những giá trị của danh hiệu “Mẹ Thiên Chúa” - hoài nghi được áp dụng vào Đức Maria liên quan đến “nguồn gốc” của Thiên Chúa. Những nhà thần học này có thể chấp nhận danh xưng “Mẹ Đức Kitô”, nhưng không phải là “Mẹ Thiên Chúa”. Các ngài còn tranh luận xa hơn nữa chống lại sự kết hợp hai bản tính của Chúa Kitô, cho rằng Đức Trinh Nữ sinh ra *nhân tính* nhưng không sinh ra *thiên tính* của Ngài.

Giáo Hội đã không chấp nhận, và danh xưng của Đức Maria đã được biện minh một cách hiệu quả bởi Đức Giáo Hoàng Celestine I, người đã dùng lời biện hộ của Thánh Cyrilô thành Alexandria, một nhà thần học dẫn đầu của lúc bấy giờ. Thánh Cyrilô chỉ ra rằng một người mẹ không chỉ sinh ra bản tính một người, nhưng là sinh ra một người. Đức Maria sinh ra Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã và là người Thiên Chúa. Dù Đức Maria đã không tạo ra Thiên Chúa, nhưng Người rõ ràng đã sinh ra Ngài. Người là “mẹ” Ngài.

Với chúng ta, việc tranh luận có thể coi như trừu tượng và hàn lâm, nhưng tiến trình bao gồm sự chú ý ngay ở các Kitô hữu bình thường thuộc thế kỷ thứ năm, đã thôi thúc họ lòng tôn sùng nhiệt thành. Lịch sử cho chúng ta biết rằng khi Đức Giáo Hoàng Celestine triệu tập Công Đồng Êphêsô (A.D. 431) để xác định bản định về “Mẹ Thiên Chúa”, các tín hữu bao quanh thành phố, để chờ đợi quyết định của các giám mục. Khi các nghị phụ công bố quyết định của công đồng rằng Đức Maria thật vậy, là Mẹ Thiên Chúa, dân chúng hân hoan vui mừng và cung nghinh các giám mục (tất cả gồm 200 vị), tung hô và rước quanh trên các đường phố.

Hãy dừng lại giây phút để nghĩ về cường độ của những xúc cảm mà những tín hữu này đã cảm nhận về Rất Thánh Đồng Trinh Maria - từ khách hành hương tới những cư dân thành phố của công đồng, đang chờ ngoài cửa để lắng nghe tuyên tín của các giám mục, rồi ăn mừng cả đêm, tất cả chỉ vì người nữ ấy đã nhận được vinh dự đích thực của bà. Dân chúng không hành động như vậy vì yêu thích sự tranh luận uyên bác. Họ cũng không ăn mừng một chiến thắng do giải thích chữ nghĩa. Tôi dám nói rằng họ đã không thực hiện một cuộc lưu hành gian nan đến Êphêsô nhân danh bất cứ bà mẹ nào, ngoài người Mẹ của chính họ. Vì người Mẹ của chính họ cũng là Mẹ Thiên Chúa.

Khi chúng ta gọi Đức Maria là “Mẹ Thiên Chúa”, chúng ta chia sẻ niềm vui từ xa xưa. Vì được gói ghém trong một cụm từ bao gồm dữ kiện kinh ngạc đó là chúng ta là con cái Thiên Chúa. Chúng ta là anh chị em của Con Đức Maria-Thiên Chúa làm người-và không chỉ nguyên về phần nhân tính.

Một Lần Đồng Trinh, Đồng Trinh Trọn Đời

Không có chỗ nào trong Phúc Âm của Mátthêu và Luca đã nghi ngờ về sự đồng trinh của Đức Maria khi mang thai Con Thiên Chúa (Mt 1:18; Lc 1:34-35; 3:23). Dĩ nhiên, các vị Giáo Phụ đầu tiên và trong các Kinh Tin Kính tất cả đã bảo vệ sự thật về việc đồng trinh khi mang thai. Tại sao Giáo Hội luôn luôn nhấn mạnh rằng, các Kitô hữu tin Chúa Giêsu “sinh bởi Đức Maria Đồng Trinh”? Bởi vì thiên chức Mẹ Đồng Trinh của Đức Maria được bảo đảm bởi thiên tính và nhân tính của Chúa Giêsu. Thánh Tôma Aquinas tóm lược: “Để thân xác Chúa Giêsu được tỏ hiện là một thân xác thật, Ngài được sinh ra bởi một người nữ, Để Thiên tính Ngài được tỏ hiện, Ngài được sinh ra bởi một trinh nữ.” Như chúng ta đã đọc trong những chương trên, sự đồng trinh của Đức Maria là rõ ràng đối với hiểu biết truyền thống về Người như một Evà Mới.

Vì thế, ngay từ khởi đầu của Giáo Hội, tên Maria đã luôn luôn xuất hiện với một chữ đặc biệt “đồng trinh”. Trong Kinh Tin Kính các Tông Đồ, Kinh Tin Kính Nicene, và trong những Kinh Tin Kính thanh tẩy trước đó của Rôma, và Phi Châu, các tín hữu phải một cách đồng loạt tuyên xưng niềm tin vào Chúa Giêsu “sinh bởi Đức Trinh Nữ Maria”. Với các Kitô hữu tiên khởi, tin vào Chúa Giêsu là tin vào sự đồng trinh của Đức Maria.

Thật vậy, nhận thức về Đức Maria sẽ không được trọn vẹn nếu thiếu chữ “đồng trinh”. Mẹ là “Maria Đồng Trinh”. Sự đồng trinh không chỉ là thái độ cá nhân của Người, hoặc cách diễn tả về tình trạng thể lý của Người. Đồng trinh đã trở thành một phần của Người để trở nên như tên gọi. Khi văn chương hoặc thi ca liên quan đến “Đồng Trinh” hoặc “Thánh Nữ Đồng Trinh”, thì điều ấy có thể được hiểu là chỉ duy nhất nói về một người: Đức Maria.

“Đồng trinh” một lần và mãi mãi, đó chính là Người. Vì thế, Giáo Hội đã mạnh mẽ dạy rằng Đức Maria đã gìn giữ sự đồng trinh của Người không chỉ trước khi mang thai Chúa Giêsu, nhưng mãi mãi về sau nữa. Mặc dù Người đã kết hôn với Thánh Giuse, thì hai đấng không bao giờ có hành động vợ chồng trong đời sống hôn nhân. Giáo lý này được hiểu như sự “*Trọn Đời Đồng Trinh*” của Đức Maria.

Những tà giáo trong Giáo Hội sơ khai đôi khi thách đố về lời giảng dạy này, nhưng họ đã không bao giờ thắng cuộc. Những lý luận về sách thánh một cách giả định của họ đều bị đánh bại bởi những người như Thánh Giêrônimô, một học giả lấy lòng về Thánh Kinh của Giáo Hội sơ khởi. (Giêrônimô còn là một tên gọi quen thuộc, và ngài xứng đáng với những gì mà ngài đã gây tổn hại cho những kẻ dám nêu lên câu hỏi về sự trọn đời đồng trinh của Đức Maria). Vậy những câu hỏi của những người tà giáo kia là gì?

Cả khối những lý luận của họ nhằm thách thức về những trang Tân Ước liên quan đến “anh em” Chúa Giêsu. Chúng ta thấy trong Phúc Âm Thánh Máccô chẳng hạn: “Đây không phải là anh thợ mộc, con của bà Maria và anh em với Giacôbê, Gioxuê, Giuđa, và Simon sao? Chị em của ông chẳng ở đây với chúng ta sao? (6:3). Trong Phúc Âm Thánh Mátthêu, chúng ta cũng thấy: “Này, mẹ Người và anh em Người đang đứng ngoài kia, hỏi để nói chuyện với Người” (12:46). Và trong Phúc Âm Luca, chúng ta đọc thấy rằng Chúa Giêsu là “con đầu lòng” của Đức Maria (2:7).

Điều này rõ ràng không có vấn đề đối với những ai quen thuộc với phong tục của người Do Thái. Trong tiếng Do Thái, chữ “anh em” là một từ ngữ có ý nghĩa tổng quát, áp dụng cho cả những anh em họ. Thật ra, trong cổ ngữ Do Thái không có từ họ hàng. Đối với một người Do Thái thời Chúa Giêsu, anh em họ của một người cũng được coi như anh em của người đó. Nguyên tắc thân thuộc này cũng áp dụng trong những ngôn ngữ gốc Do Thái như Aramaic, là ngôn ngữ mà Chúa Giêsu nói. Hơn nữa, một cách khẳng định bởi vì Chúa Giêsu là con duy nhất, những anh em họ của Ngài cũng giả định là họ hàng hợp lý đối với Ngài, như họ là những người thân cận nhất đối với Ngài. Sau cùng, chữ “con đầu lòng” không nêu lên những khó khăn

gì, bởi vì nó là từ ngữ của luật pháp trong Do Thái cổ xưa được áp dụng cho đứa trẻ “đi ra từ dạ mẹ” không nhất thiết phải có những đứa con được sinh ra sau đó.

Những người tà đạo cũng lập lại những tài liệu mà xem như - một lần nữa, đối với những ai không quen thuộc với những hình thức diễn tả của người Do Thái - để ám chỉ rằng Maria và Giuse đã có sự gần gũi thân xác sau này. Họ muốn trích dẫn Mátthêu 1:18: “Chúa Giêsu sinh ra trong hoàn cảnh sau đây. Mẹ Ngài là Maria đã đính hôn với Giuse, trước khi họ về với nhau, bà đã có thai bởi Chúa Thánh Thần”. Phản biện của Thánh Giêrônimô với Helvidius và đã đặt câu hỏi của ngài một cách thẳng thắn về chữ “trước” trong câu nói đó, phản bác rằng Mátthêu đã chẳng bao giờ áp dụng “trước khi họ về với nhau” đối với một cặp vợ chồng mà họ chẳng bao giờ ăn ở với nhau. Helvidius cũng trích dẫn đoạn sau đây của Mátthêu đã xác định rằng Giuse “không biết bà cho đến khi bà sinh con” (1:25). Một lần nữa, Helvidius nói rằng Mátthêu dùng từ “cho đến khi” ám chỉ rằng Giuse sau đó đã “biết” Đức Maria.

Đó là một thí dụ cổ điển của một nhà chú giải tài tử. Một cách rõ ràng và dễ dàng được nâng lên bởi một học giả Thánh Kinh chuyên nghiệp. Trả lời cho Helvidius, Giêrônimô đã chứng minh rằng Thánh Kinh “thông thường dùng một thời gian xác định... để chỉ rõ thời gian vô giới hạn, như khi Thiên Chúa dùng miệng các tiên tri nói với những người nhất định, ‘Cho dù đến tuổi già, Ta vẫn là Người’ (Is 46:4). Giêrônimô đã lớn tiếng: “Ngài sẽ thôi là Thiên Chúa khi họ đã già?” Câu trả lời, dĩ nhiên là không. Rồi Giêrônimô tiếp tục trưng dẫn lời Chúa Giêsu, Đáng đã nói: “Này, Ta ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28:20).

Wryly, Giêrônimô đã hỏi Helvidius nếu ông ta nghĩ liệu Chúa sẽ bỏ quên các môn đệ của Ngài *sau khi* tận thế! Giêrônimô đã đưa ra nhiều thí dụ như vậy, nhưng chúng ta không cần nhắc lại ở đây. Nó đủ để nói rằng những kẻ nêu lên câu hỏi về sự đồng trinh của Đức Mẹ không có lấy một chỗ trong Thánh Kinh để dựa vào - và Truyền Thống Kitô Giáo đã chống lại họ một cách đồng nhất.

Nếu họ muốn tìm một dẫn chứng ứng dụng trong Thánh Kinh, họ có thể khảo cứu chương đầu của Phúc Âm Thánh Luca. Ở đó, tổng thần Gabirien hiện đến cùng Đức Maria - người đã đính hôn với Giuse - và nói rằng người sẽ thụ thai một con trai. Đức Maria đã trả lời: “Việc ấy xảy ra thế nào được, vì tôi không biết đến việc vợ chồng” (Lc 1:27-34).

Trong tình huống ấy, có thể là một câu hỏi ngớ ngẩn nếu muốn biết liệu Đức Maria có ý định quan hệ vợ chồng trong một cuộc hôn nhân bình thường với người phối ngẫu của Người. Thiên thần đã chỉ nói với Người rằng Người sẽ thụ thai một con trai, mà điều này là một biến cố công khai trong cuộc đời hôn nhân của Người. Nếu Helvidius đúng, thì Đức Maria đã biết rõ ràng “điều này sẽ như thế nào?” Nó sẽ xảy ra trong tương quan tự nhiên.

Nhưng điều này, rõ ràng vượt ra ngoài phạm vi có thể đối với Người. Giả thiết không được đề cập tới bên trong câu hỏi của Người là, ngay cả khi đã đính hôn, Người phải chẳng không có cơ hội để thụ thai sao? Một số các nhà bình luận suy luận rằng Đức Maria đã phải thề giữ đồng trinh khi còn rất trẻ, và rằng Giuse đã biết và đã chấp nhận lời thề ấy. Chính ngài cũng thực hành như vậy. Những người phản đối đáp lại rằng lời thề độc thân hầu như không nghe thấy trong dân Do Thái cổ xưa. Tuy nhiên, chúng ta đã tìm thấy những thí dụ ấy vào thời của Chúa Giêsu, rõ ràng trong Tân Ước là trường hợp của chính Chúa Giêsu, của Thánh Phaolô và nhiều người khác. Những Cuộn Sách Biển Chết xác nhận rằng đời độc thân là một thực hành thông thường của một số tôn giáo ở Do Thái. Vì thế không cần phải suy nghĩ về trường hợp Đức Maria đã khấn đồng trinh.

Tóm lại, rất rõ ràng từ trong Thánh Kinh và Truyền Thống Giáo Hội, Người đã sống đời đồng trinh của mình - đến độ, đối với mọi thời đại, Người đã trở thành nhân cách hóa về điều này. Thánh Epiphanius đã phủ nhận mọi tranh luận ngược lại với sự đồng trinh của Đức Maria với nhân chứng của danh Người. Ngay cả trong thời ngài (thế kỷ thứ tư), Người đã được xác định

rõ ràng chính là “Đấng Đồng Trinh”. Một người con tốt lành bênh vực một cách vững vàng cho danh dự mẹ của mình - mặc dù trong mọi lúc Ngài không cần phải làm thế với một cuộc tranh luận, khảo cứu dài dòng. Ngoài ra, vẫn có những dẫn chứng nữa, và những người con của Đức Maria, nếu được tranh luận, cũng có thể dùng Thánh Kinh để bênh vực như Giêrônimô đã làm.

Hồng Ân Về Trời

Trước đây chúng ta đã khẳng định rằng Đức Kitô yêu kính mẹ của Ngài bằng cách ngăn ngừa cho Người khỏi tội ngay từ giây phút đầu tiên trong đời của Người.

Điều này là một vinh dự lớn lao, nhưng chúng ta biết rằng Ngài không dừng lại ở đó. Vì Mẹ đã lãnh nhận ơn cứu chuộc như hoa trái đầu mùa của Chúa Kitô. Do đó, Người cũng được sống lại trong thân xác và vinh quang nước trời. Chúng ta thấy điều này trong Thánh Kinh: “Và một điềm vĩ đại xuất hiện trên trời, một người nữ mặc áo mặt trời, chân đạp mặt trăng, đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao” (Kh 12:1). Chúa Kitô đã đặt Hòm Bia của Giao Ước Mới làm nơi cư ngụ trong nơi cực thánh của đền thờ Giêrusalem trên trời. Điều này chúng ta tuyên xưng như việc Lên Trời của Rất Thánh Đồng Trinh Maria. Vào lúc cuối của thời gian trên mặt đất, Đức Maria đã được cất lên trời cả hồn lẫn xác.

Những tài liệu dẫn chứng về việc lên trời xuất phát từ thế kỷ thứ tư. Cuối thế kỷ thứ sáu, giáo lý về ngày lễ này đã được thiết lập trên toàn Giáo Hội.

Không có chứng cứ phản đối một cách thách đố hoặc bác bỏ trong thời gian các Giáo Phụ. Cũng không có giáo hội địa phương hoặc thành phố nào tuyên bố mình đã lưu giữ thánh tích của Thánh Nữ Đồng Trinh. Điều này tự nó là một cái gì phi thường. Trong thời Giáo Hội sơ khai, các thành phố, các thánh đường đã tranh đua nhau chiếm hữu các xương của những tông đồ cả và các vị tử đạo. Nếu xương thánh của Đức Maria còn lưu lại trên mặt đất, dĩ nhiên, sẽ trở thành những thánh vật vô giá. Người ta sẽ đi tìm kiếm các thánh tích này, và việc di chuyển từ thành này qua thành khác sẽ được chứng nhận tỏ tường. Nhưng, một lần nữa, lịch sử đã không chứng minh được bất kỳ dấu hiệu nào về hộp đựng thánh tích của Đức Maria - ngoài ngôi mộ trống của Người. (Và hai thành phố đã xác nhận nơi an táng này).

Những chứng cứ sống động đáng tin nhất về việc được đưa về trời của Mẹ có từ thế kỷ thứ sáu - Thánh Grêgôriô thành Tour. Những tài liệu trước đó, thí dụ, thế kỷ thứ tư *Đức Maria Ly Trần*, làm chứng về sự lên trời của Người. nhưng với lời diễn giải rằng có thể có quá ngoại thường và vô lý để tin. Chúng ta có thể chấp nhận điều này như một lời chứng cho giáo lý mà không chấp nhận như thẩm quyền trong những chi tiết nhỏ nhặt.

Nhà học giả Thánh Kinh và thần học gia lầy lùnh, Thánh Gioan thành Đamátô đã để lại một tặng vật đáng tin tưởng và tồn tại về vấn đề này. Chúng ta đã suy niệm trước đó rằng ba bài giảng của Thánh Gioan đều quyền lẫn tất cả những dấu chứng của Thánh Kinh được thảo luận trong sách này thành hình ảnh đơn thuần của một người Mẹ trên thiên đàng. Ngài nói kết một cách đặc biệt với những bài đọc phụng vụ cho ngày lễ và đêm canh thức của nó. Nó cũng là những bài đọc mà Giáo Hội dùng hôm nay.

Những bài đọc này chỉ cho chúng ta những gì? Chúng nói lên rằng các Kitô hữu luôn luôn tôn kính Đức Maria như Hòm Bia của Giao Ước. Thánh Gioan dẫn chứng một cách xác thực dựa vào Biên Niên Sử quyền I, chương 15, trong đó Vua Đavít triệu tập tất cả con cái Israrel đem Hòm Bia của Chúa đặt vào Giêrusalem. Mặc dầu Gioan thành Đamátô không bao giờ trích dẫn Khải Huyền 11:19-12:17, ngài vẫn liên tục gọi Đức Maria là Hòm Bia, và diễn tả việc Đavít nhảy múa quanh Người khi Người về trời. Nối kết này tiếp tục được thánh vịnh nhắc tới

trong lễ Vọng Đức Mẹ Lên Trời: “Lạy Chúa, xin đứng dậy, để cùng với Hòm Bia oai linh Chúa ngự về chốn nghỉ ngơi” (Tv 132:8). Có thể tìm đây một dòng nào tóm lược cách đầy đủ hơn việc Vua Đavít di chuyển Hòm Bia - hoặc Con của Đavít đặt Hòm Bia vào nơi mới của nó?

Thánh Gioan thành Đamátô cũng dẫn chứng cách suy diễn về Evà và vườn Diệu Quang để chỉ rằng việc lên trời đã xảy ra trong những ngày cuối đời của Đức Maria:

“Hôm nay, Vườn Diệu Quang của Adong Mới đón chào Thiên Đường sống động của mình. Trong Người bản án của chúng ta đã được hủy bỏ... Evà đã nghe lời con rắn... và, cùng với Adong, đã bị phạt tội chết và đã đem lại cho toàn thể giới sự tối tăm. Nhưng làm sao sự chết có thể nuốt được linh hồn rất thánh này, Người đã vâng lời Thiên Chúa?... Làm thế nào sự hư hỏng dám đụng chạm đến thân xác đã mang trong mình Sự Sống? Tư tưởng này đáng khinh tởm và hoàn toàn không xứng hợp với thân xác và linh hồn của Mẹ Thiên Chúa.”

Vì thế cho nên, những Giáo Phụ cuối cùng này làm cho rõ ràng những gì đã được áp dụng trong giáo lý của những vị tiền nhiệm của ngài ở thế kỷ thứ hai: Vai trò của Đức Maria như Evà Mới đòi hỏi niềm tin của chúng ta vào việc thân xác Người được về trời.

Những bài đọc của thánh lễ cũng chỉ cho chúng ta việc lên trời xác định Đức Maria như Hoàng Hậu đến muôn đời như thế nào. Đáp ca trong thánh lễ tự nó vẽ lại quang cảnh tiệc cưới của triều đình Đavít: “Hoàng hậu đứng bên hữu đức vua, trang điểm vàng ròng” (Tv 45:9). Đúng vậy, vị trí như diễn tả triều đình thiên quốc của vương triều Đavít cuối cùng, Chúa Giêsu Kitô, Đấng thống trị với Mẫu Hậu của Ngài ở bên hữu Ngài - như Salômon ngự trên ngai cùng với Bathsheba ở bên. “Như vậy là xứng hợp”, Thánh Gioan Đamátô tuyên bố - sau khi gọi Chúa Kitô là Salômon Mới - rằng người Mẹ phải được nâng lên trong nơi ở của bà trong Kinh Thành của Con bà”.

Tại sao trên thiên đàng Thiên Chúa lại thiết lập một Hoàng Hậu như thế? Người hơn cả vai trò của Ngài? Người là Mẹ của Ngài. Thánh Gioan Đamátô suy niệm chữ cuối như sau: “Những vinh dự Ngài dành cho Người - Ngài là Đấng dạy chúng ta phải tôn kính cha mẹ chúng ta”.

Kiểu Nói Thần Thánh

Một số người không phải là Công Giáo cho rằng, tất cả những giáo lý về Thánh Mẫu được thêm vào cho việc tôn sùng Đức Maria - hoàn toàn ảo tưởng và ngây thơ.

Đã ít nhất một lần tôi cũng nghĩ như vậy. Là một người trẻ theo phái Phúc Âm, tôi đã bị choáng ngợp với những câu trích dẫn Thánh Kinh coi Đức Maria như nữ thần Ishtar của dân Babylon, mà việc tôn sùng được tiên tri Giêrêmia nhắc đến (7:18;44:15-17). Tôi đã tin rằng việc tôn kính Đức Maria không gì hơn là việc tôn sùng một nữ thần được đưa vào Kitô giáo do những dân ngoại từ xa xưa đã bị dụ dỗ trở lại.

Dĩ nhiên, tôi đã sai - trên tất cả là trong niềm tin của tôi rằng, người Công Giáo “thờ phượng” Đức Maria. Nhưng thực tế, Giáo Hội chỉ tôn kính và vinh danh Người như một vị thánh cao cả nhất trong các thánh, còn việc thờ phượng và tôn thờ chỉ dành cho Thiên Chúa mà thôi. Thực tế, những Kitô hữu tiên khởi là những người nhiệt thành nhất trong việc tôn sùng Đức Maria. Và họ cũng là những Kitô hữu từ chối bất cứ dấu vết địa phương nào còn lại trong việc tôn thờ các nữ thần.

Một lần nữa, tôi đã sai khi lên án danh hiệu “Nữ Vương Thiên Đàng” bởi vì danh hiệu này có lúc đã được áp dụng cho những nữ thần dân ngoại. Những phản Kitô đã dùng nó trong những tranh luận để làm giảm giá trị việc tôn vinh Chúa Giêsu Kitô. Họ cho đó là một hình thức tiếp cận so sánh tôn giáo. Thực ra nó như thế này: nhiều huyền thoại dân ngoại cổ xưa đã nói về một người “con của một vị thần” được sinh ra bởi một trinh nữ, người này đã đến trên thế gian, đã chết, đã sống lại từ cõi chết. Vì vậy, “mầu nhiệm về Giêsu” sau này được coi như không gì khác hơn là một bản sao.

Ngược lại, từ những Kitô hữu trỗi vượt như C.S. Lewis, tôi đã học thấy rằng những so sánh giữa Kitô giáo và dân ngoại phải được hiểu như một cách chuẩn bị cho Phúc Âm - Con đường của Thiên Chúa đã ban cho, ngay cả các dân ngoại một dấu chỉ (Lewis gọi những dấu hiệu báo trước là “những giấc mơ lạ”) về một tương lai vinh quang mà một ngày nào đó sẽ là của chính họ.

VỀ MỤC LỤC

CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ KIỆT TÁC PHẨM “ PIETÀ” CỦA THIÊN TÀI MICHELANGELO...



Người viết nhận thấy pho tượng này rất được ưa thích và đặc biệt rất nhiều phiên bản được đặt tại khuôn viên của nhiều khu vực lưu giữ tro cốt của bà con giáo dân...nên gom góp đôi ba điều nhằm chia sẻ và giúp chúng ta có được những gẫm suy mỗi lần đến viếng thăm thân nhân và chiêm ngưỡng pho tượng...

Pho tượng do chính tay thiên tài nghệ thuật Michelangelo điêu khắc được đặt trang trọng trong Vương Cung Thánh Đường thánh Phê-rô ở Vatican – Roma...

Hồng y người Pháp Jean Billheres muốn có một pho tượng để đặt trên phần mộ của mình và đã thuê một thanh niên thực hiện pho tượng ấy...Anh chàng thanh niên 23 tuổi đã miệt mài ròng rã suốt hai năm trời (1498-1499) trên khối đá cẩm thạch Carrara, Tuscany để rồi cuối cùng hoàn thành pho tượng có tên gọi là Pietà...và anh chàng thanh niên nghệ sĩ ấy chính là Michelangelo (1475-1564) – con người tiếng tăm của nghệ thuật thời Phục Hưng...

Pietà – hiểu theo ngôn ngữ phương Đông – có nghĩa là “Từ Bi”...Thế nhưng tên thường được gọi ở Việt Nam là “Đức Mẹ Sầu Bi” – có lẽ là vì “sự kiện” ông Giuse A-ri-ma-thi-a hạ xác Chúa Giê-su từ trên Thánh Giá và trao cho Đức Mẹ (Gio 19 , 38 – 39) cũng như cái lý do ban đầu pho tượng được thực hiện là nhằm đặt để tại một lăng mộ...Thật ra thì có rất nhiều tác phẩm hội họa cũng như điêu khắc diễn tả biến cố nhiều cảm hứng này như “Pietà” – phiên bản bằng gỗ của Vesperbild Schwaben, tranh “Pietà” của họa sĩ Luis de Morales, tượng gỗ “Pietà” của Gregorio Fernandez...Và hầu hết các phiên bản này đều tập trung diễn tả sự bi thương,

thống thiết về cảnh Đức Maria ôm xác Chúa Giê-su sau khi xác của Người được hạ xuống từ cây Thập Tự...Nghĩa là diễn tả cách tự nhiên nỗi đau của một người Mẹ với cái xác lạnh ngắt của đứa con duy nhất mà mình đứt ruột sinh ra – một điều gì đó rất thật đối với con người ở trong tình huống như vậy...Tuy nhiên “Pietà” – nguyên tác của Michelangelo - thì không phải là như thế...Ông muốn diễn tả sự “siêu thoát” của những con người thuộc “thế giới siêu nhiên” ngay khi còn mang thân xác người phàm...

Từ một khối đá vô hồn, Michelangelo đã đẽo gọt nó thành một tác phẩm nghệ thuật sống động trong từng chi tiết :

Khuôn mặt Đức Maria trong sáng, tươi trẻ - như chỉ mới đôi mươi – ôm xác Chúa Giê-su trong lòng với tư thế ngồi vững chãi, và gương mặt toát lên vẻ đẹp thánh thiện, thanh thản, hoàn toàn không lộ vẻ bi thương, sầu thảm...Y phục của Mẹ được nắn nót từng nếp gấp sống động như được may bằng một thứ lụa mềm mại...Tất cả những diễn tả ấy của Michelangelo là để nói với muôn người thuộc muôn thế hệ rằng : khi con người sống trong ý muốn của Thiên Chúa thì họ luôn luôn tươi trẻ, năm tháng cũng như những biến cố không ảnh hưởng gì đến họ...



Cánh tay Chúa Giê-su thả lỏng buông bỏ, khuôn mặt Người thanh thản, yên bình như đang say ngủ, thậm chí trên môi như còn vãn vương một nụ cười nhẹ nhàng chưa tắt, cơ thể cân đối với những múi thịt vạm vỡ của một chàng trai ở tuổi thanh niên...Michelangelo diễn tả cái chết của Chúa trong xác phàm là để thể hiện công cuộc cứu rỗi con người và mang hy vọng lại cho nhân loại...Người chết cái chết của Vị “Thiên – Chúa – Làm – Người” để đưa con người vào thế giới của Thiên Chúa...chứ không là sự đau khổ của tuyệt vọng...

Vậy đây, trong cái nhìn siêu thoát và chiêm nghiệm, Michelangelo muốn nói với chúng ta rằng Đức Maria không “sầu bi” như chúng ta tưởng, nhưng Ngài luôn luôn là một trinh nữ với vẻ đẹp trinh khôi, trong trắng...Sự bình thản của Ngài thể hiện sự chấp nhận với một đức tin mạnh mẽ vào Ý Muốn của Thiên Chúa Cha – Đáng đã hoạch định công trình cứu chuộc bằng cái chết của Đức Giê-su – Con Thiên Chúa và cũng là Con của Ngài...Khi biến cố hạ xác Chúa từ trên Thập Tự...thì có lẽ tuổi của Đức Maria cũng xấp xỉ ngũ thập...Thế nhưng Michelangelo

vẫn muốn giữ khuôn mặt mười tám đôi mươi của Ngài là để nói với chúng ta rằng : con người – khi ở trong sự toàn hảo – thì không có tuổi, hay nói cách khác thời gian không còn là vấn đề đối với các ngài...

Đức Giê-su – sau ba ngày trong mộ - đã trỗi dậy...Trong tư duy của Michelangelo thì cái chết của Người chỉ là sự từ bỏ nhục thân, lấy sự đau đớn của chính mình làm giá mang lại sự sống cho nhân loại...

Có tác giả bảo rằng : chữ Pietà có nghĩa là “đáng tiếc” - hàm chứa ý nghĩa về sự đáng tiếc vì con người đã phạm tội và Đức Giê-su đã phải chết...Bản thân người viết thì vẫn thích gọi Pietà là Từ Bi – Đức Mẹ Từ Bi, bởi vì thương nhân loại nên Ngài sẵn sàng đón nhận thiên ý từ Chúa Cha dành cho Con của Ngài, vì Từ Bi...nên Ngài bằng lòng trao tặng cho chúng ta Người Con lạnh giá từ Thập Tự, và cũng vì Từ Bi...mà Đức Giê-su – sau khi được đưa xuống từ Thập Tự - đã an bình trong giấc ngủ say của sự mãn nguyện vì thiên ý của Chúa Cha được thực hiện trọn vẹn – giấc ngủ với môi cười nhè nhẹ vẫn vương...

Tuần này người viết được sắp xếp ở lại bệnh viện theo dõi chuyện đường huyết lên lên / xuống xuống...nên có dịp đi thăm Đức Mẹ trong khu vực nhỏ bé dành cho Ngài...Có lẽ do trước đây trong bệnh viện có một nhà nguyện và một ngôi chùa...Nay thì người ta dùng hai nơi ấy cho một công việc khác...Tuy nhiên người viết thấy họ dành một chỗ - nhỏ thôi – nhưng có người chăm sóc, quét dọn hằng ngày...nên lúc nào cũng khói hương, nến cháy và nhiều những giỏ hoa tươi...Dù sao, Chúa và Mẹ vẫn ở giữa những con người bệnh hoạn, đau khổ...và cả khốn cùng nữa...Pho tượng là tượng “Đức Mẹ phù hộ các giáo hữu”...



nơi lưu giữ tro cốt của các ngài, chiêm ngưỡng phiên bản của kiệt tác phẩm Pietà, chúng ta tin tưởng rằng : cũng như Chúa và Đức Mẹ, các linh hồn sẽ được ở trong một thế giới của sự trẻ trung, tươi mát và thanh thản...

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

[VỀ MỤC LỤC](#)

CARBOHYDRAT

Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp, với truyền thống văn hóa Lúa Nước, nên cơm gạo là thực phẩm chính. "*Cơm ăn mỗi bữa mỗi thương*". Vì thế khi nói đến bữa ăn là người mình dùng

hai chữ "ăn cơm". *Xin mời các cụ ở lại dùng bữa cơm nhạt với nhà chúng cháu*" hoặc *"Rước ông bà lên soi cơm ạ"*.

Gặp nhau vào buổi trưa, buổi tối, ta thường hỏi thăm xem: *"Bác đã ăn cơm chưa"*. Lưu tâm về sức khỏe thì ta thường hỏi ăn được mấy bát cơm chứ không hỏi ăn được mấy lạng thịt, mấy bó rau.

Cơm đã đi vào con người Việt Nam từ mấy tháng sau khi ra khỏi dạ con của mẹ hiền:

"Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,

Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương".

Tới khi mãn phần, con cháu cũng còn nhớ *"các ngày giỗ tết cúng cơm các Cụ"*.

Mà cơm là từ gạo. Gạo nàng hương, gạo cẩm, gạo ba trắng, gạo dự, gạo ré, tám xoan, gạo trắng, gạo đỏ, rồi gạo chiêm, gạo mùa ...

Gạo nằm trong nhóm chất dinh dưỡng Carbohydrat với hai thành phần chính là tinh bột và đường.

Về phương diện hóa học, carbohydrat gồm có các phân tử carbon, hydrogen và oxygen. Đa số carbohydrat do thực vật cung cấp và là một trong những chất dinh dưỡng căn bản của con người. Đó là chất đạm, chất béo và Carbohydrat.

Đường và tinh bột sẽ được cơ thể chuyển hóa ra các chất *glucose, fructose, galactose*. Glucose lưu thông trong máu và cung cấp năng lượng cho các tế bào. Khi tế bào không dùng hết thì glucose sẽ được chuyển hóa thành glycogen và được tồn trữ trong bắp thịt và gan hoặc được chuyển hóa thành mỡ.

Khi đường trong máu xuống thấp, tuyến tụy sẽ tiết ra một loại hormon là Glucagon để chuyển glycogen trở lại thành glucose.

Phân loại carbohydrat.

Carbohydrat được chia ra làm hai loại tùy theo cấu trúc hóa học và khả năng tiêu hóa.

1-Carbohydrat dạng Đơn: Nhóm này chủ yếu là các loại đường đơn.

Gọi là đơn vì chất dinh dưỡng này có cấu trúc hóa học đơn giản nhất, chỉ có một phân tử đường. Đường mà ta thường dùng là một ví dụ.

Đường thiên nhiên có nhiều tên, nhiều dạng như là fructose, glucose (còn gọi là dextrose) maltose, lactose và cồn (alcohol) sorbitol và xylitol. Đường thiên nhiên có trong trái cây, rau, sữa và rất dễ tiêu hóa

Đường trong kẹo bánh, cereal ngọt, nước uống chế biến và đường trắng cung cấp năng lượng nhưng không có chất dinh dưỡng (empty calories).

2- Carbohydrat dạng Phức Hợp:

Nhóm này có hai dạng chính là tinh bột (starch) và chất xơ (fiber).

Gọi là phức hợp vì chúng là phân tử lớn với nhiều chuỗi hóa học, cần được tháo gỡ trước khi tiêu hóa.

Có ba loại carbohydrate chính:

a-Ngũ cốc hoặc hạt của các cây lương thực như thóc gạo, mỳ (wheat), ngô, lúa mạch (barley), lúa mạch đen (rye), kê (millet), yến mạch (oats).

b-Nhóm thứ hai rất quan trọng là loại hạt đậu (pea, bean) vì chúng có nhiều chất đạm. Nếu vì lý do nào đó mà ta cần giảm đạm động vật, có thể dùng thêm đậu để có đủ chất đạm cho cơ thể.

c-Nhóm củ như khoai ta, khoai tây.

Carbohydrat là nguồn thực phẩm chính của dân chúng, ngoại trừ ở một số quốc gia phát triển, nơi đây họ tiêu thụ nhiều chất đạm, chất béo động vật.

Một gram carbohydrat cho 4 Kcalori.

Carbohydrat là nguồn cung cấp đường glucose quan trọng cho cơ thể. Não bộ và hệ thần kinh hoạt động được là nhờ năng lượng do glucose cung cấp.

Những năm gần đây, ta thấy chế độ dinh dưỡng giảm carbohydrat, tăng thịt được quảng bá rộng rãi với mục đích tránh béo phì, vì có ý kiến cho rằng béo là do ăn nhiều carbohydrat. Tuy nhiên cũng có nhiều người không đồng ý với phương pháp này. Thực ra chỉ mập phì khi vừa ăn nhiều tinh bột và mỡ béo hoặc ăn tới mức mà cơ thể không tiêu thụ hết thì nó sẽ biến thành mỡ. Muốn giữ mình cho khỏi mập phì, ta nên hạn chế lượng carbohydrat ở mức 50-60% tổng số năng lượng mỗi ngày, trong đó chỉ 10% là đường trắng.

Thực phẩm giàu carbohydrat liên hợp lại chứa nhiều chất bổ như sinh tố, khoáng chất và đôi khi còn có nhiều nước và chất xơ. Một vài loại rau đậu còn chứa cả chất đạm.

Ngoài giá trị dinh dưỡng và cung cấp năng lượng, carbohydrat còn có công dụng hạ cholesterol trong máu, làm giảm nguy cơ bệnh tim, vữa xơ động mạch, ung thư ruột già, ung thư vú và một số bệnh tiêu hóa khác. Đó là nhờ thành phần chất xơ của cám gạo

Bảng dưới đây cho biết lượng carbohydrat có trong một số thực phẩm thông thường:

Thực phẩm	Lượng carbohydrat (gr)
Gạo nếp (100g)	74,9
Gạo tẻ (100g)	76,2
Chuối: một trái cỡ trung bình	24
Táo một trái cỡ trung bình	24
Bánh mì, một lát	19
Mì sợi	74
Đậu phụng	15,5
Nho khô	11
Xì dầu đậu nành, 1 muỗng canh	1,7
Dưa hấu	2,7
Khoai tây	32
Khoai lang	28,5
Khoai mì	36,4
Mật ong một ly 240ml	27,9
Cà rem một ly	27
Xoài một quả	39
Cam một quả	16

Cám và công dụng

Cám (Bran) là vụn của lớp màng mỏng màu nâu bọc ngoài hạt gạo, dưới lớp trấu. Cám có nhiều chất xơ, tinh dầu, đạm, sinh tố B, *riboflavin*, *niacin* và các khoáng như sắt, phosphore, potassium. Hiện nay cám gạo đang được các nhà dinh dưỡng nghiên cứu về công dụng trị bệnh.

Vào thập niên 1960, một bác sĩ người Anh, *Dennis P Burkitt*, nhận thấy dân chúng ở nhiều vùng thuộc châu Phi rất ít mắc các bệnh tim mạch, tiêu hóa, ung thư vú, ruột già, dạ con, niếp hệ tuyến. Qua sự theo dõi nghiên cứu, ông nhận ra là người dân ở đó ăn nhiều loại hạt còn để vỏ cám. Ông ta nêu giả thuyết là cám có công dụng giảm thiểu các bệnh kể trên nhờ chứa nhiều chất xơ. Từ đó, dấy lên phong trào dùng thực phẩm có nhiều cám phổ biến khắp thế giới.

Các nghiên cứu cho thấy việc dùng cám có ưu điểm nhưng cũng có mặt bất lợi cho sức khỏe. Chất xơ trong cám lúa mì không hòa tan trong nước, khi đi qua ruột sẽ hút nhiều nước làm cho phân lớn mềm, dễ bài tiết ra bên ngoài. Nhưng dùng nhiều quá thì nó lại gây ra đầy bụng, no hơi.

Có nghiên cứu cho rằng cám lúa mì có thể làm giảm nguy cơ viêm ruột già. Chất xơ trong cám yến mạch (oat) hòa tan trong nước, dính với nhau, có công dụng làm giảm *cholesterol* trong máu và giúp chuyển hóa đường *glucose*, giảm nhu cầu *insulin* cho cơ thể. Còn cám gạo thì cũng có công dụng giảm cholesterol trong máu nhờ chất xơ không hòa tan trong nước và chất dầu bất bão hòa nằm trong nhân của hạt gạo.

Cám bên ta thường được dùng để nấu thức ăn cho heo, cho lợn (cám lợn gồm có bèo ta hoặc bèo Nhật Bản và cám) hoặc để cho gà cho ngựa ăn.

Nói chung, bổ sung các loại cám vào thực phẩm có thể giúp giảm cân vì ăn vào mau no nên bớt được ăn quá nhiều các món ăn khác. Tuy nhiên, dùng quá nhiều cám có thể đưa đến giảm hấp thụ các khoáng calcium, sắt, kẽm, magnesium ở ruột; làm tắc nghẽn ruột hoặc làm trầm trọng thêm các bệnh đường ruột.

Gạo

Ta cần phân biệt:

-Lúa là cây còn mọc ở ngoài đồng sau khi được gieo mạ, cấy lúa;

-Thóc là những hạt lúa đã được lấy khỏi cây lúa; và

-Gạo là phần ăn được của thóc sau khi xay bằng cối xay, giã trong cối giã gạo (xay thóc, giã gạo).

Ngày nay, người ta cho thóc vào máy cơ khí, chạy ào một lúc là được những hạt gạo trắng tinh, ăn mềm hơn nhưng lại mất đi một số sinh tố trong màng bao bọc gạo.

Gạo là thực phẩm chính của nửa dân số trên thế giới. Tại nhiều quốc gia, gạo được ăn hai bữa chính mỗi ngày và đôi khi được coi như một nguồn cung cấp chất đạm. Chẳng hạn ở Việt Nam, Trung Hoa, mỗi ngày dân chúng ăn cơm nhiều gấp đôi ở các nước Âu Mỹ.

Người mình coi cơm quý giá như bà mẹ ruột, trong câu ví dân gian

"*Cơm tẻ, mẹ ruột*" hoặc
"*Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi, Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già*",
và "*Người sống vì gạo, cá bạo vì nước*"...

Gạo có nhiều lợi điểm:

- Có nhiều sinh tố, khoáng, đậm lại hầu như không có chất béo và rất ít muối;
- Dễ tiêu, không gây dị ứng, thích hợp cho mọi lứa tuổi từ già tới trẻ;
- Cách nấu nướng cũng giản dị, giá tương đối rẻ và việc cất giữ không khó khăn cầu kỳ.

Việt Nam ta có hai mùa lúa chính là vụ chiêm và vụ mùa.

Chiêm là cấy khi thời tiết bắt đầu ấm áp, sau TẾT và thu hoạch vào tháng 5 tháng 6. Mùa là vụ gieo cấy vào mùa mưa và thu hoạch vào cuối mùa mưa tháng mười.

"*Chiêm khô, mùa thối*" cũng ảnh hưởng tới gạo: Gạo chiêm nấu cơm không nở bằng gạo mùa. Ngoài ra còn các vụ Đông- Xuân và Hè-Thu tùy theo điều kiện thời tiết địa phương và phương pháp canh tác mới.

Việt Nam có nhiều loại gạo khác nhau: gạo ba giăng cấy ba tháng đã gặt được; ba thất của miệt Hậu Giang; gạo cẩm màu nâu sẫm để nấu rượu cẩm uống vào dịp Tết; gạo ré là một loại gạo mùa nhỏ hạt cơm ngon; gạo dự thơm, dẻo ngon được nhiều người quý; gạo tám thơm, tám xoan, Nàng Hương chợ Đào (*Gạo Cần Đức, nước Đồng Nai*) ...

Trên thị trường có gạo tẻ hạt dài, hạt ngắn và trung bình.

Chuyên gia Canh Nông Wallace Yokoyama lại cho là có 4 loại gạo: gạo hạt dài, trung bình và ngắn với chỉ số đường huyết thấp và gạo nếp sweet/sticky rice có CSDH cao hơn gạo tẻ. Gạo trắng có CSDH cao hơn gạo nâu brown rice hoặc gạo lức.

Với hạt dài, cơm rời và sốp rất tiện lợi cho việc nhồi gà, nhồi cá hoặc làm cơm rang. Cơm gạo hạt ngắn, đôi khi gọi là hạt tròn, thì dính với nhau.

Gạo nếp để nấu xôi, làm bánh chưng, bánh dày; gạo tẻ hạt nhỏ hơn nếp, là gạo nấu cơm hàng ngày hoặc chế biến thành bột làm bánh đa, bánh cuốn, bánh đúc, bánh canh...

Gạo tám xoan đã đi vào văn học dân gian với

"*Gạo tám xoan, chim ra ràng, gái mấn tang, gan gà giò*" nói lên những món ăn ngon và người phụ nữ sung mãn, giàu tình cảm sau thời gian tiết chế, đoạn tang chồng.

Hoặc

"*Tiệc thay hạt gạo tám xoan; Thổi nôi đồng điệu, lại chan nước cà*".

Vâng, gạo thơm quý như vậy mà nấu với nôi đồng nguyên chất thì cơm nhão mà lại ăn với nước cà muối vừa chua vừa chát thì cũng phí đi.

Gạo lức là gạo xay mà không giã còn lớp vỏ bọc nên có nhiều sinh tố, đặc biệt là sinh tố E; nhiều đạm, phosphore, potassium. Gạo-lức-muối-mè đã được coi như một phương thức dưỡng sinh ăn uống, gìn giữ sức khỏe.

Vì không có cám nên gạo trắng nấu cơm mau hơn và để dành được lâu hơn gạo đỏ.

Xin giải thích thêm về **Chỉ số Đường huyết (Glycemic index)**.

Chỉ số đường huyết là khả năng mà một loại thực phẩm chứa carbohydrate có thể nâng cao glucose trong máu và duy trì mức độ cao này trong vòng 2 giờ sau khi ăn và trước khi có phản ứng điều hòa đường huyết của cơ thể.

Chỉ số tùy thuộc vào **tốc độ chuyển hóa carbohydrate ra glucose** chứ không tùy thuộc số lượng Carbohydrate trong món ăn đó. Các loại thực phẩm chứa carbohydrate có chỉ số đường huyết khác nhau. Chẳng hạn gạo có chỉ số từ 54 tới 132 còn khoai tây từ 67-158.

CSDH càng thấp càng có lợi cho một số bệnh nhân. Chẳng hạn người mắc bệnh tiểu đường cần sử dụng thực phẩm có CSDH thấp để tránh đường huyết vọt lên quá cao.

Theo bác sĩ David S. Ludwig, liên tục tiêu thụ thực phẩm có CSDH cao có thể tăng rủi ro mập phì, tiểu đường loại 2 và bệnh tim.

a-Thực phẩm có CSDH cao:

Bánh, bún, cơm, hạt ngũ cốc Cereal, thực phẩm nướng (bánh nướng) Baked goods

b-Thực phẩm có CSDH thấp:

Trái cây rau, các loại hạt còn nguyên Whole grains, đậu Legumes, mảnh bắp corn flakes (92), khoai tây nghiền mashed potatoes (74), bánh gối tròn doughnuts (76), bánh trắng white Bread (73), táo (38), hạt đậu khô dried beans (30), đậu lentils (30).

Nấu cơm

Nấu cơm ngon cũng là một nghệ thuật cần nhiều kinh nghiệm. Ngày xưa, người thiếu nữ nào mà nấu cơm "trên sống dưới khe" thì có thể cô đơn suốt đời. Nhiều địa phương ở nước nhà vẫn còn duy trì tục lệ thi nấu cơm.

Trước khi nấu cơm, nhiều người thường mang gạo ra vo với nước để loại bỏ sạn, trấu. Nước vo gạo được giữ để nấu cám cho lợn hoặc ngâm ốc cho nhả hết đất cát, chất nhờn.

Ngày nay, gạo xay bằng máy, mất bớt chất dinh dưỡng, nên thường được tăng cường ba loại sinh tố B và sắt. Cho nên, để khôi phục dinh dưỡng, cũng không cần vo đãi vì sau khi chạy máy, gạo được cho vào túi kín, không lẫn bụi cát. Nhưng nếu gạo không gói kín thì cần rửa qua cho sạch bụi.

Muốn có cơm dẻo, nước phải cho vừa đủ theo từng loại gạo chiêm, mùa, mới cũ và theo kinh nghiệm cá nhân của từng người.

Nhiều người cho là đun nước cho sôi rồi mới đổ gạo vào nấu, thì cơm mới dẻo, mới ngon. Bây giờ, với nồi cơm điện, nước và gạo đều cho vào cùng lúc cho đơn giản. Vậy mà cơm cũng ngon dẻo để và nếu muốn ăn cháy, chỉ việc bấm điện "on-off" nhiều lần là có ngay những miếng cháy vàng ngon.

Cơm nồi đất ngon hơn nồi đồng, nồi nhôm. Cơm cháy nồi đất cũng thơm bùi hơn nhất là khi nồi cơm được ủ với rơm âm ỉ cháy.

Khi nồi cơm sôi được ít phút, nhiều bà mẹ chặt bát nước cơm để dành cho con thơ hoặc bố mẹ già rụng hết răng uống. Nước cơm chặt đặc quánh có rất nhiều chất bổ dưỡng.

Hương vị và giá trị dinh dưỡng của cơm gạo đã được diễn tả rất đầy đủ, như là:

" *Cơm trắng ăn với chả chim,
Chồng đẹp vợ đẹp, những nhìn mà no*"

hoặc ví von:

" *Cơm chín tới, cải vòng non,
Gái một con trông mơn con mắt*"

hoặc bữa ăn

"*Thùng nồi trôi rế*" với
"*Có cá đổ vạ cho cơm*"...

Bánh mì

Ở quê hương mình khi xưa nhiều người quen gọi bánh mì là bánh Tây. Đó là vì bánh mì do người người phương Tây mang vào. Được mời ăn lần đầu, mấy anh bạn "nhà quê" thấy ruột bánh tây lỗ chỗ như tổ ong bèn không ăn, chê là *bánh tây có mọt*.

Bánh làm từ bột mì, đã được phổ biến từ thời tiền sử như là món ăn chính của nhiều vùng trên trái đất.

Với Thiên Chúa Giáo, trong Bữa Ăn Cuối Cùng, Chúa Jesus bẻ bánh chia xẻ với môn đồ là nói lên ý nghĩa của lòng vị tha.

Người Ai Cập cổ xưa đã khám phá ra phương thức làm bánh mì bằng cách để bột gạo lên men, làm cho bột nổi lên. Ngày nay men vẫn còn được dùng và bánh lên men có thêm một số sinh tố, dưỡng chất do các vi khuẩn nấm men sinh ra.

Từ năm 1790, người Mỹ nghĩ ra cách làm bột nhào nổi phồng lên bằng hóa chất baking soda. Hóa chất này được thông dụng khắp nơi trên thế giới, vì rút ngắn được thời gian làm bánh.

Làm bánh tương đối giản dị: chỉ cần nghiền hạt mì ra bột, trộn với nước và vài chất xúc tác như men, baking soda, chất bột nổi cho nhào, đổ khuôn rồi bỏ lò. Nhiều khi, để có hương vị đặc biệt, bột còn được trộn thêm với sữa, la de, nước trái cây, đường, mật ong, bơ, trứng, trái cây khô

Bánh mì chứa nhiều tinh bột, đạm, một số khoáng chất như sắt, calci, và các sinh tố B1, B2, B3 nhưng thiếu các sinh tố C, B12, A và D. Tuy nhiên, một phần các chất dinh dưỡng này bị mất đi trong việc chế biến cho nên bánh mì ngày nay thường được các nhà sản xuất bổ sung các chất này.

Một lát bánh mì (25g) cung cấp khoảng 70 calori.

Bánh mì tự nó không làm mập, trừ phi chúng ta dùng kèm với bơ, margarine hoặc các chất béo khác.

Kết luận

Vào năm 1858, linh mục E Boilleveaux có viết trong sách Cuộc hành trình sang Đông Dương, rằng:

"Bên An Nam, dân chúng không biết bánh mì, bơ sữa là gì. Thực phẩm chính của họ là cơm ăn với cá tươi, cá khô ướp với nước mắm".

Vâng, cơm gạo là thực phẩm chính của con dân chúng mình:

*"Đói thì thêm thịt thêm xôi,
Hết no cơm tẻ thì thôi mọi đường".*

Khái niệm ăn uống thiên về tinh bột cộng với chất đạm trong cá mủ của người dân ta thế mà có căn bản khoa học và cũng biết phối hợp, đa dạng như ai. Chẳng thế mà ngày nay, y khoa học phương Tây đã "bắt chước, áp dụng" theo. Họ chẳng đã khuyên rằng, trong khẩu phần ăn hàng ngày, Carbohydrat nên chiếm từ 50%-60% tổng số năng lượng; đạm và chất béo lãnh phần còn lại.

Ai bảo Đông Tây chẳng gặp nhau, chẳng cùng có ý kiến tốt như nhau và chẳng hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

GỖ ĐẦU TRẺ

LỜI TẠM BIỆT:



Quán trọ đời chân trần nay đã mỗi,
Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,
Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...
"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.
Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương, xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

GÕ ĐẦU TRỀ *Chuyện phiếm của Gã siêu.*

Không hiểu ở bên nớ thế nào, chứ còn ở bên ni thì cứ vào giữa tháng 11, giới học trò lại lao xao lên phương án cho một ngày, được gọi là ngày nhà giáo, ngày tết của các thầy cô. Đó là ngày 20 tháng 11.

Đây là cơ hội để tôn vinh và tưởng nhớ đến công ơn của các thầy cô, những người đã hy sinh cuộc đời cho thế hệ tương lai, như lời cổ nhân đã dạy :

- Nhất niên chi kế mạc thụ cốc, thập niên chi kế mạc thụ mộc, bách niên chi kế mạc thụ nhân. Có nghĩa là kế một năm không gì bằng trồng lúa, kế mười năm không gì bằng trồng cây, kế trăm năm không gì bằng trồng người.

Chả thế mà Viện Đại học Công giáo tại Đalat ngày xưa đã lấy cho mình cái huy hiệu cây thông xanh với hai chữ : thụ nhân.

Trong ngày vui ấy, học trò ríu rít tặng hoa, tặng quà cho các thầy cô. Nhà gã ở cạnh trường và có được một vườn bông nho nhỏ, quanh năm ra sức chăm sóc. Thế nhưng, vào ngày này, thế nào cũng được xấp học trò chiếu cố, kéo đến và...vật trụ. Tuy nhiên nhìn vào những khuôn mặt hớn hở, những cặp mắt ngây ngô và những bước chân tung tăng... gã cũng cảm thấy vui lây vì mình đã làm được một việc tốt lành và hữu ích cho tuổi thơ vùng khỉ ho cò gáy này.

Chính vì lẽ ấy, mà lịch năm thánh tại Việt Nam cũng đã ăn theo, chọn ngày này để cầu nguyện cho các thầy cô. Còn gã thì chỉ xin ăn ké, lợi dụng nước đục thả câu, để tán đồng tái dãi về đề tài này tí chút.

Ngày xưa có những chú bé, đầu còn để chỏm, thế mà cũng đã mong vào “tràng la tinh”, tức là vào chủng viện với ước mơ được làm...cha. Sở dĩ như vậy chỉ vì các cha được ăn bánh tây, ở nhà tây, đi giày tây và ra tới ngõ đều được bàn dân thiên hạ, bất kể già trẻ lớn bé, khoanh tay cúi đầu chào :

- Con xin phép...lạy cha ạ.

Những chú bé ấy cũng như các tông đồ, mặc dù đã theo Chúa, nhưng vẫn còn mang nặng đầu óc xôi thịt, muốn được làm lớn và được ngồi bên tả bên hữu trong vương quốc của Chúa, theo kiểu vinh thân phì gia, một người làm quan cả họ được nhờ. Thế nhưng, với sự trợ giúp của ơn Chúa, với sự hướng dẫn của các bề trên, ước mơ lúc ban đầu tuy vẫn đục, nhưng dần dần được thanh lọc để rồi kết tinh thành lý tưởng dẫn thân phục vụ.

Ngày nay, nhiều cô cậu học trò khi được hỏi về nghề ngỗng tương lai, cũng đã trả lời :

- Lớn lên, em sẽ làm cô giáo.

Đây quả là một chọn lựa can đảm bởi vì giữa thời buổi xô bồ, đang lúc mọi người nhăm mắt chạy theo dòng chảy của tiền bạc mà lại đi chọn lựa nghề giáo, một nghề nghèo rớt mùng tơi, thì chỉ có thể là anh dũng hay đại khờ mà thôi.

Cũng như chú bé “nhà tràng”, nhiều cô bé đã vô tư ươm mơ làm cô giáo, chỉ vì mỗi khi ra đường đều được mọi người gọi là cô, lúc nào cũng áo quần bảnh bao, đồng thời còn nhận được rất nhiều quà trong những dịp lễ tết.

Gã còn nhớ, hồi bé lúc ở bậc tiểu học, năm nào cũng được đi tết thầy. Bởi vì như các cụ đã từng dạy con cháu :

- Mồng một tết cha, mồng hai tết chú, mồng ba tết thầy.

Đồ lễ của mỗi đứa là ba trái trứng gà, được mẹ túm cẩn thận trong một chiếc khăn. Cả lớp mấy chục đứa nên trứng chắt đầy cả một cái chum và thầy cứ việc xơi trứng đến một xiu. Rồi thay đứa nào bị vấp ngã làm bể trứng thì chỉ có nước đứng khóc hu hu dọc đường mà thôi. Được thầy xoa đầu, lì xì cho tí tiền còm hay một cái kẹo, cũng đã vội chạy về khoe với bu.

Tuy nhiên, nghề nào thì cũng có mặt phải và mặt trái, niềm vui và nỗi buồn của nó. Vậy niềm vui của nhà giáo là gì ? Gã xin thưa : Niềm vui thứ nhất, đó là thầy cô đã góp phần vào việc hướng dẫn và đào tạo các em trở nên những con người hiểu biết và hữu ích.

Thực vậy, nhờ thầy cô mà chúng ta biết đọc biết viết, biết cộng trừ nhân chia và biết mở ra thế giới bên ngoài... Nhờ thầy cô mà chúng ta biết rèn luyện nhân cách để thăng tiến bản thân. Chính vì thế mà người ta vốn gọi thầy cô là nhà kỹ sư của tâm hồn, vì không thầy đồ mày làm nên.

Niềm vui thứ hai, đó là thầy cô đã góp phần vào việc xây dựng xã hội.

Thực vậy, nếu yếu tố con người là tiền vốn đầu tư cho đất nước, thì tuổi thơ cũng chính là tương lai của quốc gia. Đào tạo các em trở thành những người hiểu biết và hữu ích là các thầy cô đã làm cho quê hương này được phát triển và đi lên phơi phới, chẳng mấy chốc mà hóa kiếp thành rồng lớn, rồng nhỏ, dễ như trở bàn tay. Chính vì thế mà người xưa cũng đã bảo :

- Lương sư hưng quốc. Có nghĩa là thầy giỏi thì nước mạnh.

Do bởi những đóng góp này mà nhà giáo luôn được trọng kính ở mọi nơi và trong mọi lúc. Ngày xưa cũng như hôm nay. Bên đông cũng như bên tây.

Ở Việt Nam, nền luân lý mang nặng ảnh hưởng của Khổng giáo. Và theo Khổng giáo, thì trong xã hội có ba hạng người chúng ta phải kính phải trọng, đó là quân sư phụ, vua thầy và cha. Cho dù người thầy ấy chỉ dạy chúng ta được có một chút xiu, bởi vì :

- Nhất tự vi sư, bán tự vi sư. Một chữ cũng là thầy và nửa chữ cũng là thầy.

Từ đó chúng ta thấy “tôn sư trọng đạo” kính thầy và mộ đạo vốn là một nét đẹp của truyền thống dân tộc.

Ở bên Tây cũng vậy. Người ta thường bảo :

- Phải trọng kính thầy cô hơn cả cha mẹ, bởi vì cha mẹ trao ban cho chúng ta sự sống, còn thầy cô chỉ vẽ cho chúng ta cách sống tốt đẹp.

Gã còn nhớ hồi nhỏ có được học một bài về lòng nhớ ơn thầy. Bài này kể lại hình như ông Carnot, sau khi đã gạt hái những thành công rực rỡ trên đường đời, ngày kia ông trở về thăm quê cũ, mọi người trong làng ra nghênh đón ông một cách trọng thể và coi ông như là một vị anh hùng của dân tộc.

Thế nhưng, vừa đến đầu làng, ông đã vội vàng xuống ngựa, chạy thẳng tới và ôm hôn một cụ già, khiến cho cụ già ấy vô cùng xúc động. Cụ già ấy chính là thầy giáo trường làng, đã từng dạy cho ông những bài học vỡ lòng, khi ông cắp sách đến trường. Ông nói lớn cho mọi người cùng nghe :

- Chính nhờ thầy mà tôi được như ngày hôm nay.

Như trên gã đã phát biểu thật hách xì xăng :

- Phàm bất cứ nghề ngỗng nào trên đời thì cũng có mặt phải và mặt trái, niềm vui và nỗi buồn. Vậy nỗi buồn của nhà giáo là như thế nào ?

Rất tiếc, nghề ngỗng của gã không phải là nghề gõ đầu trẻ, thành thử vốn liếng kinh nghiệm tích lũy chẳng được bao nhiêu. Thôi thì cứ việc giương mắt ếch mà nhìn, thấy cái gì, viết cái ấy. Lỡ có thêm tí mắm muối, hành tỏi để được đậm đà, thì cũng mong bàn dân thiên hạ thông cảm, chứ đừng cho nhà báo...nói láo ăn đòn đấy nhé.

Phàm làm bất cứ công việc gì trên thế gian thì vấn đề đầu tiên bao giờ cũng vẫn là vấn đề...tiền đâu ? Qui luật của muôn đời ấy mà ! Không hiểu ở bên tây thế nào, chứ còn ở bên ta, nhà giáo vốn thường được gọi là những người bán cháo phở. Vất vả rất nhiều mà tiền lương ba cọc ba đồng, chẳng được bao nhiêu. Nuôi sống bản thân đã khó, huống nữa là nuôi sống vợ con và gia đình. Vì thế, người ta thường hay diễn tả :

- Nhà giáo húp...cháo mà ăn.

Cũng vì đồng lương ba cọc ba đồng, bụng đói đầu gối phải bò...Và thế là các thầy cô, ngoài giờ đến trường và đứng lớp còn phải kiếm sống thêm bằng những nghề phụ, được gọi là những nghề tay trái.

Có thầy thì đi chạy xe ôm. Thế nhưng, chẳng may gặp khách hàng là những cô cậu học trò của mình, thì chỉ còn nước cúi gầm mặt xuống, mong được đăng vân độn thổ như Tôn Ngộ Không trong Tây du ký mà thôi.

Có cô thì mở lớp dạy thêm và thế là bị cuốn theo chiều gió của đồng tiền để rồi cũng mất mát câu học trò. Nào là dạy trước ở của những bài sẽ giảng trong lớp. Nào là khi ngày thi sắp đến thì cắt nghĩa đề cho nhóm nhỏ thân yêu. Vì thế, những em học thêm sẽ cảm thấy khỏe re khi tới lớp, bởi vì thế nào mình cũng sẽ được điểm cao. Nào là những em học thêm sẽ được ưu đãi.

Có một cô bé đã vô tư hỏi mẹ :

- Má à, hôm nay cô chọn năm bạn vào đội học sinh giỏi, nhưng không có con. Sao kỳ vậy hả má, bởi vì năm ngoái con đứng hạng nhì cơ mà.

Rồi hôm qua, đi học về cô bé đã nằm sổng sọt, vừa kể vừa rơm rớm nước mắt :

- Hôm nay cô chọn thêm mười bạn nòng cốt của lớp mà vẫn chẳng có con. Nòng cốt là giỏi phải không má ? Như vậy là con bỗng bị tụt xuống hạng mười sáu, mười bảy rồi còn gì. Con chẳng muốn đi học nữa đâu.

Bống cô bé “à” lên một tiếng. Nó ngồi bật dậy và nói :

- Thôi đúng rồi. Tại con không đi học thêm ở nhà cô đấy thôi. Con nghĩ kỹ rồi. Mười lăm bạn cô chọn, bạn nào cũng đi học thêm hết. Vậy là cô không công bằng gì cả.

Nghe thế, người mẹ như cảm thấy nhói trong lòng vì thực tình, bà không muốn cô bé phát hiện ra điều ấy chút nào, bởi nó xúc phạm người thầy quá.

Mẫu đối thoại này đã được đăng trên báo “Phụ nữ Chủ nhật” làm cho gã cũng phải xót xa. Nếu ngày xưa các cụ ta đã bảo :

- Kim tiền hắc nhân tâm, có nghĩa là vàng bạc làm mờ lòng người.

Thì hôm nay, đồng tiền cũng đã làm mờ mắt một số các thầy cô, để rồi không còn có được thái độ “chí công vô tư”, nhưng ngả bên này, nghiêng bên nọ. Báo chí cũng đã phê phán rất nhiều về nạn “học thêm”, khiến cho các em nhỏ phải học quá sức mình, không còn thời giờ nghỉ ngơi, bởi vì :

- học ngày không đủ, tranh thủ học chiều học tối.

Còn những bậc cha mẹ, dù thương con, cũng phải cố gắng chắt bóp để bắt con cái đi học thêm, bởi vì con người hàng xóm học thêm mà con mình lại không thì cũng chẳng ra làm sao. Hơn thế nữa, để được đẹp lòng thầy cô, không bị trừ dập, thì cũng chỉ có con đường một chiều, đó là học thêm mà thôi.

Tiếp đến, nhân vô thập toàn, đã là người thì ai cũng có những khuyết điểm. Vì thế, thầy cô cũng là người cho nên không tránh khỏi những sai sót của mình. Chính những sai sót này, đôi khi đã tạo nên những bất mãn, những bức bối và làm giảm bớt sự trọng kính đối với các thầy cô.

Gã xin ghi lại nơi đây hai sự việc cũng đã được đăng trên báo “Phụ nữ Chủ nhật”. Sự việc thứ nhất được một bà mẹ bật mí như sau :

Con trai tôi kể chuyện : vào những tiết học toán, cả lớp con không còn là học sinh nữa, mà thành những con bò, còn lừa tất. Cô giáo chỉ vào từng đứa, hét lên :

- Một con bò, hai con bò, cả một lũ bò.

Tôi ngạc nhiên :

- Hôm nọ là bò rồi cơ mà.

Con trai tôi thật thà :

- Lẽ ra là lừa, nhưng chắc là cô quên. Nhưng mà lừa hay bò thì cũng thế cả thôi.

Ngày khác, cháu nói :

- Hôm nay cô giáo con không gọi học trò là lừa hay bò nữa.

Rồi cháu cao giọng bắt chước tiếng cô :

- Ốc của các trò chỉ đáng đem cho heo ăn mà thôi. Sao mà ngu thế không biết.

Em gái cháu cười bò ra, vô tư. Trong lúc tôi đang buồn bã, chưa biết nói gì, thì cháu thở dài :

- Cô gào thét nhiều quá, vừa điếc tai, vừa mất bao nhiêu thời gian học.

Ngược lại, có những cô giáo không hề la hét, mà chỉ nói rất nhẹ nhàng :

- Hình như đầu em chỉ chứa toàn đậu phụ mà thôi, có phải như vậy không ?

Hoặc hạ giọng mỉa mai một cô bé mặc bộ quần áo đắt tiền mà bài không thuộc :

- Em tưởng rằng làm người mẫu thời trang thì chẳng cần phải học. Đúng vậy không ?

Lại có cô điều khiển lớp học bằng cây thước :

- Quên vở hả ? Bốp.

- Không thuộc bài hả ? Bốp.

- Chưa làm bài hả ? Bốp.

Không ai có thể thoát khỏi cây thước của cô, kể cả những học sinh giỏi và ngoan, bởi vì có rất nhiều lý do đáng được ăn thước. Thế là cả tiết học, học trò thấp thỏm chờ đến phiên mình “ăn thước”, cứ căng người lên mà chờ đợi, có được mấy kiến thức chui vào đầu đâu ?

Viết tới đây, gã bỗng nhớ tới một vị thầy đáng kính, rất yêu thương học trò, những cũng vì yêu thương ấy, khiến thầy rất hay chửi bới. Thí dụ, một học trò tên là Thông, chẳng may hôm ấy không thuộc bài, thì liền bị một chầu xỉ vả :

- Tên mày là Thông, mà chẳng thông thái chút nào, cứ thế này thì lớn lên sẽ đi thông cống mà thôi.

Sự việc thứ hai là tự ái quá cao của các thầy cô. Cứ nghĩ rằng mình đứng trên bục giảng là được đặc ân “vô ngộ”, không thể sai lầm, giống y như Đức thánh “Pha Pha” vậy.

Một cô giáo dạy văn, khi biết mình sai về một chữ nào đó, chẳng hạn như “trà đạp” thay vì “chà đạp” đã nói với các em học sinh như sau :

- Cô xin lỗi vì cô đã sai. Các em chữa bài đi, “chà đạp” chứ không phải là “trà đạp” đâu. Cô đã hơn ba mươi năm đứng trên bục giảng và hôm nay một em đã chỉ cho cô thấy mình sai.

Rồi quay sang em đã chỉ ra chỗ sai, cô nói :

- Cám ơn em. Từ hôm nay em có thể nghỉ học ở lớp này vì em giỏi rồi, tôi không còn gì để dạy em nữa. Cả lớp mở vở ghi bài mới.

Lời cám ơn này đã làm cho mọi người chới với và hụt hẫng.

Nỗi buồn còn len lỏi vào cả cách thức giảng dạy. Thực vậy, thế giới và con người không ngừng chuyển biến. Mỗi thời có những đổi thay riêng của nó. Ngày xưa, cách thức giảng dạy có phần nghiêm khắc hơn, bởi vì :

- Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi.

Người tây phương cũng bảo :

- Bác sĩ nghiêm khắc với bệnh nhân thế nào, thì thầy cô cũng phải nghiêm khắc với học trò như vậy.

Gã còn nhớ thầy giáo già dạy lớp mẫu giáo, khi tập đánh vần, lúc nào thầy cũng cầm sẵn một chiếc roi mây, đứa nào nói ngọng hay chữ “r” mà không cong lưỡi lên thì liền bị một roi. Chính nhờ vậy mà bọn gã phát âm tương đối chuẩn.

Còn thầy dạy Pháp văn khi gã ở bậc trung học. Ngày nào thầy cũng khảo bài cả lớp. Và hễ tên nào không thuộc thì lập tức bị thầy phán :

- Hạ mã. Có nghĩa là quì xuống.

Nhờ sự nghiêm khắc ấy mà bọn gã học rất tiến, để rồi bây giờ gã có thể xác quyết :

- Tất cả vốn liếng tiếng “Phăng xe” còn đọng lại cho tới ngày hôm nay, thì hầu hết là do công lao của thầy.

Hiện giờ, cách thức giảng dạy có phần thoải mái hơn. Thầy phải tôn trọng trò. Nếu thầy cho trò ăn đòn, thì không khéo sẽ bị lôi ra ba tòa quan lớn như tại các nước bên tây.

Tuy nhiên, nỗi buồn lớn hơn hết của các thầy cô hôm nay, đó là hình như lòng trọng kính dường như đang bị sút giảm. Mặc dù báo chí vẫn hô hào và phát huy truyền thống “tôn sư trọng đạo”, nhưng trong thực tế, không thiếu gì những sự việc đáng tiếc đã xảy ra.

Thầy giáo tên Cảnh, dạy môn toán, mắc chứng hay la mắng và hù dọa học trò, nhất là khi chúng không thuộc bài. Thế rồi một buổi sáng, khi bước chân vào lớp, thầy nhìn thấy trên bàn một củ hành tây thật to. Hình như bọn học trò này muốn gửi cho thầy một thông điệp. Thông điệp ấy gói gọn trong củ hành tây ấy, bởi vì :

- Củ hành, có nghĩa là Cảnh hù.

Một cô bé khác trả thù thầy như sau : ruộng nhà thầy nằm sát cạnh ruộng nhà cô bé. Và thế là mỗi khi đi làm cỏ, nhổ được cỏ nào, cô bé liền ném sang ruộng nhà thầy...cho bõ tức.

Đúng là nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò. Có những nghịch ngợm dễ thương, những cũng có những nghịch ngợm hỗn láo cần phải lên án. Không thiếu gì những trường hợp trò đã thượng cẳng chân, hạ cẳng tay đối với thầy cô. Cách đây không lâu, báo “Công an Thành phố” có đăng tải một mẫu tin nho nhỏ với tựa đề “Học kém đâm...giận thầy”, đại khái như sau :

“Khu nhà tập thể của giáo viên tại ấp Phú lâm, xã Phú thành B, huyện Tam nông, tỉnh Đồng tháp, từ ngày hai mươi tháng mười một đến ngày mùng bảy tháng mười hai đã ba lần bị cháy. Lần sau cùng, khi ngọn lửa được dập tắt thì khu nhà chỉ còn trơ trọi một đống tro. Toàn bộ quần áo, sách vở, giáo án, sổ liên lạc, bài kiểm tra...đều bị thiêu rụi. Mỗi thầy cô chỉ còn lại duy nhất một bộ quần áo mặc trên người. Trước sự việc nghiêm trọng này, Công an huyện Tam nông quyết làm rõ vụ việc. Thủ phạm là Nguyễn hoàng Nam mới chín tuổi, ở cách khu nhà tập thể chừng năm mét. Nam là con trái út trong nhà, rất lì lợm nhưng luôn được cưng chiều. Trong lớp, nhiều lần Nam không thuộc bài nên bị thầy phạt. Từ đó Nam nghĩ phải...trả thù bằng cách đốt nhà thầy.

Học trò giảm sút lòng trọng kính đã là một sự việc đáng buồn. Thế nhưng, đáng buồn hơn nữa, khi những bậc phụ huynh về hòa với con cái mình mà hành hung và xin “tý huyết” thầy cô. Hay lợi dụng chức quyền mà chửi bới, trù dập thầy cô. Vì bênh con, nhiều bậc cha mẹ đã có những hành động đáng tiếc.

Hôm đó, chẳng hiểu thầy sợ ý hay vì nóng giận đã cho một cậu ấm, con một vị chức sắc mấy thước kẻ. Khi hay biết tin ấy, vị chức sắc kia đã đi dọc theo những con đường làng, vừa đi vừa chửi thầy một cách thậm tệ :

- Nó không dễ, nó không đau, nó dám đánh con cái nhà người ta như thế à. Tiên sư cha nó.

Chắc hẳn là còn nhiều nỗi buồn hơn nữa, nhưng bằng đó mà thôi cũng đủ làm cho gã cảm thấy thấm thía và cay đắng. Trong nghề nhà giáo, có những cái nghịch lý, nhất là các cô giáo dạy ở những lớp nhỏ, chẳng hạn con mình không dạy lại đi dạy con người khác. Những nghịch lý ấy phần nào được diễn tả trong một bài thơ của Đoàn thị Lam Luyện, gã xin mượn tạm và viết ra đây :

- Em là cô giáo mầm non,

nghề chi mà dễ sớm con muộn chồng.

Đêm thì vắng, ngày thì đông

Chăm thì chăm thế, mẹ chồng vẫn chê!

Sáng sớm đi, tối muộn về

Trong nhà chân đất, dép lê ngoài đường,

Chồng thì khi giận khi thương.

Trẻ thì đứa ấm, đứa ương lạ đời.

Trẻ ngoan thì cô mới cười

Con mình thì nhặng, con người mình chăm

Lương mình chẳng đủ mình ăn

Thì em cấy ruộng cho bằng người ta.

Rồi tác giả đã kết luận :

- Trẻ thơ như chiếc lá điều

Em là ngọn gió một chiều đương thu.

Mặc cho những nghịch lý, mặc cho những nỗi buồn, nghề nhà giáo vẫn cao trọng, vẫn tốt đẹp. Ở mọi nơi và trong mọi lúc, quê hương này vẫn luôn cần đến, vì lương sư hưng quốc, và kể trăm năm không gì bằng trồng người.

Chuyện phiếm của Gã siêu.

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA